PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG KINH 42 CHƯƠNG

Thầy Thích Phước Quảng	100	Diệu Thảo (Hiền Đặng)	700
Thầy Thích Phước Viên	100	Diệu Lượng	100
Thầy Thích Phước Nhơn	100	Lưu Như Tú pd. Từ Thị	25
Thầy Thích Kiên Trú	50	Trần Văn Khoái	50
Sư cô Thích Phước Ngọc	50	Nguyễn Thanh Trúc	100
Đặng Văn Johnny	50		

HỒI HƯỚNG CẦU SIÊU CHƯ HƯƠNG LINH

G. linh Sư cô Thích P. Chiếu	50	Hl. Tôn Thất Mậu	50
G. linh Sư cô Thích P. Hải	50	Hl. Trần Văn Khoa	50
Hl Đỗ thị Bảy pd. Diệu Huệ	50	Hl. Đinh Thị Ngọc Quyên	50
Hl Hoàng Thu Dung	50	Hl. Phùng Thị Liễu	50
Hl. Nguyễn Brain	50	Hl. Lý Dũ	50
Hl. Huỳnh Xuân Hoàng	50	Hl. Phạm Thành Long	50
Hl. Lê Thị Hồng	50	Hl. Nguyễn Văn Sơn	50
Hl. Phùng Thị Oanh	50	Hl. Trinh Anh	50
Hl. Brian Nguyễn	50	Hl. Tony Đoàn	50
Hl. Nguyễn Đình Hai	50	Hl. Chung Chí Hồng	50
Hl. Nguyễn Thị Hường	50	Hl. Nguyễn Thị Sô Huệ Hiền	50

VÃNG SANH CỰC LẠC QUỐC

Nguyện đem công đức nầy
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo

LỜI ĐẦU SÁCH

Kinh Tứ Thập Nhị Chương là bốn mươi hai bài kinh do hai ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dịch. Hai ngài này là người Ấn Độ, sang Trung Hoa vào thời đại nhà Tiền Hán, tức Hán Minh Đế. Trong quyển Việt Nam Phật Giáo Sử Luận tập một, trang 52, tác giả Nguyễn Lang do nhà xuất bản Lá Bối ấn hành năm 1973, trong đó có đoạn nói về Kinh Tứ Thập Nhị Chương, theo giáo sư Nguyễn Lang cho rằng: *"Kinh này hình thức và nội dung đã khác nhiều với Kinh Tứ Thập Nhị Chương lưu hành ở thế kỷ thứ hai. Nhiều tư tưởng Thiền và Đại thừa đã được thêm vào"*. Nghĩa là có những đoạn văn không giống nhau. Ở đây, chúng tôi không có trích nêu dẫn chứng rườm rà, vì xét thấy không cần thiết trong lời nói đầu này. Vẫn theo giáo sư Nguyễn Lang, thì Kinh Tứ Thập Nhị Chương, xét theo thể tài, không phải là được dịch từ một cuốn kinh Phạn Ngữ, mà là được trích dịch từ nhiều bản kinh Phạn Ngữ. Ông dẫn chứng nêu ra nhiều đoạn khác nhau, để minh định rằng quyển kinh mà hiện lưu hành và đã được nhiều Phật tử tụng đọc học hỏi có thể xuất hiện vào thế kỷ thứ tư hoặc thứ năm, chớ không phải vào thế kỷ thứ hai.

Dù có khác nhau về thời gian xuất hiện, nhưng nội dung cũng không có gì thay đổi. Sở dĩ gọi 42 bài kinh là do vì chư tổ rút ra từ những bài kinh rải rác khác để đúc kết thành 42 bài kinh cho người học dễ hiểu và dễ nhớ để thật hành. Kinh này, là một trong ba bộ kinh mà người mới xuất gia vào chùa đều phải học. Ngoài kinh này ra, còn có hai bộ kinh khác là Kinh Di Giáo và bộ Luận Qui Sơn

Cảnh Sách, mà trong thiền môn thường gọi là Phật Tổ Tam Kinh. Có thể nói, kinh này như là quyển kinh gối đầu giường mà người xuất gia nào cũng phải học. Vì nội dung của kinh nghiêng nặng dạy cho người xuất gia. Tuy nhiên, nói thế, không có nghĩa là người cư sĩ tại gia không học được. Nếu người cư sĩ tại gia học và hành trì thì cũng mang lại nhiều lợi ích rất lớn.

Trong mùa An Cư năm nay (2025) tức năm Ất Tỵ, chư Tăng, Ni Tổ Đình Phước Huệ có nhã ý muốn chúng tôi giúp cho các vị đó học bộ kinh này, nên chúng tôi cố gắng biên soạn theo hình thức giảng giải sơ yếu từng câu để cho học chúng tiện bề theo dõi học hỏi. Vẫn biết bộ kinh này đã có nhiều nhà dịch và giảng giải như: Hòa Thượng Thích Thanh Từ, cố Đại lão Hòa Thượng Tuyên Hóa, Cố Hòa Thượng Thích Hoàn Quan, Thượng Tọa Tuệ Hải v.v... Dĩ nhiên, tùy theo sự hiểu biết nhận thức của mỗi vị mà có sự trình bày hướng dẫn mỗi cách khác nhau. Riêng bản thân chúng tôi, nhớ lại xưa kia, khi còn ở trong Phật học viện, chúng tôi cũng có được chút cơ may là học bộ kinh này với cố Hòa Thượng Thích Hoàn Quan. Kinh này chính do Ngài dịch và giảng giải. Nay thể theo sự yêu cầu của chư Tăng, Ni chúng Phước Huệ, vẫn biết sở học của mình vẫn còn giới hạn kém khuyết, nhưng với tinh thần "Kiến hòa đồng giải" theo sáu phép Lục Hòa Phật dạy, mà chúng tôi mạo muội cố gắng biên soạn kinh này để trao đổi chia sẻ cùng với quý huynh đệ, gọi là người đi trước hướng dẫn người đi sau, chỉ có thế thôi.

Trong khi biên soạn, chắc chắn chúng tôi không sao tránh khỏi những điều lỗi lầm sai sót, nếu có, kính mong các bậc Cụ nhãn Cao minh Thiện hữu tri thức xa gần, hoan hỷ niệm tình thứ lỗi và chỉ giáo cho. Soạn giả xin hết lòng tri ân đa tạ.

26. Tam Quy & Ngũ Giới – 2014
27. Chuyện Thiền Môn – 2014
28. Sinh Hoạt Đạo Tràng – 2016
29. Sa Di Oai Nghi Giản Lược – 2017
30. Tỳ Kheo Giới Giản Yếu – 2021
31. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Yếu Giải – 2021
32. Nghệ Thuật Diễn Giảng – 2014
33. Chuyến Về Việt Nam – 2020
34. Phật Học Danh Số Thông Dụng 1 – 2022
35. Phật Học Danh Số Thông Dụng 2 – 2023
36. Hoài Niệm Tuổi Thơ – 2023
37. Hướng Dương Tuyển Tập Yếu Giải tập 1 và 2 – 2023
38. 48 Pháp Niệm Phật Lược Giải – 2023
39. Kinh A Di Đà Lược Giải - 2024
40. Kinh Thiện Ác Nhân Quả - 2024
41. Hà Nội Thập Nhựt Du Hành Ký - 2024
42. Qui Sơn Cảnh Sách - 2025
43. Kinh Tứ Thập Nhị Chương - 2025
44. Kinh Di Giáo - 2025

SÁCH ĐÃ IN CÙNG MỘT TÁC GIẢ

1. Kinh Pháp Cú Song ngữ Chú Giải Tập 1 - 2005
2. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 2 - 2007
3. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 3 - 2008
4. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 4 – 2009
5. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 1 - 2009
6. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 2 - 2010
7. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 3 - 2015
8. Hướng Dương Thi Tập 1 – 2010
9. Hướng Dương Thi Tập 2 – 2016
10. Hướng Dương Thi Tập 3 – 2020
11. Oai Nghi Của Một Tu Sinh – 2010
12. Bồ Tát Giới Tại Gia Giản Yếu – 2011
13. Một Cõi Đi Về 1 – 2011
14. Một Cõi Đi Về 2 – 2014
15. Một Cõi Đi Về 3 - 2018
16. Một Cõi Đi Về 4 – 2021
17. Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc – 2011
18. Một Đạo Tràng Lý Tưởng – 2011
19. Hành Trình Trên Đất Phật – 2012
20. Mông Sơn Thí Thực Yếu Giải – 2012
21. Phù Tang Ký Sự - 2012
22. Sơ Lược Tiến Trình Xây Dựng Chùa Quang Minh - 2012
23. Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải 1 - 2013
24. Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải 2 – 2021
25. Những Ngày Trên Đất Mỹ - 2013

Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành kính tri ân Thượng tọa Thích Phước Viên đã giúp cho phần kỹ thuật trình bày và in ấn, Thượng tọa Thích Minh Từ giúp cho phần phác họa hình bìa. Chúng tôi cũng không quên kính cảm ơn Sư Cô Phước An và Thức xoa ma na Vạn Tường đã tận tâm giúp cho phần sửa bản in. Đồng thời, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý liên hữu trong hai đạo tràng: Phước Huệ và Quang Minh, cũng như quý Phật tử xa gần đã phát tâm hỷ cúng tịnh tài góp phần ấn tống quyển kinh này. Chúng tôi xin hết lòng tùy hỷ tán thán công đức của toàn thể liệt quý vị.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng về cho pháp giới chúng sanh đồng trọn thành Phật đạo.

Kính nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư Tôn liệt vị thân tâm thường lạc, vạn sự hanh thông, tùy tâm mãn nguyện.

Khởi soạn ngày 28/3/2025
Pháp Lạc Thất
Cẩn bút

Tỳ kheo Thích Phước Thái

A. PHẦN LƯỢC KHẢO

I. Duyên Khởi

Theo sử ghi lại, "Kinh Tứ Thập Nhị Chương là một bộ kinh được phiên dịch đầu tiên ở Trung Quốc. Nguyên vào đời Hậu Hán (Đông Hán) niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 3 (TL 60), một hôm vua Minh Đế nằm mộng thấy một người mình vàng, cao một trượng sáu (2m6), trên đỉnh có hào quang chiếu sáng như mặt nhật bay đến trước sân điện nhà vua. Sáng ra, nhà vua bèn đem điềm mộng ấy hỏi trong quần thần, khi ấy có ông Thái sư Phó Nghị tâu rằng: "Thần nghe bên Tây Vức có vị Thánh lấy hiệu là Phật Đà, toàn thân một màu vàng kim sắc. Có khi bệ hạ đã thấy Ngài đó chăng?"

Nghe xong, nhà vua liền sai ông Thái Hâm và Vương Tuân, phái đoàn cả thảy 18 người qua nước Đại Nhục Chi thuộc về Ấn Độ, để thỉnh kinh tượng. Đi nửa đường, phái đoàn gặp hai vị pháp sư Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dùng bạch mã chở kinh điển từ Thiên Trúc qua Trung Quốc. Mãi đến năm thứ 10 niên hiệu Vĩnh Bình (TL67), phái đoàn mới về tới Lạc Dương. Bấy giờ vua Minh Đế liền sắc chỉ cho xây cất chùa Bạch Mã để thờ Phật và kinh. Đồng thời, cũng thỉnh hai vị pháp sư ở đó lo việc phiên dịch truyền bá và bộ Kinh Tứ Thập Nhị Chương được hai ngài phiên dịch trước nhất.

Trong giới học Phật, ai cũng biết kinh này hàm chứa Sự, Lý rất tinh diệu phong phú.
"Về Sự, thì ngay trong chương đầu đã ghi được thành tích

- Chương 18: Bát Nhã Độ (Hậu Đắc Trí) 108
- Chương 19: Gia Hạnh Trí 112
- Chương 20: Quán Vô Ngã Như Huyễn 115
- Chương 21: Thông Quán Ngũ Dục 117
- Chương 22: Thông Quán Ngũ Dục (tiếp theo) 123
- Chương 23: Thông Quán Ngũ Dục (tiếp theo) 127
- Chương 24: Thông Quán Ngũ Dục (tiếp theo) 131
- Chương 25: Thông Quán Ngũ Dục (tiếp theo) 133
- Chương 26: Thông Quán Ngũ Dục (tiếp theo) 135
- Chương 27: Tinh Tấn Độ 138
- Chương 28: Tinh Tấn Độ (tiếp theo) 142
- Chương 29: Tinh Tấn Độ (tiếp theo) 144
- Chương 30: Tinh Tấn Độ (tiếp theo) 148
- Chương 31: Tinh Tấn Độ (tiếp theo) 150
- Chương 32: Tinh Tấn Độ (tiếp theo) 154
- Chương 33: Bị Giáp Tinh Tấn Tướng 155
- Chương 34: Nhiếp Thiện Tinh Tấn 158
- Chương 35: Nhiếp Thiện Tinh Tấn (tiếp theo) 163
- Chương 36: Nhiếp Thiện Tinh Tấn (tiếp theo) 165
- Chương 37: Minh Cấp Giới Thừa 170
- Chương 38: Minh Cấp Giới Thừa (tiếp theo) 173
- Chương 39: Tín Giáo Nhiếp Lý Tu Hành 177
- Chương 40: Giải Lý 179
- Chương 41: Tu Hành 182
- Chương 42: Phần Tổng Kết 184
Phương Danh Ấn Tống 200

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu 1
A. Phần Lược Khảo 4
1. Duyên Khởi 4
2. Nội Dung Và Ý Chỉ Của Toàn Kinh 5
3. Vài Nét Về Dịch Giả 6
B. Phần Tổng Khởi 8
C. Phần Chánh Thuyết 14
- Chương 1: Tam Thừa Cộng giáo Hạnh Quả 14
- Chương 2: Tu Hạnh Xuất Gia 29
- Chương 3: Tu Hạnh Xuất Gia (tiếp theo) 36
- Chương 4: Ngũ Thừa….Thông Nghĩa 42
- Chương 5: Ngũ Thừa … Thông Nghĩa (tiếp theo) 47
- Chương 6: Ngũ Thừa … Thông Nghĩa (tiếp theo) 55
- Chương 7: Ngũ Thừa … Thông Nghĩa (tiếp theo) 60
- Chương 8: Ngũ Thừa … Thông Nghĩa (tiếp theo) 68
- Chương 9: Đại Thừa ... Thắng Hạnh 72
- Chương 10: Tu Lục Độ 74
- Chương 11: Bố Thí Độ (Bố thí Ba la mật) 79
- Chương 12: Bố Thí Độ (Bố thí Ba la mật) 84
- Chương 13: Trì Giới Độ (Trì giới Ba la mật) 92
- Chương 14: Trì Giới Độ (tiếp theo) 96
- Chương 15: Nhẫn Nhục Độ 98
- Chương 16: Thiền Tịnh Độ 101
- Chương 17: Bát Nhã Độ (Trí huệ Ba la mật) 105

trước sau của Đức Thế Tôn thành đạo và nói pháp, nên kinh này có thể làm những bài học quý báu để ghi nhớ bổn hạnh của đức Thích Ca Từ Phụ vậy.

Về Lý, thì Tứ Thập Nhị Chương bao quát tất cả giáo nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa. Ngay nơi đó, người đọc có thể biết được pháp yếu của Phật pháp, không cần tìm tòi đâu nữa".

II. Nội Dung Và Ý Chỉ Của Toàn Kinh

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương Giải Thích, do cố Hòa thượng Thích Hoàn Quan soạn dịch ấn hành Phật lịch 2542, Ngài có nêu ra phần nội dung và ý chỉ của toàn kinh như sau:

1. Ba chương đầu là lời dạy chung về "Hạnh" và "Quả" của Tam thừa (Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát). Ở ba quả vị này đều lấy liễu thoát sinh tử làm căn bản. Đó là chỗ thông nhau, đều lấy việc xuất gia làm Nhân và lấy việc liễu thoát sinh tử làm Quả. Đó là chỗ cộng thông của ba thừa.

2. Từ chương 4 đến chương 8 là thuyết minh nghĩa nhân quả thiện ác của thế và xuất thế gian. Đây là nghĩa thiện ác thông cả Ngũ thừa. Y trên hai nghĩa này ta thấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều được tóm thâu không sót.

3. Từ chương 9 đến chương 38 là đặc biệt thuyết minh về thắng hạnh của Đại thừa bất cộng. Lục độ vạn hạnh đều được hàm chứa trong đó. Vì thế mà trong kinh này, giản lược nghĩa lý Tiểu thừa, thuyết minh rõ về nghĩa lý Đại thừa để đem tất cả Phật pháp về một mối.

4. Từ chương 39 đến chương 41 là nói tổng quát về giáo, lý và hạnh. Giáo phải tín thọ. Lý phải thông hiểu. Hạnh phải tu trì.

5. Chương cuối cùng là tổng kết: Phải đem Phật trí mà quán sát khắp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

"Y cứ trên những lý lẽ đã trình bày, thì dù cho sau này, các vị cổ đức có phương tiện diễn nói bao nhiêu nghĩa lý trong 3 tạng 12 bộ kinh chăng nữa, cũng không thể vượt ra ngoài bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương này được. Ấy là chỗ tinh diệu, phong phú của Kinh Tứ Thập Nhị Chương vậy".

III. Vài Nét Về Dịch Giả

Trúc Pháp Lan

Cho đến nay không ai biết rõ năm sanh và năm mất của Ngài. Chỉ biết Ngài là một bậc cao tăng Ấn Độ sang Trung Quốc dịch kinh vào thời Đông Hán. Sư tụng kinh luận mấy vạn chương, là bậc thầy của các học giả Thiên Trúc.

Lương Cao Tăng Truyện 1 ghi: Vua Minh Đế đời Đông Hán phái ngài Thái Âm đến Tây Vực thỉnh kinh Phật, vào năm 67 Tây lịch. Sư và ngài Ca Diếp Ma Đằng người Đại Nguyệt Thị cùng nhau đến Trung Quốc, trụ chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, cùng ngài Ca Diếp Ma Đằng hợp dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương. Các kinh do Sư dịch còn có: Kinh Thập Địa Đoạn Kiết, Kinh Phật Bản Sanh, Kinh Phật Bản Hạnh, Kinh Pháp Hải tạng.

Sau, Sư thị tịch ở Lạc Dương, thọ hơn 60 tuổi.

này. Ta thấy, rải rác trong các bài kinh của 42 bài kinh này, không bài kinh nào mà đức Phật không chú trọng đề cập đến ba môn học này. Vì nó là cốt lõi của sự giác ngộ và giải thoát. Chính bản thân đức Phật trong lúc tu nhân, Ngài cũng phải y cứ vào con đường này mà tu tập. Không riêng gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà mười phương chư Phật cũng phải đi theo con đường duy nhất này mới có thể thành tựu được đạo quả.

Trong phần "Tổng Khởi", ta thấy đức Phật đã nêu bày rất rõ cái yếu chỉ của toàn kinh. Yếu chỉ đó là phải ***"rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh là hơn hết".*** Muốn rời bỏ tham dục, cố nhiên là phải hành trì "giới luật" nghiêm minh. Kế đến muốn hàng phục ma đạo là phải an trụ "Đại thiền định". Và từ đó, dùng diệu dụng "Trí huệ Bát nhã" ra giáo hóa chúng sanh. Người đầu tiên được Phật giáo hóa là năm anh em Kiều Trần Như. Như vậy, ta thấy rất rõ nét về ba môn học **"Giới, Định, Huệ"** rất quan trọng mà đức Phật đã cật lực tuyên bày. Người xuất gia chúng ta nói riêng và người con Phật nói chung, muốn được giác ngộ giải thoát, chúng tôi thiết nghĩ, không còn có một lộ trình nào khác. Đây là lộ trình mà đức Phật đã trải nghiệm thực hiện và Ngài đã vạch bày chỉ thẳng phương hướng cho chúng ta. Còn đi hay không là tùy sự quyết định ở nơi mỗi người. Theo tôi, ngoài con đường này ra, không còn có con đường nào khác. Dù tu bất cứ pháp môn nào cũng phải đi đúng theo lộ trình này mới mong được giác ngộ và giải thoát hoàn toàn mà thôi.

Soạn xong tại Pháp Lạc Thất

Ngày 28/4/2025

Thích Phước Thái

Cây cỏ bốn mùa luôn luôn thay đổi theo định lý vô thường. Tươi, héo, úa, tàn, xanh, vàng v.v... đó là những trạng thái tiêu biểu cho sự thay đổi theo thời tiết nhân duyên. Sự hưng hóa thịnh suy của cuộc đời này nó cũng có lúc vầy lúc khác. Hết vinh tới nhục, khi lên voi, lúc xuống chó, đó là lẽ thường tình của con người và cuộc đời. Sách có câu: "Hết cơn bỉ cực đến hồi thới lai". Điều này để nói lên rằng, Phật pháp vốn ứng theo tâm niệm của chúng sanh mà khởi, tùy duyên nhu cầu của thế gian mà hiện. Tuy nhiên, có điều ta nên lưu ý: Phật pháp tùy duyên hóa độ, nhưng tùy duyên không có nghĩa là nó bị biến chất. Mà tùy duyên nhưng phải bất biến, thì cái tùy duyên đó mới thực sự đúng với ý nghĩa của nó. Còn tùy duyên mà bị biến chất là thứ tùy duyên tha hóa, trầm luân sa đọa. Tùy duyên làm cho hưng hóa như cây cỏ tươi đẹp bốn mùa, đó mới là tùy duyên thuận theo tâm địa chúng sanh và hoàn cảnh môi trường xã hội mà làm lợi ích cho muôn loài.

Tóm lại, qua 42 bài kinh mà chúng ta đã nghiên tầm học hỏi, ta thấy mỗi bài kinh là một đề tài quan trọng để cho chúng ta thiền quán và phải thiền quán một cách sâu sắc. Có thiền quán sâu sắc, thì chúng ta mới có thể hiểu được phần nào qua lời Phật dạy. Bài kinh nào Phật cũng nhắm thẳng vào người xuất gia. Bởi kinh này đặc biệt dành riêng nghiêng hẳn về người xuất gia, nhất là người mới xuất gia vào chùa tập tu theo hạnh nguyện đạo lý giải thoát. Con đường tu tập của người xuất gia không ngoài "Tam vô lậu học". Đó là ba môn học để được giác ngộ giải thoát. Ngoài ba môn học **"Giới, Định, Huệ"** này ra, thực sự không còn có con đường nào khác. Bởi vì, như chúng ta đã biết, toàn bộ hệ thống giáo điển của Phật giáo đều xây dựng vững chắc trên nền tảng của ba môn học

Ca Diếp Ma Đằng

Sư là cao tăng đầu tiên truyền Phật giáo vào Trung Quốc. Sư là người Ấn Độ, sanh trong gia đình Bà la môn, thông hiểu nhiều kinh điển Đại thừa. Sư đến một nước nhỏ miền Tây Ấn Độ giảng Kinh Kim Quang Minh, nhờ nhân duyên đó khiến cho nước này tránh khỏi tai họa chiến tranh.

Đời Hậu Hán năm 67, nhận lời mời của vua Minh Đế, Sư cùng Trúc Pháp Lan mang Kinh và tượng Phật đến thành Lạc Dương, trụ ở chùa Bạch Mã và cùng dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương. Đây là bộ kinh được dịch đầu tiên ở Trung Quốc. (chúng tôi ghi theo bản Kinh Tứ Thập Nhị Chương của cố giáo sư Hoàn Quan)

B. PHẦN TỔNG KHỞI

Kinh Văn:

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: "Ly dục tịch tịnh, thị tối vi thắng"; trụ đại thiền định hàng chư ma đạo. Ư lộc dã uyển trung chuyển Tứ Đế pháp luân, độ Kiều Trần Như đẳng ngũ nhơn nhi chứng đạo quả. Phục hữu Tỳ kheo sở thuyết chư nghi, cầu Phật tấn chỉ, Thế Tôn giáo sắc nhứt nhứt khai ngộ, hiệp chưởng kỉnh nặc, nhi thuận tôn sắc.

Dịch Nghĩa:

Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, Ngài khởi niệm suy nghĩ: "Rời bỏ ham muốn được sự vắng lặng thật là tối ư quan trọng. Rồi Ngài an trụ Đại thiền định, hàng phục các ma quân. Sau đó, Đức Phật đến vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân "Tứ Đế" độ năm anh em Kiều Trần Như đều chứng được đạo quả. Lại có thầy Tỳ kheo nào trình bày các sự nghi ngờ của mình cầu Phật giải quyết, thì Đức Thế Tôn chỉ dạy rõ ràng ai nấy đều được khai ngộ, chấp tay cung kính mà vâng lời Phật dạy.

Giảng Giải:

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: "Ly dục tịch tịnh, thị tối vi thắng"; trụ đại thiền định, hàng chư ma đạo.

Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, Ngài khởi niệm suy nghĩ: "Rời bỏ ham muốn được sự vắng lặng thật là tối ư quan trọng". Rồi Ngài an trụ Đại thiền định, hàng phục các ma đạo.

phiền não thành Bồ đề, Chuyển sanh tử thành Niết bàn, hay chuyển mê khai ngộ v.v...

Thị đảo chánh như lục long vũ.

Xem sự thuận nghịch như sáu con rồng múa.

Sáu con rồng múa thì đầu đuôi lẫn lộn không thể phân biệt được, vì chúng nó khi lên khi xuống nhào qua lộn lại luôn luôn. Cũng thế, chúng sanh đem vọng tâm phân biệt so đo, nên thấy có lên có xuống, có thuận có nghịch, có ngược có xuôi, nhưng nếu dùng Phật trí mà quán sát thì không thể chỉ ra được. Ngược lại, nếu chúng ta dùng tâm điên đảo vọng tưởng mà nhìn vào vạn pháp, thì vạn pháp cũng điên đảo, khác nào như những con rồng kia nhào qua lộn lại, lên xuống bất thường vậy.

Thị bình đẳng như nhứt chơn địa.

Xem pháp bình đẳng như Nhất chơn địa.

Tâm vọng động sai biệt nhìn vạn pháp cũng vọng động sai biệt. Nếu đem tâm bình đẳng nhìn vào vạn pháp, thì muôn pháp cũng bình đẳng. Muôn pháp tùy tâm biến hiện, tâm ta an vui thì thấy tất cả đều vui. Ngược lại, khi tâm ta buồn thì thấy mọi cảnh vật đều buồn. Vì thế mà trong Truyện Kiều có câu: "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Cảnh thì không có vui buồn, vui hay buồn là do tâm ta mà thôi. Trong Kinh Pháp Hoa có câu: "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ". Nghĩa là pháp nào an trụ theo vị trí của pháp đó, tướng các pháp thế gian đều vắng lặng. Nếu đem Phật trí quán sát thì tất cả pháp vốn không tà chánh, nên dùng tâm bình đẳng trực nhận các pháp đều vắng lặng.

Thị hưng hóa như tứ thời mộc.

Xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa.

hoại, vì nó rốt ráo bình đẳng, chỉ có một Tâm Chơn như mà thôi".

Thị thiền định như Tu di trụ.
Xem thiền định như núi Tu di.

Tu di, Trung Hoa dịch nghĩa là núi Diệu Cao, là một quả núi trung tâm của thế giới, không thể làm cho nó chuyển động được, nên lấy nó để dụ cho thiền định. Thật ra, chỉ nghe trong kinh nói như thế, kỳ thật từ xưa tới nay không ai biết núi Tu di như thế nào. Người nào có một năng lực thiền định cùng tột như Phật, thì mới so sánh kiên cố vững mạnh không lay động như núi Diệu cao. Thiền định là cột trụ trong Phật giáo. Tu bất cứ pháp môn nào cũng phải có thiền định. Dù tu pháp môn Tịnh độ trong đó cũng có thiền định. Khi chúng ta tập trung tâm ý vào một điểm, không phóng tâm nghĩ tưởng gì khác, thì ngay lúc đó ta đã có thiền có định rồi. Thiền định theo lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng trong Kinh Pháp Bảo Đàn là: "Ngoài không dính mắc vào sáu trần là thiền, trong tâm không loạn động là định". Lời dạy này, đâu có khác gì câu nói của Sơ Tổ Trúc Lâm: "Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền".

Thị Niết bàn như trú tịch ngụ.
Xem Niết bàn như ngày đêm đều thức.

Ban đêm ngủ, ban ngày thức, đây là nói theo lệ thường của con người. Có những người vì cuộc sống mà họ phải làm trái ngược lại là ban đêm thức, ban ngày ngủ. Bởi vì những người này họ làm ca đêm (night ship). Tuy nhiên số người làm trái với giờ giấc thì không có nhiều lắm. Ý của lời dạy trên là chuyển tối thành sáng, chuyển vô minh thành tri huệ. Vì thế Phật đạt được Niết bàn như người tỉnh cơn đại mộng. Cho nên chữ **"CHUYỂN"** rất quan trọng đối với người tu hành. Ta thường nghe nói: Chuyển

Thế Tôn là một trong mười danh hiệu của Phật. Tiếng Phạn gọi là Bạc già phạm (Bhagavat), cũng gọi là Lô ca na tha (Lokanatha); cũng gọi là Bà già bà. Chữ Thế, chỉ chung cho các loài hữu tình thế gian. Phật là bậc đầy đủ phước trí trang nghiêm; là bậc tôn kính của cả trời người, nên gọi là Thế Tôn.

Nói thành đạo có nghĩa là Phật đã "tròn chứng pháp thân" thấy rõ được bản tánh uyên nguyên của vũ trụ. Nói cách khác, đức Phật đã chứng ngộ đạt được cái "Chân lý tuyệt đối". Chân lý này vượt ngoài phạm trù nhân duyên đối đãi. Đồng thời, Ngài đã sống một cách trọn vẹn với cái chân lý này. Và rồi, Ngài liền khởi niệm suy nghĩ: "Rời bỏ ham muốn (tham dục) được sự vắng lặng (tịch tịnh) thật tối ư quan trọng". Trước hết, chúng ta nên tìm hiểu về lòng tham dục của con người.

Như chúng ta đã biết, tham dục là nguồn gốc của mọi khổ đau. Nó phát xuất từ lòng si mê chấp ngã và ngã sở của con người mà ra. Vì si mê nên con người thấy tất cả mọi hiện tượng đều là thật. Từ ngoại cảnh cho đến thân tâm cái gì cũng là thật cả. Do lòng si mê chấp ngã và pháp quá nặng đó, nên con người tạo ra nhiều ác nghiệp, để rồi chính mình phải tự chuốc lấy mọi hậu quả khổ đau, do mình đã gây ra. Với cái nhìn tuệ nhãn, thì vạn pháp đều là duyên sinh. Đã là duyên sinh thì mọi vật đều là hư huyễn, khác nào như hoa đốm trong hư không, hay như ánh trăng dưới nước, như bóng trong gương v.v... Tất cả không có gì là bền chắc lâu dài.

Bằng vào tuệ nhãn đó, đức Phật đã khuyên chúng ta nên "*rời bỏ tham dục".* Con người có xa lánh ngũ dục lạc thế gian (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ) thì

mới tránh được mọi khổ đau cho mình và người, vì không còn tham lam tỵ hiềm tranh chấp... Chúng ta phải nhìn vạn pháp bằng con mắt trí tuệ đó, thì mới nhận chân được sự thật của cuộc đời. Có thấy mọi vật là vô thường, vô ngã huyễn ảo, từ đó, chúng ta mới có thể ít muốn biết đủ (thiểu dục tri túc) và rồi tâm thể của chúng ta mới được sáng suốt thanh tịnh. Vì vậy, Phật mới cho rằng: "*Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh thật là hơn hết"*. Tịch tịnh là tên khác của Niết bàn. Điều tư duy này, là kết quả của một quá trình trải nghiệm thực chứng của đức Phật. Nói cách khác, muốn cho tự tâm ta được thanh tịnh sáng suốt, thì ta phải quán chiếu được thực chất của khổ đau. Tất cả đều do si mê vọng chấp ái ngã, ái pháp mà ra. Cho nên người tu hành muốn cho mình được giác ngộ và giải thoát, cố nhiên là chúng ta cần phải **"LY DỤC".** Có ly dục thì ta mới có được hỷ lạc và Niết bàn tịch tịnh.

Ngẫm kỹ tu hành một chữ "Ly"
Ly thân, ly cảnh lại ly "Si"
Ly lòng tham ái nhiều ham muốn
Ly đến tận cùng hết chỗ ly
Trên đường giác ngộ phải ly thôi
Phiền não viễn ly hết luân hồi
Giải thoát buộc ràng ly tất cả
Xa lìa vọng tưởng mới yên ngồi
Thái tử ngày xưa cũng đã ly
Một mình bán dạ đã ra đi
Xa lìa mọi thứ ngai vàng báu
Quyết chí tu hành phải xả ly

(Thích Phước Thái)

Tiếp đến Phật lại cho chúng ta một bài học nữa về sự hàng phục ma đạo. Trên bước đường tu hành ít nhiều gì, chúng

chẳng có gì cả. Phật tuy có chứng được quả Vô thượng Bồ đề, nhưng không có gì gọi là chứng đắc cả. Bởi vì cái thực thể bất sanh bất diệt, còn gọi là bản thể của muôn loài, cái đó nó sẵn có từ vô thủy đến giờ, chẳng qua là đức Phật giác ngộ chứng được cái bản thể đó và Ngài sống trọn vẹn, nên gọi Ngài là đấng toàn giác thế thôi. Thật ra, tất cả chỉ là những danh từ giả lập, kỳ thật không có gì là chứng đắc cả.

Thị Phật đạo như nhãn tiền hoa.
Xem Phật đạo như hoa đốm trước mắt.

Vì Phật đạo không thể nói năng hay luận bàn đến được, chẳng qua là giả mượn phương tiện để nói năng luận bàn trong thế giới tương đối mà thôi. Cho nên trong Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: Phật thuyết pháp 49 năm, cuối cùng Ngài nói: "Ta không nói một lời nào cả". Như thế có phải là Phật đã phủ nhận tất cả những gì mà trước đây Ngài đã nói. Nếu không nói một lời nào, thì tại sao lại có ba tạng kinh điển? Như vậy, đức Phật có lừa gạt chúng ta hay không? Thật ra, đức Phật không bao giờ lừa dối gạt gẫm ai cả. Sở dĩ Ngài nói như thế, là vì đến cái chỗ cùng tột không lời; không còn dùng lời lẽ luận bàn đến được, thì tuy có nói, nhưng mà không nói, vì thế nên nói độ chúng sanh như mộng. Làm Phật sự như hoa đốm giữa hư không, hay như trăng dưới nước, như bóng trong gương. Trong Khởi Tín Luận Tổ Mã Minh cũng có nói: "*Tâm Chơn như là cái tâm tánh bất sanh, bất diệt, Thể và Tướng nó to lớn bao trùm tất cả pháp giới. Sở dĩ các pháp sai khác là do vọng niệm; nếu rời vọng niệm thì không còn các cảnh tướng sai khác. Bởi thế, nên tất cả pháp từ hồi nào đến giờ, không thể dùng danh tự để kêu gọi, không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ được, không có biến đổi, và cũng không phá*

Khi nhân duyên không còn thì sự vật tan rã thế thôi. Đó là cái nhìn thẩm thấu vào **"VÔ TƯỚNG"** của sự vật. Nhìn như thế, thì ta không còn bị đau khổ nữa.

Thị phương tiện môn như hóa bảo tụ.
Xem các môn phương tiện như những thứ báu hóa hiện.

Như đã nói, dùng Phật trí để quán pháp xuất thế gian. Môn phương tiện chỉ là một pháp môn quyền biến tạm thời. Vì nương phương tiện để đạt được cứu cánh. Cho nên xem các môn phương tiện như là những thứ báu vật hóa hiện. Lý do, là vì nếu không có phương tiện thì làm sao có thể đạt được cứu cánh? Như nương ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Ngón tay không phải là mặt trăng. Văn tự và quán chiếu cũng chỉ là phương tiện Bát nhã. Với mục đích là nương văn tự để quán chiếu và cuối cùng là phải đạt cho được cái Thật tướng của vạn pháp. Hiểu thế, thì ta không nên chấp chặt chết chìm trong phương tiện. Xin đừng nhận lầm cho ngón tay là mặt trăng. Nếu nhận lầm như thế, thì muôn đời vạn kiếp cũng không bao giờ thấy được mặt trăng, nghĩa là không bao giờ đạt được chân lý cứu cánh.

Thị Vô Thượng thừa như mộng kim bạch.
Xem pháp Vô Thượng thừa như mộng thấy vàng lụa.

Vô thượng thừa là quả vị cao tột, không ai có thể vượt hơn được. Đây là lời khen ngợi cực điểm của giáo pháp, tức là tên khác của Đại thừa. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "Vượt khỏi Nhị thừa, gọi là Đại thừa". Đại thừa còn gọi là Đệ nhất thừa, Tối thắng thừa, Thượng thừa, Vô thượng thừa là chỉ cho quả vị Phật. Vì đức Phật đã chứng được đạo Vô thượng, rốt ráo không còn sở đắc, giống như khi nằm mộng thấy có vàng lụa nhưng khi thức giấc thì

ta cũng đã từng gặp phải những chướng ngại thử thách. Những chướng duyên thử thách này, dù thuận hay nghịch cảnh, tất cả cũng đều làm trở ngại cho sự tiến tu của chúng ta, nên Phật gọi chúng là ma chướng. Nói ma chướng, tựu trung không ngoài 4 loại: "Ngũ ấm ma, Thiên ma, Phiền não ma và Tử ma". Người tu hành muốn chiết phục những thứ ma quân này, thì Phật dạy chúng ta phải dùng thanh gươm trí tuệ chặt đứt tất cả. Nhờ đó, ta mới có thể đi sâu vào thiền định được. Ở đây, đức Phật cho chúng ta thấy bản thân của Ngài, muốn hàng phục các ma chướng là phải an trụ vào **"ĐẠI THIỀN ĐỊNH".** Đã an trụ như thế, thì bọn ma quân sẽ hết phương khuấy phá. Thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu đại khái cụm từ "Đại thiền định" này. Nói Đại định**,** tức Phật định. Đây là một đức trong ba đức của Phật. Ba đức của Phật là: "Đại định, Đại trí và Đại bi". Tâm Phật vắng lặng sáng suốt gọi là Đại định. Dùng tâm vắng lặng sáng suốt chiếu soi tất cả pháp giới ấy là Đại trí. Vì chiếu soi tất cả pháp giới nên đối với chúng sanh đau khổ sanh lòng cứu giúp ấy là Đại bi. Ba đức còn gọi là "*Trí đức, Đoạn đức và Ân đức*". Dùng Đại định đoạn tất cả vọng hoặc ấy là Đoạn đức. Trí đức và Đoạn đức thuộc về tự lợi còn Ân đức thuộc về lợi tha.

Ư lộc dã uyển trung chuyển Tứ Đế pháp luân, độ Kiều Trần Như đẳng ngũ nhơn nhi chứng đạo quả.
Sau đó, Đức Phật đến vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân "Tứ Đế" độ năm anh em Kiều Trần Như đều chứng được đạo quả.

Bản hoài của đức Phật ra đời là muốn chỉ bày cái "Tri Kiến Phật" cho tất cả chúng sanh. Nhưng ngặt vì căn cơ của chúng sanh bất đồng, nên buộc lòng đức Phật phải mở bày ra nhiều phương tiện, mà phương tiện đầu tiên là dùng

ngôn thuyết. Đức Phật là bậc Đạo Sư hay một bậc Đại Y Vương tùy theo căn bệnh của mỗi chúng sanh mà cho thuốc.

Bài thuốc "Tứ Đế" hay còn gọi là *Tứ thánh đế*, *Tứ diệu đế, Tứ chân đế.*

Tứ đế gồm có: Khổ đế (Dukkha), Tập đế (Sameda Dukkha), Diệt đế (Nirodha Dukkha) và Đạo đế (Nirodha Gamadukkha). Đây là bốn sự thật mầu nhiệm, mà đức Phật đã thuyết giáo lần đầu tiên để độ cho năm anh em Kiều trần Như. Những vị này, sau khi lãnh hội và thực hành giáo pháp Tứ đế, các Ngài đều được chứng quả A la hán. A la hán là quả vị tối cao của bốn quả vị Thanh Văn.

A la hán có ba nghĩa:

1. Sát tặc (giết hết giặc phiền não).
2. Vô sanh (không còn sanh trở lại nhơn gian).
3. Ứng cúng (xứng đáng thọ của trời người cúng dường).

Buổi thuyết pháp đầu tiên này, sử ghi lại, là Phật nói tại vườn Lộc Dã. Đây là một công viên rộng rãi có nhiều cảnh trí nên thơ đẹp mắt và là nơi hội tụ của nhiều con nai trú ngụ. Giáo lý Tứ Đế là một thứ giáo lý thông cả Tiểu thừa và Đại thừa. Là một thứ giáo lý căn bản làm nền tảng cho cả hai hệ thống tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển. Nhờ khéo ứng dụng giáo lý Tứ Đế vào đời sống hiện thực mà có không biết bao nhiêu người thoát mọi khổ đau để an hưởng Niết bàn.

Phục hữu Tỳ kheo sở thuyết chư nghi, cầu Phật tấn chỉ, Thế Tôn giáo sắc nhứt nhứt khai ngộ, hiệp chưởng kỉnh nặc, nhi thuận tôn sắc.

trong hạt cải. Nương vào cái thí dụ cái bàn thì ta có thể hiểu được lý này.

Thị A Nậu trì thủy như đồ túc du.
Xem nước ao A Nậu như dầu thoa chân.

Ao A nậu (Anavatapta), ao này ở trung tâm của Nam thiện bộ châu, ở về phía nam của Hương sơn và phía bắc của Tuyết sơn, châu vi đến 800 dặm (chừng 460, 800m). Theo trong Tây Vức Ký thì ao này hai bên bờ toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê ... dưới đáy toàn là cát vàng, mặt nước như gương. Đây là một cái ao lớn thuộc xứ Ấn Độ, cũng là nguồn của nhiều dòng nước.

Dầu thoa chân, ngày xưa bên Ấn Độ có thứ độc xà sanh sôi nảy nở, thường làm hại người nên phải dùng một thứ dầu thoa chân để ngừa rắn cắn. Đây cũng là ý muốn nói rằng: Sự vật lớn nhỏ vốn không thật tướng. Thật tướng có nghĩa là vô tướng, tức tướng không của muôn vật. Nước ao A nậu tuy là quý hiếm, nhưng Phật xem đó như một loại dầu thoa chân mà thôi. Thật ra chẳng có gì là quý giá cả. Bởi vì, vạn vật đều là vô thường ảo mộng, không có vật nào tồn tại lâu dài. Nhìn sự vật không nên bị kẹt vào hữu tướng, vì còn dính kẹt vào hữu tướng cố nhiên là ta rất đau khổ, khi sự vật đó tan biến. Như ta nhìn vào một đám mây, ta biết đám mây đó là do những thứ không phải đám mây tạo thành. Hơi nước không phải đám mây, sức nóng của mặt trời không phải đám mây, sông hồ biển cả ... không phải là đám mây. Tuy nhiên, nếu không có những thứ không phải là đám mây này, thì cũng không có đám mây kia. Vậy, tiền thân của đám mây là hơi nước, và hậu thân của đám mây là những đám mưa. Mưa là tiếp nối của đám mây. Nhìn vào thế giới hiện tượng, không có vật nào từ không mà biến thành có, hay từ có mà biến thành không. Tất cả đều do nhân duyên giả hợp tạo thành.

tu hành đạt đạo cao hơn, thì họ coi việc y phục như là thứ đồ giẻ rách. Bởi thế, người xuất gia theo pháp tu khổ hạnh Đầu đà thì thường là họ mặc y phấn tảo. Nghĩa là họ lượm những miếng giẻ rách mà người ta đã liệng bỏ ở nơi này nơi kia để khâu lại kết thành cái y để mặc, nên gọi đó là y phấn tảo hay y bá nạp. Đời sống đơn giản như thế bảo sao không giải thoát cho được? Nhưng không riêng gì đơn giản bề ngoài trong sự ăn mặc, mà phải đơn giản thành thật trong lòng của chính mình nữa. Có thế thì mới thực sự là giải thoát.

Thị đại thiên giới như nhứt ha tử.
Xem đại thiên thế giới như một hạt cải.

Lời dạy này mang một ý nghĩa triết lý rất cao siêu. Người thường không thể hiểu được. Dù người đó có học Phật đi chăng nữa, nhưng chưa nắm được cái chân lý "Nhứt chơn pháp giới" của vũ trụ, thì cũng không dễ gì hiểu được. Đối với những bậc tu hành đạt ngộ chân lý tuyệt đối, thì mới xem cõi đại thiên (tam thiên đại thiên thế giới) như một hạt cải, vì tất cả sự vật lớn nhỏ chỉ là giả tướng. Câu nói này, thuộc hệ tư tưởng vĩ đại của Kinh Hoa Nghiêm: "một là tất cả, tất cả là một". Đó là tư tưởng tương tức, tương nhập. Cái này nằm trong cái kia, cái kia có mặt trong cái này. Điều này nếu giảng rộng ra thì không bao giờ cùng. Ta có thể nương một thí dụ để có thể tạm hiểu về nghĩa lý này. Như cái bàn trước mặt ta chẳng hạn. Cái bàn này, không phải tự nhiên nó có. Mà nó phải nhờ tất cả những thứ khác hợp lại để tạo thành cái bàn. Như gỗ ở trong rừng, người thợ mộc, búa, cưa, đinh đục, bào v.v... tất cả những thứ đó đâu phải là cái bàn. Nhưng không có những thứ đó thì cái bàn không có. Thế thì cái bàn chỉ là danh từ giả danh, thực thể của nó thì không có. Đó là triết lý **một là tất cả, tất cả là một.** Cả đại thiên thế giới đều có mặt

Lại có thầy Tỳ kheo nào trình bày các sự nghi ngờ của mình cầu Phật giải quyết, thì Đức Thế Tôn chỉ dạy rõ ràng ai nấy đều được khai ngộ, chấp tay cung kính mà vâng lời Phật dạy.

Sau cùng, Đức Phật đã lần lượt giải quyết mọi sự nghi ngờ thắc mắc của các vị Tỳ kheo đương hội. Qua lời chỉ dạy cặn kẽ của đức Phật, tất cả đều được khai ngộ và vâng làm theo những gì mà đức Phật đã dạy bảo. Qua đây, cho chúng ta một bài học về sự nghiên cứu học hỏi. Khi học, nếu chúng ta thiếu sự tư duy quán chiếu vào giáo lý, thì chúng ta sẽ không có những hoài nghi thắc mắc. Có nghi ngờ thắc mắc, tự mình không thể giải đáp được thì cần phải thưa hỏi với các bậc tiên tri, những bậc thầy đã thông hiểu Phật pháp, có thế, thì sự học hỏi của chúng ta mới có tiến bộ. Ngược lại, thì thật khó tiến bộ trên bước đường học vấn. Mong sao trong khi học, xin tất cả quý huynh đệ hết lòng quan tâm nghiên tầm, nếu có điều gì chưa rõ, thì nên mạnh dạn thưa hỏi. Đó là thể hiện một tinh thần cầu tiến của người tu học Phật vậy.

C. PHẦN CHÁNH THUYẾT

Chương 1

TAM THỪA CỘNG GIÁO HẠNH QUẢ

Kinh Văn:

Phật ngôn: Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bổn, giải vô vi pháp, danh viết sa môn. Thường hành nhị bá ngũ thập giới, tấn chỉ thanh tịnh, vi Tứ chơn đạo hạnh thành A la hán. A la hán giả năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa. Thứ vi A na hàm, A na hàm giả, thọ chung linh thần thướng thập cửu thiên chứng A la hán. Thứ vi Tư đà hàm, Tư đà hàm giả, nhứt thượng nhứt hoàn, tức đắc A la hán. Thứ vi Tu đà hoàn, Tu đà hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng A la hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.

Dịch nghĩa:

CỘNG GIÁO HẠNH QUẢ CỦA BA THỪA

Phật dạy: Những người từ giã cha mẹ đi xuất gia, nhận biết tự tâm rõ suốt bản tánh, ngộ pháp vô vi, gọi là bực Sa môn. Thường giữ gìn 250 giới, sống đời thanh tịnh, tu hành bốn món chân đạo, thành bực A la hán. A la hán là những vị có thể phi hành biến hóa, mạng sống lâu dài, an trụ ở đời động cả trời đất. Kế là A na hàm, những vị A na hàm, khi mạng chung linh thần sẽ sanh lên cõi trời thứ 19

muốn thị hiếu tin tưởng của con người, người ta lại chở tượng Phật ngọc đi khắp nơi trên thế giới để triển lãm, với mục đích là để có được lợi lộc. Tuy nhiên, đối với những người thực sự tu hành, thấu đạt được chân lý, người ta coi vàng ngọc không khác gì ngói gạch. Vì lòng tham muốn của họ không còn, nên họ có một đời sống cực kỳ an lạc hạnh phúc. Ngược lại, đối với những người lòng còn ham muốn cực độ, thì người đó vẫn còn đắm chìm trong cực kỳ đau khổ.

Thị hoàn tố chi phục như tiêu bạch.
Xem y phục lụa là như đồ giẻ rách.

Đây là nói về thời trang chung của hai phái nam và nữ. Nhưng nặng nhứt vấn đề trang phục phải nói là phái nữ. Không có một người phụ nữ nào lại không muốn trang phục cho mình đẹp. Vì thế, mà những nhà thiết kế thời trang phải thay đổi đủ kiểu, đủ màu sắc rực rỡ để làm đẹp cho phái nữ. Ngược lại, phái nam thì họ trang phục rất đơn giản, không cầu kỳ kiểu này kiểu nọ như phái nữ. Đa số họ chỉ mặc bộ đồ vest để đi dự lễ lớn hoặc các hội hè đám tiệc v.v... mà thôi.

Còn phái nữ thì luôn chạy theo thời trang cho phù hợp với thời đại mới. Đó là nói về người đời chưa biết tu hành, thì họ còn đam mê vật chất rất nặng, nhất là những đồ trang phục của phụ nữ. Tuy nhiên, đối với những người biết tu hành, học theo đạo lý giác ngộ giải thoát, dù họ vẫn còn sống ở ngoài đời, nhưng sự ăn mặc của họ đơn giản đi rất nhiều. Họ không còn đua đòi xoe xua chạy đua về vấn đề trang phục nữa. Miễn ăn mặc dễ coi một chút là được. Thế là họ có một cuộc sống tương đối nhẹ nhàng an thoát về vấn đề trang phục. Đối với những bậc

kiến quân chủ chuyên chế. Hiện nay, tuy không gọi các nước chư hầu, nhưng một số các nước nhược tiểu phải cam chịu làm tay sai của một nước lớn siêu cường, như nước Mỹ hay nước Pháp chẳng hạn. Những nước nhược tiểu này được gọi là thuộc địa của những nước lớn. Như Việt Nam ta ngày xưa được gọi là thuộc địa của đế quốc Pháp. Nói thế để thấy rằng, quyền lực danh vọng cao thử hỏi ở trong đời có ai lại không ham muốn? Tuy nhiên, đối với đức Phật Ngài đã từ bỏ tất cả những thứ danh vọng địa vị này. Vì những thứ danh vọng địa vị quyền lực, đối với Ngài nó chỉ là hư vị, nên Ngài coi đó như là bụi qua cửa hở. Ngược lại, đối với chúng ta thì rất mong muốn có được danh vọng địa vị này. Vì nó là miếng mồi ngon mà hầu như ai cũng hạm muốn cho mình có được. Tuy nhiên, không phải ai muốn cũng được. Nếu muốn mà được thì cõi đời này chắc là không ai khổ cả. Bởi thế trong kinh Phật nói: Cầu bất đắc khổ. Nghĩa là mong muốn mà không được toại nguyện như ý thì đau khổ tràn trề!

Thị kim ngọc chi bảo như ngỏa lịch.
Xem những vàng ngọc quý báu như ngói gạch.

Lời dạy này, chỉ có các bậc tu hành đạt đạo mới có thể coi nhẹ những thứ đó không còn quý trọng. Ngược lại, đối với phàm phu chúng ta không ai lại không quý trọng vàng ngọc. Ngói gạch tuy vẫn được người ta sử dụng qua nhiều lãnh vực xây cất khác nhau, nhưng không ai coi nó là quý trọng như vàng ngọc. Chỉ có vàng ngọc làm cho người ta mong muốn thèm thuồng đến độ cùng cực. Chính vì chỗ coi trọng quý giá hiếm hoi đó, nên người ta lợi dụng nó để tác tạo thành tượng Phật cho mọi người đến chiêm bái. Thế là, ai cũng đổ xô mong muốn đến tận nơi chiêm bái cho kỳ được. Chính vì chỗ bắt được mạch ngầm lòng ham

thì chứng được quả A la hán. Kế đó là Tư đà hàm, những vị Tư đà hàm này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh xuống cõi người thì chứng được quả A la hán. Kế đó nữa là Tu đà hoàn, những vị Tu đà hoàn còn phải 7 lần sanh và 7 lần tử mới chứng được quả A la hán. Những vị này đoạn ái dục như chặt đứt tứ chi không còn dùng được nữa.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bổn, giải vô vi pháp, danh viết sa môn.
Phật dạy: Những người từ giã cha mẹ đi xuất gia, nhận biết tự tâm rõ suốt bản tánh, ngộ pháp vô vi, gọi là bực Sa môn.

Kinh này, trước tiên là nói về việc dạy chung cho cả ba thừa.
Chữ **Cộng** có nghĩa là thông, tức thông ở nơi ba thừa. Chữ **Thừa** có nghĩa là vận tải chuyên chở.

Theo Thiên Thai Tông, thì Cộng giáo chính là thông giáo trong Tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên). Tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Điều mà chúng ta cần nên biết là trong Bồ tát thừa bao giờ cũng gồm thâu nghĩa lý của hai thừa kia, ngược lại, hai thừa kia thì không thể bao hàm được nghĩa lý của Bồ tát thừa, hay Đại thừa.
Về Cộng giáo, người ta còn nhận thấy cái hạnh để tu và cái quả để chứng, nên gọi là "Hạnh quả của Tam thừa cộng giáo".

Từ giã cha mẹ đi xuất gia có hai nghĩa: một là, vâng theo lời cha mẹ, hoặc được cha mẹ cho phép. Được sự đồng ý

cho phép của cha mẹ là một diễm phúc rất lớn. Đó là nhờ chúng ta có duyên lành sâu dày với Phật pháp, nên việc đi tu của chúng ta mới có thể được thuận lợi suông sẻ tốt đẹp. Hai là, có những vị đi xuất gia, không được sự đồng ý chấp thuận của cha mẹ, nên đành phải bỏ nhà trốn cha mẹ đi vào chùa.

Ngày xưa, Thái tử Tất Đạt Đa xin phép vua cha đi xuất gia, nhưng vua cha nhất quyết không cho. Thế là, bắt buộc Ngài phải đưa ra điều kiện với vua cha. Những điều kiện mà Ngài đưa ra, nếu như vua cha giải quyết được, thì Ngài sẽ không đi tu. Những điều kiện đó là gì? Xin thưa, gồm có 4 điều kiện như sau:

1. Làm sao cho con trẻ mãi không già?
2. Làm sao cho con mạnh hoài không đau?
3. Làm sao cho con sống hoài không chết?
4. Làm sao cho mọi người hết khổ được vui?

Trong 4 điều kiện mà Ngài đưa ra, không điều kiện nào mà vua cha có thể giải quyết được cả. Thế là vua Tịnh Phạn đành phải chịu bó tay. Tuy nhiên, dù nhà vua không giải quyết được điều kiện nào hết, nhưng không vì thế mà nhà vua chấp thuận cho Thái tử đi tu. Không được như ý nguyện, Thái tử đành phải chờ nửa đêm cùng với Sa Nặc (tên giữ ngựa hầu Ngài) hai người lén vượt thành xuất gia. Sự ra đi của Ngài đã có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ diễn tả ghi lại bằng những áng văn chương tuyệt tác hoặc những bài thơ, bài hát tuyệt vời với mục đích là để tôn vinh ca ngợi sự ra đi tìm đạo của Ngài.

Chẳng hạn như bài thơ mà thi sĩ nào đó đã diễn tả lại lúc Thái tử và Sa nặc, hai thầy trò từ giã hoàng cung ra đi

Giảng Giải:

Đây là chương cuối cùng của 42 chương mà chúng ta đã lần lượt học qua. Có thể nói, chương này là tổng kết lại tất cả những gì mà Phật đã dạy ở những chương trước. Chương này, nếu xét về lối cấu trúc câu văn, ta thấy từ đầu tới cuối lời văn mạch lạc liền nhau, không thấy có một dấu chấm câu nào cả. Vì để tiện bề phân tích giảng giải đại khái, chúng tôi xin tạm ngắt ra từng câu cho chúng ta dễ theo dõi. Mong quý vị học chúng và độc giả hoan hỷ thông cảm cho.

Xét chung toàn bài tổng kết nói lên ý nghĩa dùng Phật trí để quán sát pháp giới, tạm nêu ra có hai phần:

* Từ "*Phật dạy ...* đến … *như dầu thoa chân* "là dùng **Phật trí** quán pháp **thế gian.**
* Từ "*xem các môn phương tiện*… đến… *như cây cỏ bốn mùa "* là dùng **Phật trí** quán pháp **xuất thế gian.**

Trước tiên, đem Phật trí mà quán pháp thế gian: Vì Phật trí không có các tướng phân biệt, nên không có ái trước danh vọng địa vị.

Phật ngôn: Ngô thị hầu vương chi vị như quá khích trần.
Phật dạy: Ta xem vị vương hầu như bụi qua kẻ hở.

Phật dạy điều này, chính bản thân Ngài đã trải nghiệm thực hiện. Vương là vua, hầu là các nước chư hầu; những nước này trực thuộc quyền cai trị thống lãnh của vua. Như thời nhà Châu bên Trung Quốc thời xưa, thống lãnh các nước chư hầu. Chư hầu là tên gọi của thời đại phong

Chương 42

TỔNG KẾT PHẦN

Kinh Văn:

Ngô thị hầu vương chi vị như quá khích trần, thị kim ngọc chi bảo như ngỏa lịch, thị hoàn tố chi phục như tiêu bạch, thị đại thiên giới như nhứt ha tử, thị A Nậu trì thủy như đồ túc du, thị phương tiện môn như hóa bảo tụ, thị Vô Thượng thừa như mộng kim bạch, thị Phật đạo như nhãn tiền hoa, thị thiền định như Tu di trụ, thị Niết bàn như trú tịch ngụ, thị đảo chánh như lục long vũ, thị bình đẳng như nhứt chơn địa, thị hưng hóa như tứ thời mộc.

Dịch Nghĩa:

PHẦN TỔNG KẾT

Phật dạy: Ta xem vị Vương Hầu như bụi qua kẻ hở, xem những vàng ngọc quý báu như ngói gạch, xem y phục lụa là như đồ giẻ rách, xem đại thiên thế giới như một hạt cải, xem nước ao A Nậu như dầu thoa chân, xem các môn phương tiện như những thứ báu hóa hiện, xem pháp Vô Thượng thừa như mộng thấy vàng lụa, xem Phật đạo như hoa đốm trước mặt, xem thiền định như núi Tu di, xem Niết bàn như ngày đêm đều thức, xem sự thuận nghịch như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như Nhất chơn địa, xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa.

vào lúc nửa đêm, gọi là bán dạ vượt thành xuất gia:

Sa Nặc hỏi:
Đời tối nhân gian mờ mịt quá!
Giờ này Thái tử định đi đâu?

Thái Tử khẻ đáp:
Chính đời mờ mịt nên ta phải
Đi để tìm ra ánh đạo mầu.

Sa Nặc nói:
Ngày mai sẽ có bao người khóc
Ly biệt thương Ngài nỗi khổ đau

Thái Tử nói nhẹ:
Ta sẽ trở về khi đắc đạo
Cứu thoát nhơn gian vạn thảm sầu
Trong quyển Ánh Đạo Vàng của tác giả Võ Đình Cường, có đoạn ông diễn tả sự ra đi của Thái tử:

"Hỡi nhân loại đang quằn quại đau thương, hởi cõi đời sầu khổ! Vì các người mà ta đành bỏ tuổi măng tơ, bỏ ngôi báu, bỏ những ngày vàng và đêm ngọc, gỡ cánh tay bám víu của người vợ hiền, cắt ngang tình yêu mãnh liệt của phụ vương và xa lánh đứa con thơ đang nằm trong bụng mẹ. Hởi phụ hoàng, hiền thê, bào nhi và xã tắc! xin hãy gắng chịu đựng sự chia ly này cho đến ngày tôi tìm ra Đạo".

Đó là một sự ra đi mang lại niềm hạnh phúc cho tất cả muôn loài vạn vật trên thế gian này.

Trở lại sự ra đi xuất gia của chúng ta, dĩ nhiên, mỗi người có mỗi hoàn cảnh đặc biệt khác nhau. Thực tế không ai giống ai. Luận về tuổi tác cũng rất khác biệt. Có vị tuổi

còn ngây thơ trong trắng vào chùa tu thì gọi họ là ấu niên hay đồng niên xuất gia. Đây mới thực sự là hảo tâm xuất gia. Khi các chú vào chùa tu, người ta hay gọi là các điệu, vì các chú cạo đầu còn chừa chóp rất là dễ thương. Phải nói các vị hảo tâm xuất gia như thế này thì rất ít nên rất quý. Ngoài ra, các vị thanh niên, trung niên hay lão niên xuất gia thì nhiều. Những thành phần này, nói chung, là vì hoàn cảnh hơn là hảo tâm xuất gia. Những vị chưa đến tuổi pháp định, vẫn còn độc thân sống chung với cha mẹ, thì khi xuất gia phải được sự đồng ý chấp thuận của cha mẹ. Có sự đồng ý cho phép của cha mẹ, thì nhà chùa mới dám chấp nhận. Có nhiều vị chưa đến tuổi pháp định (tức 18 tuổi) mà bỏ nhà trốn cha mẹ đi tu, thì nhà chùa khó có thể chấp nhận. Lý do, là vì không muốn có chuyện rắc rối phiền phức có thể xảy ra sau này. Vả lại, nếu chấp nhận như thế, thì trái với luật định của Phật. Theo luật Phật dạy, là phải có sự đồng ý cho phép của cha mẹ. Ngoài trường hợp này ra, trường hợp được cha mẹ cho phép thì việc đi xuất gia không có gì trở ngại cả. Nếu như những vị trên 18 tuổi, theo luật pháp thế gian quy định thì đã đến tuổi trưởng thành, tự họ có quyền quyết định theo ý muốn của mình, không ai có quyền cấm đoán hay ngăn cản họ cả. Đó là trường hợp thứ nhứt.

Trường hợp thứ hai, nghĩa chính của xuất gia, không những từ bỏ thân thuộc làng xóm không thôi, mà còn phải nỗ lực tu học để đoạn trừ phiền não. Vì xuất gia có 3 nghĩa:

1. Xuất thế tục gia (ra khỏi nhà thế tục).
2. Xuất phiền não gia (ra khỏi nhà phiền não).
3. Xuất tam giới gia (ra khỏi ngôi nhà Tam giới).

Tam giới nghĩa là 3 cõi: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

2. Đã phát tâm tu hành mà chưa có thể độ hết chúng sanh,

3. Chưa ngộ được thánh lý, chưa chứng được thánh hạnh, ấy là vẫn còn mang nặng thánh giáo.

"Bùn sâu" là dụ cho biển phiền não sanh tử, trước khi chưa đoạn được phiền não, chưa độ chúng sanh, chưa chứng thánh trí, thì dù cho có nhọc mệt cách mấy cũng chẳng dám tìm nơi yên nghỉ. Nghĩa là trực tâm thì không dám nhìn ngó hai bên. Còn vướng mắc vào hai bên, tức còn rơi vào đối đãi nhị nguyên. Nghĩa là còn chấp "Có", chấp "Không", chấp "Thường", chấp "Đoạn" v.v... Vì thế, chỉ một bề "Niệm Đạo", nghĩa là luôn luôn nghĩ đến đạo giải thoát không hề xao lãng.

"Đã ra khỏi bùn lầy" là dụ cho khi đã được độ, vì lúc bấy giờ trí lực tự thân đã đủ có thể dẹp trừ được vô minh phiền não. "Thư thả" là dụ cho sự an vui. Ý nói rằng, Người học Phật tin được giáo pháp, rõ được chân lý và tinh tấn tu hành, thì có thể được Đại giác ngộ, chứng Đại niết bàn. Nhưng cái tâm làm hại cho Đại giác này chỉ là Ái và Dục, nên bực Sa môn phải quán ái dục còn hơn là bùn lầy.

Vì thế, người tu hành nên chỉ một bề "Niệm Đạo", nghĩa là luôn luôn nghĩ đến đạo giải thoát không hề xao lãng. Có thế, thì mới mong thoát khỏi vòng luân hồi hệ lụy khổ đau.

Chương 41

TU HÀNH

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, như ngưu phụ trọng hành thâm nê trung, bì cực bất cảm tả hữu cố thị, xuất ly ư nê nãi khả tô tức; Sa môn đương quán tình dục thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỷ.

Dịch Nghĩa:

SỬA ĐỔI VÀ THẬT HÀNH

Phật dạy: Xét ra, người làm đạo, như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu, dù mỏi lắm cũng không dám ngó hai bên, ra khỏi bùn lầy mới được thư thả. Bực Sa môn phải quán tình dục rất hơn là bùn lầy. Phải trực tâm niệm đạo thì mới có thể thoát khỏi sự khổ lụy.

Giảng Giải:

Chương này, tiếp theo chương trên, Phật nhấn mạnh về vấn đề hành đạo. Người làm đạo, không phải làm đạo theo nghĩa tu tạo phước đức thông thường, mà hành đạo nói ở đây là, Phật nhắm thẳng vào người hành đạo xuất thế. Nói: "như trâu chở nặng" là dụ cho ba nghĩa mà người tu hành luôn mang nặng:

1. Người hành đạo, từ trước chưa được giải thoát phiền não sanh tử, ấy là phiền não còn mang nặng.

Ta nên nhớ bản nguyện và trọng trách của người xuất gia rất lớn lao. Người xuất gia là phải thượng hoằng hạ hóa. Trên là hoằng truyền giáo pháp của Như Lai, dưới là phải ân cần hóa độ chúng sanh. Muốn đạt được hai điều quan trọng này, thì đòi hỏi người xuất gia phải có chí nguyện kiên cường và hằng nỗ lực chuyên cần tu học. Nếu không được như thế, thì việc xuất gia của chúng ta sẽ trở thành vô ích mà thôi!

Chúng ta cũng nên biết thêm rằng, chữ **gia** nói ở đây là chỉ cho cả gia tộc và tài sản của cải, xuất gia là phải bỏ hết mọi thứ trói buộc này. Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay cứ mãi lưu chuyển trong các thú, nhận Tam giới là nhà nên thường thọ các nghiệp báo hữu lậu. Trong Kinh Pháp Hoa nói: "Ba cõi không an, như trong nhà lửa hay như ở trong hỏa ngục, mà chúng sanh cần phải ý thức chóng thoát ra". Riêng đối với người xuất gia chúng ta là phải ra khỏi ba cõi mới là cứu cánh. Vì lẽ đó, nên muốn được quả Sa môn thì cần phải tu tập theo pháp hạnh của người xuất gia, nghĩa là phải thấu rõ nguồn tâm, cội gốc của sự giải thoát. Nghĩa là phải "thức tâm đạt bổn và hiểu rõ pháp Vô vi". Cần nói rõ, pháp Vô vi là pháp không tạo tác, không bị sự chi phối của 4 tướng: sanh, trụ, dị, diệt. Vô vi là tên khác của Niết bàn. Pháp vô vi gồm có 6 thứ:

1. Hư không vô vi (pháp tánh xưa nay xa lìa các tướng, vắng lặng như hư không).

2. Trạch diệt vô vi (dùng sức trí tuệ để giản trạch lý của sự vật). Vì nhờ sức trí huệ giản trạch mà dứt được phiền não, hiển bày được Diệt đế , đó gọi là Trạch diệt. Thật thể của Diệt đế chính là Niết bàn. Trong cái thể của Niết bàn không có các tướng hữu vi nên gọi là vô vi.

3. Phi trạch diệt vô vi (Phi trạch diệt vô vi cũng gọi là Phi số diệt vô vi). Vì thật thể của Diệt đế (pháp tánh) xưa nay vắng bặt các tướng xa hẳn phiền não không phải nhờ đến sức của trí huệ giản trạch mà được, nên gọi là Phi trạch diệt.

4. Bất động diệt vô vi (Khi sanh lên cõi Tứ thiền, pháp tánh xa lìa khổ thọ và lạc thọ). Vì xa lìa được sự thô động của hai thọ, nên gọi là bất động.

5. Tưởng thọ diệt vô vi: Khi vào thánh vị, thì diệt tận định thuộc về cõi Phi phi tưởng đã diệt được tâm tưởng của 6 thức và hai món thọ mà được hiển bày, nên gọi là Tưởng thọ diệt.

6. Chân như vô vi (Vì pháp tánh xưa nay chân thật thường "Như" nên gọi là Chân như). Cần nói thêm, trong năm món vô vi trước, chỉ là từ pháp tánh hiển thị sự sai biệt giả lập. Năm món trước là nói đến giả danh về phần tướng của pháp tánh, còn một món sau là nói đến giả danh về phần thể của pháp tánh.

Nếu là Sa môn (Tỳ kheo) mà không thể thật hành được như thế, thì không thể gọi là hạnh Sa môn và chưa phải là người xuất gia tu theo hạnh xuất thế vậy.

Nói thức tâm đạt bổn là sao? Thức tâm nghĩa là phải nhận biết rõ nguồn tâm của mình. Đạt bổn là hiểu rõ cái lẽ nhiệm mầu của Phật. Ở đây nói "Thức tâm Đạt bổn" chính ở chỗ khác gọi là "Minh tâm Kiến tánh". Vậy tâm là vua của muôn pháp, chúng sanh bị sanh tử luân hồi đều do tâm tạo ra, nên tâm hay biến hóa tất cả, tạo tác tất cả, lãnh thọ tất cả. Trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Song yếu

Học đạo suy nghiên luôn phản tỉnh
Hồi quang trực nhận dứt phiền ma

Hiểu đúng lý giải này, hành theo quán chiếu này, thì việc hành đạo, mới có chỗ y cứ vững chắc rõ ràng. Vì thân và miệng, chẳng qua cũng chỉ là công cụ của cái tâm sai khiến đó thôi. Cho nên người hành đạo phải nhận thức rõ chủ yếu là ở nơi tâm, chớ không phải thân và miệng. Tuy nhiên, nếu như ba nghiệp đồng hợp tác với nhau chặt chẽ, trên con đường hành thiện, thì việc làm nào cũng mang lại lợi ích thiết thực cho chúng ta cả. Điều quan yếu và tối cần thiết là chúng ta phải luôn luôn có chánh niệm, chánh quán. Bất cứ hành động nào nếu thiếu chánh niệm, thì xem như việc làm đó sẽ dễ trở thành thất niệm. Nghĩa là một việc làm thiếu sự chú tâm của ý thức soi sáng. Do đó, muốn cho việc làm có tốt đẹp, thì chúng ta cần phải có sự chú tâm. Kinh Di Giáo Phật dạy: "Chế tâm nhứt xứ, vô sự bất biện". Nghĩa là, nếu "chú tâm một chỗ, thì việc gì cũng xong" và mang lại một kết quả như ý tốt đẹp mỹ mãn.

hành. Lý thuyết và thật hành bổ sung cho nhau nhịp nhàng tiến bước không còn e sợ bị lầm lạc nữa.

Ta hiểu chữ "thân" trong đây nói là bao hàm cả thân và khẩu. Hiện nay, ta thấy người tu hành hoặc lễ bái, hoặc tọa thiền, ấy là thân hành đạo, còn niệm Phật hoặc tụng kinh, ấy là khẩu hành đạo. Nếu như chỉ có thân và miệng hành động không thôi, mà tâm chẳng tương ưng dính dự vào thì việc làm đó cũng chỉ là hư rỗng mà thôi! Vì thế, nên chương này nói rằng, việc tu hành phải lấy tâm làm chủ yếu. Nếu không như thế, thì chẳng khác nào như con trâu kéo **che** *(che là một loại dụng cụ dùng để ép mía thô sơ, dùng sức kéo làm cho hai trục quay tròn, cán mía vào giữa. Ý nói người tu hành cần phải thẳng tiến đạt cho được mục đích giác ngộ giải thoát, chớ đừng như con trâu kéo cái che đi vòng vòng mà chẳng tới đâu cả),* bị người ta lấy vải bịt mắt, tuy đi đường mà mờ mịt chẳng biết đi đâu. Và như thế, thân lễ bái cũng chẳng khác nào động tác lên xuống như người giả gạo. Miệng tụng đọc kinh, chỉ đồng với những âm thanh vi vu của gió rừng, thật không đem lại sự lợi ích gì cho việc tu chứng cả. Nên khi lễ bái phải quán tưởng, lúc tụng kinh cũng theo văn mà nhập quán. Ngay đến khi ra làm những việc từ thiện bố thí cũng phải phá sạch cái kiến chấp nhơn ngã, quán chiếu tự tha đều do các pháp duyên sanh, duy thức biến hiện. Ta hãy lắng nghe bài thơ nói về Duy Tâm:

Duy tâm vạn pháp cảnh "không hoa"
Tham rước sanh tâm khổ đó mà
Mấy kẻ nhận ra nguồn bổn tịnh
Bao người tỉnh giác gốc mê sa
Luân hồi "sáu nẻo" do tâm cả
Giải thoát "ba đường" bởi tâm ra

Phật dạy: *"Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm tạo tác tất cả, nếu đem tâm ô nhiễm nói năng hoặc hành động, thì sự khổ kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Ngược lại, nếu đem tâm thanh tịnh nói năng hoặc hành động thì sự vui kéo đến như bóng theo hình".*

Tâm ta giống như người họa sĩ. Người họa sĩ có thể vẽ ra muôn hình vạn trạng. Tâm ta cũng biến hóa tạo ra tất cả. Hẳn chúng ta còn nhớ bai kệ trong Kinh Hoa Nghiêm, mà chúng ta thường tụng vào mỗi buổi công phu chiều:

Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thế nhứt thiết Phật
Ưng quán pháp giới tánh
Nhứt thiết duy tâm tạo.

Nghĩa là:

Nếu người nào muốn biết rõ
Ba đời tất cả chư Phật
Thì nên quán tánh pháp giới
Tất cả đều do tâm tạo.

Nói tâm như chàng Họa sĩ vẽ ra muôn hình vạn trạng ở thế gian này, tôi có làm bài thơ nói về tâm ta như anh chàng họa sĩ như sau:

Tâm của ta như anh chàng họa sĩ
Vẽ muôn màu đủ loại sắc thế gian
Vẽ thiên đường và địa ngục trần gian
Chàng vẽ mãi vẽ rồi lại thích
Cứ ngắm nghía bức tranh mình đã vẽ
Tâm chúng sanh cũng vẽ đủ muôn màu

Vẽ muôn ngàn ra cảnh khổ vui đau
Vẽ đủ thứ nghiệp dữ lành đều có
Vẽ sướng khổ hay tột cùng khốn khó
Vẽ Thánh phàm cũng tự nó mà ra
Tạo điều lành thì hưởng phước báo hằng sa
Gây nhân ác thì chịu muôn đường quả khổ
Nhân với quả như bóng theo hình khắp chỗ
Bóng hình kia không thể đổ cho ai
Gây nhân lành trong cuộc sống hằng ngày
Hưởng quả tốt trải dài trong cuộc sống

Ta nên hiểu rằng, tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều do nhân duyên sinh ra và các nhân duyên đó đều do tâm hoạt động tạo tác mà thành. Vì tâm hàm chứa muôn pháp mà muôn pháp lại làm duyên tăng thượng cho tâm; nên thức tâm chính là biết rõ "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Vì lẽ đó mà người tu học Phật cần phải biết rõ tự tâm. Còn "đạt bổn" cũng chính là hiểu suốt cái Bản lai diện mục. Bản lai diện mục tức là cái tướng chân thật của muôn sự muôn vật xưa nay bình đẳng. Chính đó là Thật tướng (vô tướng) của các pháp.

Nếu như tâm bất giác (mê lầm) thì tâm không thể làm chủ được mà phải tùy nghiệp lưu chuyển nên chúng ta phải nhứt định biết rõ ở nơi tâm mình cái nào là thật và cái nào là giả, cái nào là chơn và cái nào là vọng. Đồng thời, cũng phải thấu suốt bản tánh của vạn pháp và ngộ pháp Vô vi, như đã nói ở trên. Có thế, thì mới mong thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi khổ đau truyền kiếp vậy.

Trong đây, Sa môn chính là chỉ cho những vị xuất gia tu hành theo Phật giáo. Là những vị đã thọ Tỳ kheo giới, tức 250 giới. Những vị này siêng năng tu **"Giới, Định, Huệ**",

Chương 40

GIẢI LÝ

Kinh Văn:

Phật ngôn: Sa môn hành đạo, vô như ma ngưu, thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành; tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo!

Dịch Nghĩa:

GIẢI RÕ CHÂN LÝ

Phật dạy: Bực Sa môn hành đạo không như con trâu kéo che, thân tuy hành đạo, mà tâm đạo chẳng hành; tâm đạo nếu hành, đâu cần hành đạo.

Giảng Giải:

Chương này nói: Người tu hành trước nhất là cần phải hiểu rõ nghĩa lý, rồi sau đó mới khởi sự tu hành, như thế thì mới không bị sai lạc. Nếu như nghĩa lý không rành, tức phần lý thuyết không thông, thì sự thật hành khó được bảo đảm đúng hướng. Thế nên, việc đầu tiên là chúng ta phải cố gắng siêng năng học hỏi, chịu khó nghiên tầm giáo lý cho sâu, như người có đôi mắt sáng. Đôi mắt sáng thấy rõ được con đường mình đi để tránh những điều chướng ngại, đồng thời cũng phải có đôi chân khỏe mạnh để đi được vững vàng. Mắt sáng là dụ cho phần lý thuyết, đôi chân mạnh khỏe bước đi vững vàng là dụ cho phần thật

giáo lượng, không nói dối lường gạt ai cả. Có tin nơi lời Phật dạy là chắc thật, thì chúng ta mới thuận theo mà hành trì. Ta nên biết rằng, lời Phật nói đều từ Trí huệ vô thượng viên mãn, biết rõ tướng chân thật của tất cả pháp.

Hơn nữa, đức Phật không mong cầu một điều gì trên thế gian này. Đức Phật thuyết pháp không phải muốn được sự tôn kính của thế gian, cũng không phải vì điều danh lợi, chỉ vì lòng đại bi thương xót tất cả chúng sanh mà nói pháp, nên có thể tin theo được. Nếu ai y theo giáo pháp Phật dạy mà nỗ lực thật hành thì mới tỏ được Đại trí huệ, thành tựu được Đại phước đức. Vì Phật luôn nói lời chân thật, nên mới được tướng lưỡi rộng dài như trong Kinh Di Đà đã diễn tả. Điều đó, đủ chứng minh để chúng ta tin theo lời Phật dạy, Ngài không bao giờ dối gạt chúng sanh. Thử hỏi dối gạt có lợi gì cho Ngài?

Trên đời này, ta chỉ có tin Phật thôi, ngoài ra, ta không nên vội tin ai cả. Niềm tin phải có trí tuệ đi kèm chỉ đạo thì niềm tin đó mới thực sự được vững chắc. Phật từng dạy: "Tin ta mà không hiểu ta, đó là phỉ báng ta". Cho nên, đến với đạo Phật không chỉ đến bằng niềm tin không thôi, mà phải đến bằng trí giác, tức đến để mà thấy.

Câu: "*ăn mật ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt",* là dụ cho diệu nghĩa: Không thô, không tế, không cạn, không sâu, không cao, không thấp, không rộng, không hẹp, nếu ai y theo đó mà tu hành, đều có thể chứng được Vô thượng Phật quả, như mật đựng trong một cái bát, ở giữa bát, hay bên mé bát đều là vị ngọt cả. Ý nói rằng: ngay trong một câu, một chương trong 42 chương này, nếu có thể tin nhận hành trì thì được sự thọ dụng vô cùng lợi lạc, đây mới thật là thật nghĩa của lời Phật dạy.

và cố gắng dứt trừ các phiền não gốc: **"Tham, Sân, Si",** nên Sa môn cũng dịch là Cần Tức. Cần là siêng năng tinh tấn tu tập các pháp lành ở nơi ba nghiệp: Thân, Khẩu, Ý. Tức có nghĩa là dứt trừ ba món căn bản phiền não: Tham, Sân, Si. Nếu như ba món phiền não này dứt hết rồi thì hành giả sẽ được giải thoát sanh tử vậy.

Thường hành nhị bá ngũ thập giới, tấn chỉ thanh tịnh, vi Tứ chơn đạo hạnh thành A la hán.
Thường giữ gìn 250 giới, sống đời thanh tịnh, tu hành bốn món chân đạo, thành bực A la hán.

Như trên đã nói, Sa môn là phải thường thật hành giữ gìn 250 giới và phải giữ gìn oai nghi tế hạnh tới lui trong ngoài đều phải thanh tịnh. Bốn món chân đạo hạnh, tức chỉ cho tu theo pháp Tứ đế mới thành bậc A la hán. Pháp Tứ đế, như đã nói gồm có bốn thứ: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo". Phật nói bốn pháp này là để cho chúng ta thật hành, chớ không phải chỉ có lý thuyết suông không thôi. Ta cần phải nhận diện rõ mỗi loại. Khổ là một sự thật qua kinh nghiệm bản thân chúng ta.
Trong phần khổ đế, đức Phật đã nêu ra gồm có mười một loại:
Ba khổ lớn tổng quát gồm có: "khổ khổ, hành khổ và hoại khổ".

Ngoài ra, còn có tám loại khổ khác như: "Sanh, già, bệnh, chết". Đây là bốn khổ chính, cộng thêm bốn khổ phụ nữa: Thương yêu nhau mà phải xa lìa (ái biệt ly khổ). Mong cầu hoài mà không được toại nguyện (cầu bất đắc khổ). Oán ghét thù hằn mà cứ tới lui ra vào gặp nhau (oán tắng hội khổ). Năm ấm phát triển không bình thường (ngũ ấm xí thạnh khổ). Cộng chung là mười một loại khổ mà hầu

hết nhơn loại đều phải chịu đựng những thứ thống khổ đau thương này. Biết khổ để đối diện trực tiếp với sự khổ và rồi tìm ra nguyên nhân để diệt trừ khổ. Không phải biết khổ để rồi chán nản tuyệt vọng muốn chạy trốn tìm một nơi nào đó để lẫn tránh, như nhà thơ Chế Lan Viên đã nói:

"Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh
Một vì sao trơ trọi giữa trời xa
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẫn tránh..."

Nhưng thử hỏi trốn tránh đâu cho khỏi khổ? Phật nói biết khổ để tìm nguyên nhân gây ra khổ, đó là phần Tập đế. Tập đế là Phật nói rõ cái nguyên nhân gây ra khổ đau cho chúng ta. Tập đế gồm có những thứ vô minh phiền não.
Về căn bản phiền não gồm có 6 thứ: **"Tham, Sân, Si, mạn, Nghi, Ác kiến".** Từ ác kiến nếu chia chẻ nhỏ ra lại có 5 thứ: "**Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến và Giới cấm thủ kiế**n". Chữ **kiến** là nhận định hiểu biết sai lầm. Mười thứ này cường độ tạo tác của chúng nặng nhẹ, mạnh yếu có khác nhau. Tham, sân, si, mạn, nghi, năm thứ này vì là mê "Sự" nên khó trừ khó đoạn. Người tu hành phải đến địa vị "Tu đạo" mới có thể đoạn trừ. Chúng còn có tên khác là Tư hoặc. Còn năm thứ sau vì là mê "Lý" nên dễ trừ dễ đoạn. Người tu hành phải đến địa vị "Kiến đạo" mới có thể dứt trừ chúng. Năm thứ này còn có tên gọi khác là Kiến hoặc. Đến quả vị A la hán mới đoạn trừ được cả hai loại mê lầm này.

A la hán giả năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa.
A la hán là những vị có thể phi hành biến hóa, mạng sống lâu dài, an trụ ở đời động cả trời đất.

Như trên đã nói, A la hán gồm có ba nghĩa: "Sát tặc, Vô

Chương 39

TÍN GIÁO NHIẾP LÝ TU HÀNH

Kinh Văn:

Phật ngôn: Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết giai ưng tín thuận; thí như thực mật, trung biên giai điềm, ngô kinh diệc nhĩ.

Dịch Nghĩa:

TU HÀNH TIN CHẮC VÀO GIÁO LÝ

Phật dạy: Người học theo đạo Phật, những lời Phật nói ra đều phải tin theo. Thí như ăn mật, ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt, giáo điển của ta cũng vậy.

Giảng Giải:

Từ trước chỉ nói riêng biệt về: Cộng giáo hạnh quả của Tam thừa, nghĩa là thiện ác chung của Ngũ thừa và thắng hạnh bất cộng của Đại thừa. Còn ba chương này nói về pháp chứng quả: Ai tin giáo pháp này, hiểu nghĩa lý này, và tu theo công hạnh này, thì có thể chứng được quả vị A la hán. Từ đó, tiến thẳng lên quả vị Phật.

Chương này, là nói đến giáo pháp đã được khai thị. Những lời Phật nói trong đây đều nên tín thuận. Vì người học Phật đối với lời Phật dạy tất phải tin là chắc thật, vì Phật là đấng Chơn thiệt ngữ, lời nói của Phật là thánh

Đâu biết rằng thở ra mà không thở vào thì ngang đó mạng sống không còn. Mạng người sống chết chỉ trong nháy mắt, ấy thế mà con người vẫn còn tham muốn vô cùng. Tổ thức tỉnh chúng ta phải luôn ý thức đến sự vô thường, sống chết như trở bàn tay. Lật qua thì còn, lật lại thì mất. Quả đúng:

Đời người một thoáng qua
Mới trẻ đã thấy già
Như cây cằn khô rễ
Phút chốc phải lìa xa

Đời người phí phạm qua
Nếu không biết quay về
Nương tựa vào hơi thở
Chánh niệm ở trong ta

Đời người sống bôn ba
Từ trẻ cho đến già
Không phút giây an tỉnh
Khác gì một bóng ma

Đời người khó kiếm ra
Ý thức khổ đời ta
Phút giây hằng trân quý
Tu hành thoát lụy sa

Hơi thở nào cho ta
Một cuộc sống an bình
Hơi thở của chánh niệm
Không còn đắm lụy sa

sanh và Ứng cúng". Ở đây nói "phi hành biến hóa" ý nói về thần thông. Các vị Thanh văn nhờ sức "Định" của họ thâm hậu, nên thần thông của họ biến hóa khôn lường. Như trường hợp của Tôn giả Mục kiền liên, sử ghi lại, trong mười vị đại đệ tử của Phật, Ngài là người thần thông đệ nhất. Ngược lại, các hàng Bồ tát thì nghiêng nặng về Trí huệ, nên các Ngài ít có thi thố thần thông. Tuy nhiên, vấn đề thần thông, theo đạo Phật, thì cũng không xem trọng lắm. Đạo Phật không chấp nhận thứ thần thông do luyện tập mà có được. Thần thông của đạo Phật nói, là loại thần thông do từ *"đạt Thể mà phát ra "Dụng*". Nói rõ hơn, người tu hành khi đã đạt ngộ được bản thể uyên nguyên của vũ trụ, thì từ đó mọi hoạt động của họ đều được thông suốt không có gì ngăn ngại. Vì thần có nghĩa là linh hoạt, còn thông có nghĩa là thông suốt không ngăn ngại. Trong Thiền sử có nêu ra những mẫu chuyện nói về trình thần thông thứ thiệt. Như thần thông của ông Bàng Long Uẩn chỉ là gánh nước bửa củi. Thần thông của một bà già bán quán nước bên vệ đường là rót trà. Với tinh thần thiền tông, thần thông diệu dụng chỉ là vấn đề phụ thuộc không đáng kể để cho chúng ta phải quan tâm nghĩ đến. Điều quan trọng là phải tỏ ngộ được tánh giác, và sống với tánh giác, đó mới là điều thiết yếu đáng nói. Trong quyển sách "Bước Tới Thảnh Thơi", Thiền Sư Thích Nhất Hạnh có viết:

"Đặt chân trên mặt đất
Là thể hiện thần thông
Từng bước chân tỉnh thức
Làm hiển lộ pháp thân"

Thần thông là đi trên mặt đất. Mỗi bước chân ta đi đều có dấu ấn của thần thông. Bước chân nào cũng có chánh

niệm, tỉnh thức. Như thế thì bước chân nào cũng có hoa sen nở. Đó là ta đang đi trong Tịnh độ. Đi trong an lạc và làm hiển lộ pháp thân. Thế là Phật pháp thân không xa cách chúng ta. Đó mới thực sự là thần thông thứ thiệt vậy.

Tôi có làm bài thơ về Thiền hành, để cho các liên hữu trong đạo tràng Quang Minh thực tập trong khi đi thiền. Bài thơ này đã trở thành một bài hát mà các liên hữu đã ca hát trong lúc sinh hoạt và đặc biệt là trong lúc đi thiền.
Ta đi đi không có gì ràng buộc
Ta đi đi không hướng vọng tương lai
Ta đi đi quên cả tháng năm ngày
Ta đi đi từng bước chân trong hiện tại
Ta đi đi vượt muôn ngàn chướng ngại
Ta đi đi về tới **"**Bến**"** nơi rồi
Ta đi đi từng bước thật thảnh thơi
Thật thanh thoát an lành trong chánh niệm

Một vị A la hán khi chứng quả Vô sanh, thì sự thọ mạng của vị đó rất lâu dài. Vô sanh có nghĩa là không còn tái sanh trở lại cõi này. Kinh nói: "Quả vị Niết bàn của A la hán gọi là "Vô dư y Niết bàn". Còn Hữu dư y Niết bàn là nói những vị tuy đã chứng quả A la hán, nhưng họ vẫn còn có mạng sống hiện hữu. Ở đây nói, mạng sống lâu dài là nói đến quả vị Niết bàn mà họ đã chứng đắc. Khi đã đạt được Vô dư y Niết bàn rồi, nghĩa là không còn sinh tử, thì họ lại an trụ ở nơi đó, không muốn đi ra độ sanh. Cho nên đức Phật mới quở trách họ là *"trầm không trệ tịch, hay khôi thân diệt trí"*. Mặc dù đã chứng quả A la hán, nhưng họ rất sợ "Trần sa hoặc, tức những thứ phiền não mê lầm của chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng. Tự mình đã dứt sạch Kiến, Tư hoặc phiền não, nhưng còn thấy phiền não của chúng sanh nhiều như số cát, nên các Ngài không

lâu? Thưa rằng, chỉ trong một hơi thở. Phật khen thầy đó hiểu đạo. Hiểu đạo là thấy rõ mạng sống con người không có ước lượng thời gian lâu hay mau mà chỉ trong một hơi thở tích tắc đó thôi. Hơi thở ra, gọi là hô, hơi thở vào gọi là hấp. Nếu một hơi thở ra mà không lấy lại được, thì đã hóa ra người thiên cổ (nhất tức bất hồi thiên thu vĩnh biệt). Điều đó chứng minh đời người vô thường thật là nhanh chóng. Thấy được lẽ vô thường nhanh chóng như thế, mới là thấy đúng sự thật. Tổ Qui Sơn nói: "Sanh già bệnh chết không hẹn cùng người, sáng còn tối mất chợt qua đời khác", khác nào như sương mùa xuân, chợt có liền không". Thấy đó rồi tan biến đó. Ý thức được sự vô thường để chúng ta cố gắng nỗ lực tu hành, không còn chần chờ theo thời gian năm tháng nữa. Vì sự sống chết như trở bàn tay chỉ trong một hơi thở mà thôi!

Hẳn ta còn nhớ sơ tổ Trúc Lâm Ngài có làm bài kệ nhắc nhở đại chúng:

Thế số nhất tức mặc
Thời tình lưỡng hải ngân
Ma cung hồn quảng thậm
Phật quốc bất thắng xuân

Tạm dịch:

Số đời một hơi thở
Biển bạc lòng người tham
Cung ma cai quản ngặt
Nước Phật vui nào hơn

Con người sống chết chỉ trong một hơi thở mà lòng tham của con người thì quá lớn, toàn tính chuyện trăm năm.

Chương này, đức Phật xoáy mạnh về lý vô thường. Chúng ta còn nhớ những chương trước Phật cũng có đề cập đến phép quán vô thường và vô ngã. Trong hai phép quán đó, vô thường quán rất là quan thiết. Thế nên, ở đây Phật gạn hỏi các thầy Sa môn (Tỳ kheo). Vì các thầy đã nghe Phật dạy về pháp vô thường rồi, nên các ngài dựa vào thời gian vô thường mà đáp. Đầu tiên, Phật nêu ra sinh mạng con người trụ thế được bao lâu? Một thầy đáp: Thời gian chỉ trong vài ngày. Phật liền nói: Ông chưa biết đạo. Chữ đạo mà Phật nói ở đây, có nghĩa là chỉ đến chỗ tột cùng của chân lý. Mà vô thường là một chân lý không hạn cuộc vào thời gian dài, ngắn, lâu, mau...

Phục vấn nhứt Sa môn, nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: Phạn thực gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo!
Phật lại hỏi một thầy Sa môn khác: Mạng con người sống được bao lâu? Thưa rằng: Trong một bữa ăn. Phật bảo: Ông cũng chưa hiểu đạo.

Đức Phật liền xoay qua hỏi một thầy khác: Mạng con người ta sống được bao lâu? Thầy này trả lời là trong khoảng bữa ăn. Thầy trước trả lời trong khoảng vài ngày, bị Phật quở là chưa hiểu đạo, nên thầy này rút kinh nghiệm liền rút ngắn thời gian lại nên thầy trả lời là trong khoảng bữa ăn. Phật cũng nói là ông chưa hiểu đạo.

Phục vấn nhứt Sa môn, nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: Hô hấp gian. Phật viết: Thiện tai! Tử tri đạo hỷ.
Phật lại hỏi một thầy Sa môn khác: Mạng con người sống được bao lâu? Thưa rằng: Chỉ trong một hơi thở. Phật khen: hay lắm! Ông mới thật là người hiểu đạo.

Phật hỏi thầy cuối cùng, mạng người ta sống được bao

dám ra độ sanh. Đây là nói đối với các hàng Định tánh Thanh văn, chớ còn Huệ tánh Thanh văn thì có khác.

Thứ vi A na hàm, A na hàm giả, thọ chung linh thần thướng thập cửu thiên chứng A la hán.
Kế là A na hàm, những vị A na hàm, khi mạng chung linh thần sẽ sanh lên cõi trời thứ 19 thì chứng được quả A la hán.

A na hàm, Trung Hoa dịch là *bất lai* (nghĩa là không còn trở lại cõi dục nữa). Người tu hành đến địa vị A na hàm, thì những mê lầm của họ không còn nữa, cố nhiên là họ không còn tái sanh trở lại cõi này, ngoại trừ là do họ phát nguyện trở lại để hóa độ chúng sanh. Vị này không ở cõi trời Ngũ tịnh cư thuộc Sắc giới, cũng gọi là Ngũ bất hoàn thiên hay Ngũ na hàm. A na hàm tuy đã thoát ra ngoài cõi Dục, nhưng họ vẫn còn mê lầm vi tế câu sanh của hai cõi Sắc và Vô sắc, nên họ vẫn còn phải tiếp tục tu hành để dứt cho hết vi tế hoặc, mới bước lên thánh quả A la hán.

Thứ vi Tư đà hàm, Tư đà hàm giả, nhứt thượng nhứt hoàn, tức đắc A la hán.
Kế đó là Tư đà hàm, những vị Tư đà hàm này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh xuống cõi người thì chứng được quả A la hán.

Đây là quả vị thứ hai trong tứ quả Thanh văn. Tư đà hàm quả hay còn gọi là Nhất lai quả. Nghĩa là vị này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh xuống nhơn gian, tiếp tục tu hành mới chứng quả A la hán.

Thứ vi Tu đà hoàn, Tu đà hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng A la hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.

Kế đó nữa là Tu đà hoàn, những vị Tu đà hoàn còn phải 7 lần sanh và 7 lần tử mới chứng được quả A la hán. Những vị này đoạn ái dục như chặt đứt tứ chi không còn dùng được nữa.

Tu đà hoàn là quả vị đầu tiên trong tứ quả Thanh văn. Tu đà hoàn Trung Hoa dịch là Dự lưu, nghĩa là vị này đã được dự vào dòng thánh. Ở quả vị này, ý thức đã sáng suốt, không còn bị mê lầm nữa. Đến quả vị này có thể phá trừ được phần "Kiến hoặc". Còn phần "Tư hoặc" thì ở địa vị này chưa có đá động đến. Bởi thức thứ bảy (Mạt na thức) còn chấp ngã quá nặng, nên phải trở lại cõi Dục, nhiều nhất là bảy lần sanh tử nữa mới gột sạch các kiết sử phiền não thâm kín ẩn tàng sâu kín trong tâm thức (căn bản) và rồi mới chứng được quả A la hán.

Chương 38

MINH CẤP GIỚI THỪA (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật vấn Sa môn: Nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: sổ nhựt gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo! Phục vấn nhứt Sa môn, nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: Phạn thực gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo! Phục vấn nhứt Sa môn, nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: Hô hấp gian. Phật viết: Thiện tai! Tử tri đạo hỷ.

Dịch Nghĩa:

Phật hỏi Sa môn rằng: Mạng con người ta sống được bao lâu? Thưa rằng: Chỉ trong vài ngày. Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo. Phật lại hỏi một thầy Sa môn khác: Mạng con người sống được bao lâu? Thưa rằng: Trong một bữa ăn. Phật bảo: Ông cũng chưa hiểu đạo. Phật lại hỏi một thầy Sa môn khác: Mạng con người sống được bao lâu? Thưa rằng: Chỉ trong một hơi thở. Phật khen: hay lắm! Ông mới thật là người hiểu đạo.

Giảng Giải:

Phật vấn Sa môn: Nhơn mạng tại kỹ gian? Đối viết: sổ nhựt gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo!
Phật hỏi Sa môn rằng: Mạng con người ta sống được bao lâu? Thưa rằng: Chỉ trong vài ngày. Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo.

Còn ở hai bên ta, tuy thường được thấy ta, mà chẳng y theo giáo pháp của ta, cũng vẫn không chứng được đạo.

Qua chương này, đức Phật cho chúng ta có thêm niềm tin vững chắc về việc tu hành. Nhất là về vấn đề thời gian lâu mau. Tuy trong kinh có nêu ra lời Phật huyền ký về ba thời kỳ: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Riêng về thời mạt pháp ít có người tu chứng. Thời tượng pháp người tu chứng nhiều. Còn thời chánh pháp mười người tu hết chín người chứng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời Phật dạy ở đây, chúng ta cũng cảm thấy ấm lòng trong việc tu hành. Nghĩa là dù Phật còn tại thế, chúng ta có ngồi cận kề bên Ngài, nhưng nếu không theo lời Ngài chỉ dạy mà tu hành, thì cũng chẳng chứng được đạo quả gì. Trái lại, dù có cách xa Ngài mấy ngàn năm đi nữa, mà chúng ta y theo lời Ngài dạy, mà quyết chí nỗ lực tiến tu thì cũng đạt được đạo quả không xa.

Điều quan trọng không phải vì cách biệt thời gian lâu hay mau, mà điều quan trọng đáng nói ở đây là, vấn đề chúng ta có thiết thiệt tu hành theo lời Phật dạy hay không đó thôi. Chúng ta không nên có mặc cảm là thời mạt pháp khó tu, khó chứng rồi buông xuôi thả trôi theo dòng thời gian, đó mới là điều đáng nói và đáng trách. Bất luận thời nào hễ có thiết thiệt tu hành tất nhiên là sẽ có kết quả tốt đẹp. Căn cứ vào luật nhân quả tất yếu là như thế. Bây giờ chúng ta tiếp tục tìm hiểu ở chương 38.

Chương 2

TU HẠNH XUẤT GIA

Kinh Văn:

Phật ngôn: Xuất gia Sa môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ Vô vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu. Tâm bất hệ đạo, diệc bất kiết nghiệp. Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng. Bất lịch chư vị nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.

Dịch Nghĩa:

HẠNH TU CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Phật dạy rằng: Những bực xuất gia làm Sa môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mầu của Phật, ngộ pháp Vô vi. Trong không sở đắc, ngoài không sở cầu. Tâm không ràng buộc nơi đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp. Dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được. Chẳng cần trải qua các vị, tự nó cao tột, gọi đó là Đạo.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Xuất gia Sa môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ Vô vi pháp.
Phật dạy rằng: Những bực xuất gia làm Sa môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mầu của Phật, ngộ pháp Vô Vi.

Chương này chuyên nói về công hạnh của người xuất gia. Người xuất gia là phải dứt bỏ ái dục, đoạn trừ phiền não và thấu suốt nguồn tâm của mình. Nhận rõ các tướng của các pháp là hư giả không thật, Ngã và Pháp đều không, thì còn cái gì mà chấp trước? Câu nói: "Dứt bỏ ái dục", dục nói ở đây, chính là một trong 51 món tâm sở, tức là món tâm sở thứ nhứt trong 5 món Biệt cảnh. Năm món Biệt cảnh gồm có: "Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Tuệ". Hiện nay, theo tâm lý học, tâm sở hữu pháp, người ta thường gọi tác dụng của tâm. Trong Phật pháp thường chia tác dụng của tâm ra làm 51 thứ. Gọi là 51 món tâm sở hay tâm hành tiêu cực. Nói tâm sở tức thuộc sở hữu của tâm vương. Năm mươi mốt tâm sở gồm có: Biến hành có 5. Biệt cảnh có 5. Căn bản phiền não có 6. Tùy phiền não có 20. Thiện có 11. Bất định có 4. Cộng chung là 51 món.

Dục có nghĩa là ham muốn hay mong muốn. Tâm sở dục vốn thông cả ba tánh: Thiện, ác và vô ký. Như phát tâm Bồ đề muốn liễu thoát sanh tử và muốn dứt ác làm lành, ấy là thiện tánh. Do lòng ham muốn giết người lấy của, chiếm đoạt tài sản v.v... ấy là ác tánh. Còn như tùy nghiệp thọ báo, nhậm vận phát sanh, ấy là vô ký tánh. Trong đây nói đoạn dục, chính là chỉ đoạn các ái dục, ác dục và vô ký dục mà thôi. Còn thiện dục ta phải nuôi dưỡng và phát triển, vì thiện dục cũng rất cần thiết trong sự tu hành làm lành lánh dữ của chúng ta. Như mong muốn vãng sanh về Cực lạc, hay mong muốn được thành Phật v.v...

Nói về dục nhiễm ta nên nhớ, có 5 thứ dục nhiễm rất là tai hại. Như mắt thì thích nhìn sắc đẹp, tai thì muốn nghe tiếng hay, mũi thì thích ngửi mùi thơm, lưỡi thì muốn nếm vị lạ, thân thì muốn sự xúc chạm êm ái. Các món ái dục này bình thường nó là vô ký, nhưng kèm theo sự yêu, ghét

nơi giới mà tu tiến, thì chỉ có thật hành hạnh Đại thừa mới có thể thành tựu đạo quả. Đạo là Bồ đề; quả là Niết bàn. Niết bàn là do đạo Bồ đề mà chứng được, Niết bàn gọi là quả.

Giới chính là pháp thân của Phật, những người giữ gìn được giới pháp, thì tự thân họ chính là Phật rồi, nên nói rằng luôn luôn nhớ nghĩ giáo pháp của ta nhất định sẽ chứng được đạo quả.

Dù hiện đời chúng ta cách Phật rất xa, nhưng nếu chúng ta hằng nhớ nghĩ đến giáo pháp và giới luật của Ngài, không phải chỉ nhớ nghĩ suông thôi mà chúng ta còn cần phải hết lòng vâng giữ làm theo những gì mà Phật đã dạy. Có thế, thì dù có cách Phật lâu xa, nhưng chúng ta vẫn cố gắng nỗ lực huân tu thì cũng có ngày đạt thành đạo quả như Phật mà thôi. Tổ Qui Sơn nói: "Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất". Nghĩa là kia là trượng phu thì ta đây cũng thế, không nên tự khinh mình mà lui sụt. Lời dạy này nhằm khích lệ khuyến tấn chúng ta không nên có thái độ tự ty mặc cảm, thấy mình thấp hèn mà không chịu nỗ lực vươn lên. Chúng ta không nên có thái độ coi thường mình. Vì Phật, Tổ cũng là con người, các Ngài tu các Ngài thành, mình cũng là con người nếu mình quyết chí tu theo con đường mà các Ngài đã chỉ dạy, thì mình cũng đạt được quả vị như các Ngài. Vì Phật đã nói, tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Ai cũng sẵn có tánh Phật (giác), Phật tu Phật thành, mình tu mình cũng thành. Đó là điều mà chúng ta phải tin chắc một trăm phần trăm là như vậy.

Tại ngô tả hữu tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.

Chương 37

MINH CẤP GIỚI THỪA

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phật tử ly ngô sổ thiên lý, ức niệm ngô giới tất đắc đạo quả. Tại ngô tả hữu tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.

Dịch Nghĩa:

NÓI RÕ VỀ THỪA VÀ GIỚI CẤM

Phật dạy: Phật tử xa ta vài ngàn dặm, mà luôn nhớ nghĩ giáo pháp của ta, thì nhứt định sẽ chứng đạo quả. Còn ở hai bên ta, tuy thường được thấy ta, mà chẳng y theo giáo pháp của ta, cũng vẫn không chứng được đạo.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Phật tử ly ngô sổ thiên lý, ức niệm ngô giới tất đắc đạo quả.
Phật dạy: Phật tử xa ta vài ngàn dặm, mà luôn nhớ nghĩ giáo pháp của ta, thì nhứt định sẽ chứng đạo quả.

Chương này và chương kế tiếp, đức Phật xoáy mạnh vào Giới và Thừa mà nguyên văn chữ Hán gọi là "minh cấp giới thừa". Giới tức giới pháp, nghĩa là phép tắc Phật chế ra giới luật. Giới có chia ra làm bốn khoa: Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng. Trong đây nói "Giới" là chỉ cho Giới hạnh. "Thừa" là chỉ cho Định huệ. Nương

tà kiến mà thành ra dục bất thiện. Năm loại ái dục này rất có hại cho thân tâm chúng ta. Vì thế, nên chúng ta cần phải ý thức đến năm thứ dục nhiễm này. Ngoài 5 thứ dục nhiễm vi tế khoái lạc này ra, còn có 5 thứ dục lạc mà người đời luôn say mê đắm đuối. Đó là: Tài (tiền tài của cải gia sản), Sắc (sắc đẹp của nam nữ và vật chất), Danh (danh vọng địa vị quyền cao chức tước) Thực (món ngon vật lạ cao lương mỹ vị) Thùy (ham thích ngủ nghỉ). Năm món dục lạc này là những miếng mồi ngon mà hầu hết nhơn loại đều ham muốn thèm khát. Vì ham muốn thèm khát mà người ta đã gây ra không biết bao nhiêu điều ác nghiệp tội lỗi. Vì thèm khát nên ai cũng muốn chiếm hữu về mình. Đó là nguyên nhân gây ra các thứ tội lỗi. Ngược lại với 5 món dục nhiễm hệ lụy khoái cảm này, còn có một thứ dục thiện như trong 5 món Biệt cảnh nói trên. Đây là thứ dục mà người tu hành luôn mong muốn chóng được thoát ly Tam giới. Khi trong lòng của chúng ta không còn những thứ dục nhiễm, thì chúng ta cảm thấy trong cõi lòng an thoát nhẹ nhàng hơn. Muốn thế, thì chúng ta cần phải dốc sức công phu tu thiền định mới có được.

Nói nguồn tâm, vì tâm là căn nguyên của muôn pháp. Trong Luận Bồ Đề Tâm nói rằng: "Nếu vọng tâm dấy khởi, phải biết mà chớ theo vọng; khi vọng dứt rồi, thì nguồn tâm vắng lặng, muôn đức đầy đủ, diệu dụng vô cùng". Nếu người tu hành mà không rõ được nguồn tâm của mình và lý mầu của Phật, thì đó là một khuyết điểm thiếu sót rất lớn. Chữ nguồn tâm nói ở đây, ta phải hiểu đó chính là 12 món duyên khởi. Mười hai món duyên khởi gồm có: "Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão tử ưu bi khổ não". Sự sanh tử lưu chuyển xoay vần không dứt và bao nhiêu nghiệp báo của chúng sanh đều duyên nơi vô minh tự tâm

mà sanh ra. Hành tướng của tâm vô minh khởi diệt vô thường, sát na sinh diệt biến đổi. Trong sự lưu hành biến động đó, tức có hiểu biết phân biệt huân thành thức chủng (chủng tử của thức) trong tàng thức, cũng gọi là "Nhứt thiết chủng thức".

Nói ngộ pháp "Vô vi" có nghĩa là các pháp tự tánh vốn không, chẳng cần phải chứng minh rồi sau mới thấy như thế, mà lúc chưa ngộ, xưa nay chúng cũng vẫn như thế. Đó là vì pháp Vô vi chẳng phải mới có, chỉ cần thân chứng mà thôi, nên gọi là ngộ pháp Vô vi.

Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu.
Trong không sở đắc, ngoài không sở cầu.

Pháp Vô vi phải từ "vô phân biệt trí" thân chứng. Nếu vừa có chút phân biệt thì liền trở thành pháp định tánh, chẳng hợp với pháp tánh vô tánh chân không. Bởi vì tất cả pháp phân biệt đều do đối đãi mà thành; hễ có đối đãi, cố nhiên là không phải thường pháp, phổ biến vì đó là hư vọng. Mọi hiện tượng trên cõi đời này đều do đối đãi mà được an bày. Như nam đối với nữ, trắng đối với đen, không đối với có v.v... Bản tâm xưa nay vốn tự thanh tịnh sáng suốt, có gì mà chứng với đắc? Còn cầu là còn có đối tượng. Ngài Tú Tài Trương Chuyết nói: *"Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh, thú hướng chân như tổng thị tà"* Đức Lục Tổ Huệ Năng cũng nói: *"Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?* Xưa nay không một vật, có gì dính bụi mà phải lau chùi?"Tu hành mà còn thấy có chứng, có đắc, cố nhiên chưa phải là người thật tu. Vì còn thấy như thế, là còn có cái ngã tướng. Cũng trong kinh này có đoạn nói: "Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng ..." Tu mà không còn thấy mình tu, đó mới thật là tu. Chứng không thấy mình

hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết bàn". Nghĩa là, vì không có chỗ được nên Bồ tát y theo Bát nhã ba la mật đa tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Qua đoạn văn kinh này, chúng ta thấy rõ "cái không sở đắc là căn bản của sự giải thoát". Vì còn có thấy chứng, có đắc tức còn có tứ tướng: "Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ giả", nói gọn là còn chấp có Ngã và Pháp. Trên phương diện phá Ngã tướng không còn thấy mình có tu và quả để chứng, nhưng không phải là không ngợ như lông rùa sừng thỏ. Chúng ta nên lưu ý thận trọng điểm này. Khi Ngã và Pháp chấp không còn thì mới thực sự là chứng đắc.

Cái khó thứ sáu, đã gặp Phật ra đời, nhưng gặp được đạo là khó. Chữ Đạo nói ở đây là chỉ cho sự chứng đạo của chư Phật và Bồ tát. Không phải ai gặp Phật mà cũng hiểu được đạo lý hết đâu. Bằng chứng như trong thời đại Phật còn tại thế, có lắm người gặp Phật mà thiếu nhân duyên tu học với Phật, thì họ cũng không bao giờ hiểu được Phật pháp. Thậm chí có người còn ganh ghét và tìm cách hại Phật.

Cái khó thứ bảy, đã hiểu đạo rồi mà phát khởi tín tâm vững chắc là khó. Tuy có hiểu được giáo pháp Phật dạy, nhưng chỉ tin suông ở ngoài cửa miệng thì làm gì có được lợi ích? Khi người ta chưa có niềm tin Phật pháp, tức chưa phát khởi tín tâm, mà mình đem Phật pháp nói cho họ nghe, thì chẳng khác nào như nước đổ lá môn hay trên đá, còn người sanh tín tâm rồi, cũng như gặp được đất khô, nên nói phát khởi tín tâm là khó.

Cái khó thứ tám, đã khởi tín tâm mà phát tâm Bồ đề, tức phát tâm cầu giác ngộ là khó. Người khởi tín tâm tức có niềm tin Phật pháp, nhưng họ chưa phát tâm Bồ đề cầu đạo giác ngộ. Có lắm người họ chỉ có niềm tin đơn thuần với Phật pháp, nhưng họ không có phát tâm cầu thành Phật. Vì trí tuệ của họ còn non kém nông cạn hẹp hòi.

Cái khó thứ chín, đã phát tâm Bồ đề rồi, nhưng mà đạt đến chỗ vô tu vô chứng mới thật là khó. Cái khó này là cái khó cùng tột trong tất cả các cái khó nói trên. Nói không tu không chứng là sao? Ai tu hành cũng mong cho mình được chứng quả Thánh, tại sao ở đây nói không tu không chứng? Chúng ta còn nhớ trong Kinh Kim Cang Bát Nhã có đoạn: "Dĩ vô sở đắc cố Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô

chứng, đó mới thật là chứng. Vì còn thấy có "Chứng" có "Cầu" là còn có Năng và Sở. Nói cách khác là còn có chủ thể nhận thức và đối tượng bị nhận thức. Thuật ngữ chuyên môn của Duy Biểu học, gọi đó là "kiến phần" và "tướng phần". Thế thì vẫn còn rơi vào đối đãi nhị nguyên, tức vẫn còn Ngã và Pháp chấp. Đến chỗ bặt dứt ngôn ngữ, bặt dứt suy tư, triệt tiêu tất cả mọi hý luận. Ngã và pháp câu vong, năng và sở câu tức. Khởi Tín Luận nói: "*Sở dĩ các pháp sai khác là do vọng niệm; nếu rời vọng niệm thì không còn các cảnh tướng sai khác. Bởi thế nên tất cả pháp từ hồi nào đến giờ, không thể dùng danh tự để kêu gọi (ly danh tự tướng), không thể dùng lời nói luận bàn (ly ngôn thuyết tướng) không thể dùng tâm suy nghĩ được (ly tâm duyên tướng), không có biến đổi và cũng không phá hoại, vì nó rốt ráo bình đẳng, chỉ có một Tâm Chơn như mà thôi".*

Tâm bất hệ đạo, diệc bất kiết nghiệp.
Tâm không ràng buộc nơi đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp.

Tâm không dính kẹt vào đâu thì lấy gì mà ràng buộc? Bởi đạo là chân lý tuyệt đối, thì đâu còn thấy có chứng có đắc. Câu này, đức Phật nhắm nhắc nhở chúng ta, khi chưa chứng được pháp tánh, trong tâm không lúc nào rời đạo. Nói không rời đạo, thì đủ chứng tỏ, chưa ngộ được pháp tánh Vô vi. Nếu như khi đã chứng đạo rồi thì ngoài tâm còn cái đạo gì nữa mà phải gìn giữ? Trong Thành Duy Thức Luận có bài tụng:

Hiện tiền lập thiểu vật
Vi thị duy thức tánh
Vi hữu sở đắc cố
Phi thật trụ duy thức

Tạm dịch:

Hiện tiền còn chút vật
Gọi là tánh duy thức
Vì còn có sở đắc
Chẳng thật trụ duy thức

Khi thân chứng thì tâm chẳng còn ràng buộc nơi đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp (kiết tức phiền não kiết sử). Quả Tu đà hoàn là bực Kiến đạo, về việc đối trị phiền não, tuy chưa diệt hết, nhưng nghiệp sanh tử do phiền não chiêu cảm không còn khởi nữa. Đến quả A la hán, đối với các nghiệp phiền não mới đoạn hết, nên nói là: "*Cũng chẳng còn kiết nghiệp".*

Ta nên chú ý, ở những đoạn vừa rồi là chỉ có những bậc ngộ pháp Vô vi, còn phàm phu chưa được chứng nhập, mặc dù phàm phu vẫn có thiền định, thần thông, nhưng chỉ là thiền định, thần thông của thiên nhơn, quỉ thần mà thôi.

Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.
Dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được, chẳng cần trải qua các vị, tự nó cao tột, gọi đó là Đạo.

Khi đã chứng được pháp tánh Vô vi, thì làm gì còn có sự suy nghĩ và sự tạo tác? Vì trong thể tánh đó hoàn toàn không có một vật gì cả. Vì nó là loại phi vật thể. Cho nên mới nói: "Dứt sự suy nghĩ". Bởi pháp tánh chân không thường hằng bình đẳng, không phải do tạo tác mà thành. Tự thể xưa nay là như thế, có gì phải tu, có gì phải chứng. Chẳng cần trải qua các vị, từ địa vị phàm phu cho đến địa

người nữ đó có nam tính nhiều hơn, thì họ ít có tật xấu nói trên như người có nữ tính hoàn toàn.

Cái khó thứ ba, khi đã được thân người nam rồi, mà sáu căn đầy đủ thật cũng không phải dễ. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt sáng, tai thính, mũi cao, lưỡi tốt, thân không tật nguyền, ý thông minh sáng suốt, đầy đủ sáu căn như thế không phải ai cũng có được.

Cái khó thứ tư, sáu căn tuy đã được đầy đủ, mà còn sanh ở chỗ văn minh (trung quốc), đô thị cũng không phải dễ. Chúng ta thường hay nghe trong kinh nói đừng sanh nơi biên địa hạ tiện, vì nơi đó khó gặp được chánh pháp và người trí thức, chỉ tiếp xúc với những người mà trình độ văn hóa của họ rất kém cỏi, thiếu sự giáo dục tốt, không gặp được người tu hành và bạn bè thân thiết tốt. Còn hạ tiện là thấp hèn, tức những nơi đói khát, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, đời sống rất thiếu thốn, vất vả khổ sở. Phật nói, do vì phước kém nên mới sanh vào những nơi đó. Thế thì, người biết tu hành làm lành lánh dữ, lại tạo thêm nhiều điều phước báo, thì chắc chắn sẽ không bao giờ sanh vào chỗ biên địa hạ tiện đó đâu.

Cái khó thứ năm, đã được sanh vào trung quốc (văn vật) nhưng gặp Phật ra đời là khó. Khi chúng ta ra đời ở nơi đô thị tiếp nhận ánh sáng văn minh, nhưng không phải vì thế mà gặp được Phật ra đời. Tuy chúng ta không gặp được ứng thân Phật ra đời ở Ấn Độ, nhưng chúng ta có thể gặp được tượng Phật, kinh điển và Tăng già. Đó là chúng ta gặp được thế gian trụ trì Tam bảo. Đồng thời, chúng ta cũng gặp được những người bạn đạo đồng hành, đồng tu, đồng học.

Phật dạy. Ta thấy Phật nêu ra có chín điều khó. Muốn vượt qua những cái khó này, chỉ có cách là phải nỗ lực tinh tấn tu hành để chuyển hóa thân tâm mà thôi.

Cái khó thứ nhứt, Phật nói: "*Người ra khỏi ác đạo làm thân người là khó*". Ác đạo nói cho đủ là ba đường ác: địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Khi ra khỏi ba con đường ác này rồi, mà làm được thân người quả thật là khó. Người xưa có câu nói: "Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhất thất nhơn thân vạn kiếp nan". Nghĩa là ngàn năm cây sắt trổ bông còn dễ, một khi mất thân người muôn kiếp khó gặp lại. Quý vị thử nghĩ cây sắt làm sao trổ bông. Thế mà, nó trổ bông còn dễ, một khi mất thân người này rồi, khó mà được lại.

Cái khó thứ hai, khi đã được làm người rồi, mà không mang thân người nữ, được làm thân người nam lại là điều khó. Trong Kinh A Hàm Phật thường nói: "Người nữ nghiệp quả của họ nặng hơn người nam". Điều này, nếu quan sát tinh tế một chút, ta thấy tánh tình của hai phái có đôi chút khác nhau. Đa số tánh tình của người nữ hay hờn dỗi, ganh ty, ích kỷ nhỏ nhoi và hay câu chấp bắt bẻ từng ly từng tí, nhất là hay thích ngồi lê đôi mách và lắm lời nhiều chuyện thị phi v.v... Những chuyện giận, buồn, hay ganh ghét ai, thì họ thường hay để trong lòng. Có người còn nói sống để bụng, chết mang theo. Thật là lòng chấp của họ quá ư nặng nề. Thế thì, thử hỏi làm sao mà siêu thoát cho được? Nếu so những việc này đối với người nam, tức đấng trượng phu, thì những đức tánh này phải nói người nữ nặng hơn người nam nhiều. Tuy nhiên, không phải người nam nào cũng thế. Nếu người nam đó lại có nữ tính nhiều hơn, thì họ cũng có nhiều tật xấu lắm lời nhiều chuyện không thua gì phái nữ. Ngược lại, nếu

vị Phật, đều lấy "Chân không pháp tánh" làm thật tánh ấy gọi là đạo thể. Nên cái Đạo (chân lý tuyệt đối) này cần phải chứng ngộ. Nói chứng chẳng qua cũng chỉ là một danh từ giả lập để gọi vậy thôi, kỳ thật thì không có chứng, có đắc gì cả. Cho nên mới nói chứng mà không chứng là vậy.

Chương 3

TU HẠNH XUẤT GIA (tiếp theo)

Kinh văn:

Phật ngôn: Thế trừ tu phát, nhi vi Sa môn. Thọ đạo pháp giả, khử thế tư tài, khất cầu thủ túc. Nhựt trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc, thận vật tái hỷ! Sử nhơn ngu tệ giả, ái dữ dục dã.

Dịch Nghĩa:

HẠNH TU CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Phật dạy rằng: Cạo bỏ râu tóc làm bực Sa môn. Là người thọ lãnh đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, mong cầu vừa đủ. Giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại. Phải biết rằng: Những điều khiến cho người ta ngu tệ là Ái và Dục vậy.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Thế trừ tu phát, nhi vi Sa môn.
Phật dạy rằng: Cạo bỏ râu tóc làm bực Sa môn.

Chương này tiếp nối chương trên vẫn còn đề cập đến hạnh tu của người xuất gia. Người xuất gia về mặt hình thức là phải cạo bỏ râu tóc. Đây cũng là một cách làm xấu đi thân thể. Bởi người đời họ thích để râu và tóc. Cho nên mới có

Chương 36

NHIẾP THIỆN TINH TẤN (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn ly ác đạo đắc vi nhơn nan; ký đắc vi nhơn, khử nữ tức nam nan; ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan; lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan; ký sanh trung quốc, trị Phật thế nan; ký trị Phật thế, ngộ đạo giả nan; ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan; ký hưng tín tâm, phát Bồ đề tâm nan; ký phát Bồ đề tâm, vô tu vô chứng nan.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Người ra khỏi ác đạo được làm thân người là khó, đã được làm người bỏ thân nữ được thân nam là khó; đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó; sáu căn đã đủ, sanh vào trung quốc là khó; đã được sanh vào trung quốc, nhưng gặp Phật ra đời là khó; đã gặp được Phật ra đời mà gặp được đạo là khó; đã gặp được đạo phát khởi tín tâm là khó; đã khởi tín tâm mà phát tâm Bồ đề là khó; đã phát tâm Bồ đề mà đến chỗ vô tu vô chứng mới thật là khó.

Giảng Giải:

Đặc biệt bài kinh này, ta thấy văn cú đi liền mạch lạc với nhau, không tách ra được. Do đó, mà chúng tôi vẫn giữ nguyên văn cú của bài kinh mà giảng giải đôi điều qua lời

Loại căn bản phiền não, ai cũng biết nó có gốc rễ rất sâu dày, thật khó trừ khó đoạn; còn loại tùy phiền não chỉ là loại nhánh nhóc nên tương đối dễ đoạn trừ. Tuy nhiên, loại nào cũng đòi hỏi hành giả phải gia công vận dụng công phu tu hành lão luyện chuyên sâu vào thiền định mới có thể đoạn trừ chúng được. Bởi khi đã có Định lực thì sẽ có Huệ lực. Nhờ có trí huệ sáng suốt nên mới quán chiếu phá tan phiền não. Vì phiền não chúng chỉ là hư giả như mây mù, như sương khói, nên chúng ta dùng mặt trời trí huệ soi sáng phá tan mây vô minh kia cũng không khó lắm. Như thanh sắt khi chưa luyện thì nó chỉ là thanh sắt thôi, một khi đã bỏ vào lò nấu luyện rồi, thì thanh sắt đó sẽ trở thành một món đồ hữu dụng. Lò luyện sắt khi lửa bốc cháy lên là dụ cho trí huệ, còn thanh sắt kia là dụ cho phiền não. Cũng thanh sắt đó trước khi chưa nấu, chưa luyện, người ta gọi là sắt, nhưng khi trở thành đồ hữu dụng rồi thì người ta không còn gọi sắt nữa, mà phải gọi nó là con dao... chẳng hạn. Vô minh và Phật tánh cũng thế. Nói cách khác phiền não và Bồ đề cũng thế. Bởi toàn thể phiền não cũng chính là Bồ đề, thật tánh của vô minh chính là Phật tánh. Trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: *"Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyễn hóa không thân tức pháp thân"*. Điều quan trọng là hành giả phải khéo biết chuyển hóa đó thôi. Chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sinh tử thành Niết bàn hay chuyển phàm thành Thánh v.v...

câu nói: Cái răng cái tóc là gốc con người. Ở đây, ngược lại, người xuất gia thì phải cạo bỏ râu tóc. Đó là hình tướng của một bậc Sa môn. Chúng tôi còn nhớ có một bài thơ nói về việc cạo tóc. Tôi chỉ còn nhớ bài thơ chớ không nhớ tên tác giả.

Bài thơ như thế này:

Cạo đầu tuy xấu chút mà hay
Ra gió không lo tóc phủ mày
Dầu lược không màng vò chẳng rối
Bụi gàu có dính phủi liền bay
Mén con còn chỗ đâu đeo cặp
Chí đực bắt mằn khỏi mượn ai
Mỗi tháng khỏi lo tiền đóng góp
Muốn tu giải thoát ở ngày mai.

Sa môn là tên gọi khác của Tỳ kheo. Có khi người ta không gọi là Tỳ kheo mà gọi là Sa môn. Như cố đại lão Hòa Thượng Hành Trụ, Ngài viết sách hoặc dịch kinh, chúng tôi thường thấy Ngài hay lấy bút hiệu là Sa môn Lê Phước Bình. Phước Bình là pháp hiệu của Ngài. Tên thật của Ngài là Lê An. Ngài ghép họ và pháp hiệu lại gọi là Lê Phước Bình. Như đã nói, Tỳ kheo có 3 nghĩa: Khất sĩ, Bố ma và Phá ác. Khất sĩ là người đi xin ăn. Bản thân đức Phật cũng như các thầy Tỳ kheo khác, tất cả đều đi khất thực. Đó là một hạnh tu, phải thành thật mà nói cũng không phải dễ làm. Bên Phật giáo Bắc tông thì không có đi khất thực như Phật giáo Nam tông. Cho nên Phật giáo Nam tông được mệnh danh là Phật giáo Nguyên Thủy. Còn Phật giáo Bắc tông thì gọi là Phật giáo Phát Triển. Trong 3 nghĩa của Tỳ kheo, nghĩa nào chúng ta thấy cũng quan trọng cả. Bố ma là làm cho bọn

ma quân phải khiếp sợ. Ma nói ở đây, tức là những thứ ma chướng làm khảo đảo não hại người tu. Ma chướng tuy nhiều, nhưng tóm lại trong kinh thường nêu ra là có 4 loại: 1. Thiên ma. 2. Phiền não ma. 3. Tử ma. 4. Ngũ ấm ma. Bốn loại ma này, đối với người tu thì cần phải tồi phục chúng. Trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác có câu nói: "Tồi phục tứ ma, xuất ấm giới ngục". Người tu hành muốn thoát ra khỏi ba cõi ngục hình, thì phải chiết phục bẻ gãy bốn con ma chướng này.

Thọ đạo pháp giả, khử thế tư tài, khất cầu thủ túc.
Là người thọ lãnh đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, xin ăn mong cầu vừa đủ.

Cụm từ "thọ đạo pháp" là nói về hạnh Sa môn. Người xuất gia phải thọ giáo pháp của Phật. Phải tự mình nỗ lực chuyên cần tu tập, đồng thời cũng phải hóa độ chúng sanh. Đó là thật hành công hạnh tự lợi và lợi tha vậy. Mình có lợi lạc, thì mới giúp cho người khác có được lợi lạc như mình.

Câu: *"Khử thế tư tài"* có nghĩa là phải bỏ tài sản riêng tư. Tài sản là nói chung, nó thuộc về ngã sở mà người xuất gia cần phải xả ly. Vì nó là một trong 5 món dục lạc. Tiền bạc của cải là những thứ trói buộc gây ra không biết bao khổ lụy đối với người thế gian, do đó người xuất gia muốn được giải thoát, cố nhiên là cần phải xa lánh.

Câu: *"Khất cầu thủ túc"* có nghĩa là xin ăn mong cầu vừa đủ. Đây nói về hạnh "thiểu dục tri túc" của người xuất gia. Tổ Qui Sơn dạy: Người xuất gia là phải tam thường bất túc. Tam thường là ba món thường dùng, đó là ăn, mặc và ngủ nghỉ. Đối với người xuất gia mong cầu giải thoát, cố nhiên là không nên sử dụng tiêu thụ những thứ này một cách quá dư thừa. Nếu quá dư thừa, thì còn gì là hạnh tu

Chương 35

NHIẾP THIỆN TINH TẤN (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Như nhơn đoán thiết, khử thối thành khí, khí tức tinh hảo; học đạo chi nhơn, khử tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh hỷ.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Như người luyện sắt, bỏ quặng thành đồ dùng, đồ dùng liền được tinh hảo; người học đạo bỏ tâm cấu nhiễm, thì hạnh liền thanh tịnh.

Giảng Giải:

Bài kinh này, đức Phật mượn hình ảnh của người thợ rèn luyện sắt, để nói lên việc đoạn trừ phiền não. Người thợ rèn khi luyện sắt là phải bỏ hết quặng nhơ, thì sắt kia mới trở thành một món đồ hữu dụng. Đức Phật dùng thí dụ này để so sánh với người học đạo cần phải gạn lọc tâm cấu nhiễm phiền não. Khi tâm cấu nhiễm phiền não không còn, thì công hạnh tu hành của người đó liền được thanh tịnh.

Chúng ta tu hành hơn nhau là ở chỗ gạn lọc phiền não giảm bớt được nhiều hay ít. Bởi phiền não là tên khác của tập khí, của nghiệp thức và chủng tử. Phiền não, nếu xét chung thì có hai loại: căn bản phiền não và tùy phiền não.

hạnh đã sụt lùi, thì tội ắt thêm lên. Chỉ có thanh tịnh an lạc đạo mới không mất được.

Đối với việc tu học ta không nên chạy nước rút, không có ai bắt buộc ta phải làm như thế. Người xưa có câu nói: Dục tốc bất đạt. Nghĩa là muốn mau, không bằng chậm. Tuy chậm một chút mà nó an toàn hơn. Còn chạy nước rút thì chỉ làm cho thân tâm của chúng ta càng thêm mệt mỏi chớ chẳng đem lại lợi ích gì! Có đôi khi bực mình, vì kéo dài thời gian của thời khóa lễ. Hoặc sau thời sám hối lạy mệt mỏi, bất thần có ai làm phật ý mình, thì mình liền sanh tâm nổi cáu, phiền não phát sanh dữ dội, la ó om sòm. Điều này là một thực tế đã xảy ra. Có người tập khí sân hận nóng nảy còn quá mạnh, nên ai đụng tới trong lúc bực mình, thì tâm sân nổi lên giận dữ la hét như điên tiết.

Cho nên khi tu tập, mà chúng ta lại "đì" cái thân mệt mỏi quá, thì hãy coi chừng sự phản ứng của thân tâm người đó. Vì thân mệt nên tâm dễ bực bội phát sanh phiền não, thì hạnh tu sẽ bị thối lui. Nếu như hạnh tu bị thối lùi, thì tâm chạy theo danh lợi gây nên tội lỗi càng thêm nặng. Thế thì, con đường tu hành để có được sự an lạc hạnh phúc không còn, có phải đó là một tai hại cho người tu chúng ta không? Người tu thì muốn mình có được an lạc hạnh phúc, chớ không có ai muốn mình bị đau khổ bao giờ!

của người xuất thế? Thế nên ăn, mặc và ngủ nghỉ, nói chung, tất cả mọi thứ đều phải hạn chế tối đa.

Nhựt trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc, thận vật tái hỷ!
Sử nhơn ngu tệ giả, ái dữ dục dã.
Giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại. Phải biết rằng: Những điều khiến cho người ta ngu tệ là Ái và Dục vậy.

Giữa ngày ăn một bữa là tiết chế vấn đề ăn uống. Ăn uống là một trong "tứ khoái" (4 loại khoái lạc hưởng thụ gồm có: ăn uống, ngủ nghỉ, làm tình và bài tiết) của người đời. Ăn uống tuy là một nhu cầu thiết yếu của sự sống, nhưng không vì thế, mà ta không khéo biết hạn chế. Người xưa nói: "Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Nghĩa là sở dĩ con người bị họa hại đều do cái miệng mà ra. Người ta thường nói: "Con ếch chết vì lỗ miệng". Nếu nó không kêu thì ai biết nó ở đâu mà bắt. Chính cái miệng của nó mà hại chết thân nó. Cũng vậy, con người đôi khi vì ăn, vì nói mà chết. Có lắm người bị trúng thực mà chết một cách oan ức. Ngày nay, theo thống kê của ngành y học, nhơn loại bị bệnh tiểu đường phần lớn là do ăn uống mà ra. Có nhiều người không kiêng cử tiết chế được sự ăn uống, nên dễ gây ra bệnh tiểu đường lắm. Đây là một chứng bệnh phổ cập nhứt trên thế giới hiện nay. Người ta nói, ra ngõ gặp anh hùng, bây giờ thì ra ngõ gặp tiểu đường. Theo thống kê cho biết, cứ 15 người là ít nhất đã có 3 người bị mắc phải chứng bệnh tiểu đường. Nói thế để thấy rằng, vấn đề ăn uống thật rất quan trọng. Người xưa nói: Ăn để mà sống, chớ không phải sống để mà ăn. Ăn để mà sống, cố nhiên là phải ăn đơn sơ đạm bạc, nhưng không thiếu sự dinh dưỡng. Thế nên, lời Phật dạy trên, ngày ăn một bữa, quả có lý do của nó. Con người ngày nay, dựa vào thân thể

yếu đuối so với người xưa, nên tha hồ ăn uống. Đó là nguyên nhân gây ra bệnh trạng của căn bệnh tiểu đường và các thứ bệnh khác. Phần này, xin nhường lại lời khuyên của các bác sĩ, vì nó không phải là lĩnh vực chuyên môn của chúng ta. Câu: "Họa tùng khẩu xuất", nghĩa là tai họa phát ra từ cửa miệng của con người. Người ta hay nói, ăn bậy thì được, chớ không thể nói bậy. Sách có câu: "Nhất ngôn nhi khả dĩ hưng bang, nhất ngôn nhi khả dĩ tản bang". Nghĩa là một lời nói mà làm hưng nhà lợi nước, một lời nói mà nước mất nhà tan. Người làm văn hóa hay chánh trị, chỉ cần sơ suất một lời nói bất cẩn, có thể mang lại tai hại cho cả nước. Một thầy thuốc cho bệnh nhân uống lầm thuốc thì chỉ giết chết một mạng người, còn người làm chánh trị hay văn hóa thì có khác. Cho nên, ta phải cẩn thận ở nơi lời nói của mình. Một lời nói ra rồi không bao giờ lấy lại được. Người tu nói năng lễ độ khiêm tốn hiền hòa, ai mà không thích. Trái lại, lời nói thô tục cọc cằn hung dữ, chẳng mấy ai ưa. Thế nên, chúng ta phải thực tập cho mình luôn nói lời ái ngữ. Vì ái ngữ là một trong những hạnh đức của Bồ tát Quán Thế Âm. Ta cần phải áp dụng thực tập hàng ngày trong cuộc sống. Ca dao có câu: "Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau". Có người họ đổi lại câu nói này bằng ba chữ: "Lòi tiền ra". Thay vì cho vừa lòng nhau, thì họ sửa lại cho lòi tiền ra. Nghĩa là, "lựa lời mà nói cho lòi tiền ra". Lời nói đó, tuy có tánh cách mỉa mai châm biếm cợt đùa, nhưng nó cũng nói lên một sự thật là như thế. Có người họ dùng những thủ thuật mánh khóe bịp bợm khéo léo bằng những lời nói êm dịu ngọt ngào nghe mát cái lỗ tai, với mục đích là để moi móc tiền của những kẻ nhẹ dạ cả tin. Tình trạng này đã và đang xảy ra nhan nhãn trong xã hội.

Qua việc đối đáp về cây đàn và dây đàn cho chúng ta một bài học về sự tinh tấn điều hòa có chừng mực. Cũng giống như dây đàn lên dây thẳng quá thì tiếng kêu chát chúa khó nghe. Còn nếu dùn quá, thì dây đàn không tạo thành âm thanh dễ nghe, Nếu dây đàn không thẳng không dùn nghĩa là ở bực trung bình thì sao? Cố nhiên là đầy đủ âm thanh rất tốt. Để kết luận lại việc này Phật dạy tiếp:

Phật ngôn: Sa môn học đạo diệc nhiên, tâm nhược điều thích, đạo khả đắc hỷ.
Phật dạy: Sa môn học đạo cũng thế, tâm nếu giữ chừng mực thì đạo có thể chứng được.

Lời dạy này, Phật nhằm thức nhắc cho những người tu hành, lúc đầu thì tinh tấn quá mức, càng về sau thì lại sanh tâm giải đãi biếng lười. Cũng như dây đàn lên dây căng thẳng quá, chẳng những tiếng kêu chát chúa, thậm chí nó còn đứt dây nữa không chừng. Thế nên, việc tu học ta phải khéo léo linh động ứng dụng vừa chừng, không gấp, không hoãn, nghĩa là không nên tinh tấn quá và cũng không nên giải đãi, cứ giữ mức độ trung bình thì mới lâu dài bền bỉ được. Có người mới vào chùa tu, thì rất là siêng năng tinh tấn, không ai theo kịp, nhưng chỉ được một thời gian, sau đó thì giải đãi biếng lười không ai bằng, thậm chí còn bỏ cuộc nửa chừng. Đó là một bài học mà chúng ta cần ghi nhớ. Chúng ta hãy lắng nghe lời Phật dạy tiếp:

Ư đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não; ý nhược sanh não, hành tức thối hỷ; kỳ hành ký thối, tội tất gia hỷ. Đản thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỷ.
Đối với Đạo nếu gấp quá thì thân mỏi mệt, ý liền sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hạnh liền sụt lùi đi;

não có nghĩa là buồn bực, không an. Như vậy, phiền não nói chung là những thứ mà nó làm cho tâm mình luôn bị xáo trộn, rối rắm buồn bực bất an, khác nào như lửa đốt đầu nóng bức thật khó chịu.

Cấu nhiễm: Cấu là những chất bợn nhơ, như bụi bặm v.v... Nhiễm là nhuộm. Cấu nhiễm nghĩa là những thứ bơn nhơ nhuộm vào trong tâm thức chúng ta làm cho mất đi chất trong sáng thanh tịnh vậy.

Một thầy Sa môn tụng kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, chỉ vì nghe lại âm thanh giọng tụng kinh của mình sao buồn thảm quá, rồi ông tự hối hận muốn trở lại đời sống ở thế gian. Thấy vậy, Phật mới hỏi ông khi còn ở tại gia ông hành nghề gì để sinh sống? Câu hỏi này là khởi đầu cho một giai thoại đối đáp giữa hai người như sau:

Nhữ tích tại gia, tằng vi hà nghiệp?
Đối viết: Ái đàn cầm.
Phật ngôn: huyền hoãn như hà?
Đối viết: bất minh hỷ.
Huyền cấp như hà?
Đối viết: thinh tuyệt hỷ.
Cấp hoãn đắc trung như hà?
Đối viết: chư âm phổ hỷ.

Trước kia ở nhà ông đã từng làm nghề gì?
- Thưa rằng: Ưa khải đàn cầm.
- Phật hỏi: Dây đàn dùn thì sao?
- Thưa rằng: Không kêu được.
- Dây thẳng thì sao?
- Thưa rằng: Tiếng kêu cục ngẵn.
- Dùn thẳng vừa chừng thì sao?
- Thưa rằng: Đủ các âm thanh.

Còn nói: *"Dưới gốc cây ngủ một đêm"*, là trừ bỏ sự ham mê ngủ nghỉ. Ta biết rằng, thời xưa, Phật và thánh chúng, các Ngài đều có một đời sống rất đơn giản. Chính vì thế mà các Ngài mới thực sự có được sự an lạc giải thoát. Ăn không cầu kỳ, ai cho gì ăn nấy. Ngủ không cần giường cao rộng lớn hay nệm ấm chăn êm. Cuộc sống rất đơn giản, bảo sao các Ngài không hạnh phúc cho được? Hạnh phúc quá lớn đó chứ! Đối với người tu nói chung, người xuất gia nói riêng, đời sống càng đơn giản chừng nào, thì ta lại càng có hạnh phúc nhiều chừng nấy. Cho nên có câu nói: "Cực kỳ đơn giản, cực kỳ hạnh phúc". Thiết nghĩ, đối với người xuất gia chúng ta nên lấy câu nói này như là một câu châm ngôn làm kim chỉ nam trong cuộc sống.

Hai chương trước là nói về lý do của hạnh xuất gia và chứng được bốn quả thánh, còn chương này nói về pháp liễu sanh thoát tử của Tam thừa. Bởi vì nhơn thiên thừa không thể siêu thoát sanh tử, chỉ có Thanh văn, Bích Chi và Bồ tát thừa mới đạt đến cảnh giới ấy mà thôi.

Chương 4

NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA

Kinh Văn:

Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam giả: Tật, khuể, Si. Như thị thập sự bất thuận thánh đạo, danh thập ác hạnh; thị ác nhược chỉ, danh thập thiện hạnh nhĩ.

Dịch Nghĩa:

THIỆN ÁC CHUNG CẢ NĂM THỪA

Phật dạy rằng: Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác. Những gì là mười? Thân có ba, khẩu có bốn, ý có ba. Thân có ba là: Sát, đạo, dâm. Khẩu có bốn là: Nói hai lưỡi, nói hung ác, nói hư dối và nói thêu dệt; ý có ba là: Tật đố, sân hận và ngu si. Mười việc như thế không thuận thánh đạo, gọi là mười hành vi ác, mười hành vi ác này nếu dứt thì gọi mười hành vi thiện mà thôi.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác.
Phật dạy rằng: Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác.

- Dùn thẳng vừa chừng thì sao?
- Thưa rằng: Đủ các âm thanh.
Phật dạy: Sa môn học đạo cũng thế, tâm nếu giữ chừng mực thì đạo có thể chứng được. Đối với Đạo nếu gấp quá thì thân mỏi mệt, ý liền sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hạnh liền sụt lùi đi; hạnh đã sụt lùi, thì tội ắt thêm lên. Chỉ có thanh tịnh an lạc đạo mới không mất được.

Giảng Giải:

Sa môn dạ tụng Ca Diếp Phật Di Giáo Kinh, kỳ thinh bi khẩn, tư hối dục thối. Phật vấn chi viết: Nhữ tích tại gia, tằng vi hà nghiệp?
Thầy Sa môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, tiếng ông buồn thảm, lo ngại muốn sụt lùi. Phật hỏi ông rằng: Trước kia ở nhà ông đã từng làm nghề gì?

Trước hết, chúng tôi xin được giải thích một vài từ ngữ khó để quý vị có thể hiểu sơ qua:

Tụng kinh: Từ ngữ này rất là quen thuộc với chúng ta, nhưng cũng có người chưa có hiểu rõ lắm. Chữ Tụng khác nghĩa với chữ Đọc. Chữ tụng nó có nghĩa là tụng thuộc lòng không cần cầm bổn, và phải theo nhạc điệu âm thanh trầm bổng qua từng chữ của câu kinh. Ngược lại, đọc kinh thì cầm bổn và không cần phải theo điệu nhạc tán tụng.

Di giáo: Lời Phật dạy còn ghi lại, hay những lời di chúc của Phật trước khi Phật vào Niết bàn, nên gọi là Kinh Di Giáo.

Phiền não: Chữ phiền trong chữ Hán nó ghép bởi hai bộ: hỏa và hiệt. Bộ hỏa là lửa, còn bộ hiệt là đầu. Còn chữ

Chương 34

NHIẾP THIỆN TINH TẤN

Kinh Văn:

Sa môn dạ tụng Ca Diếp Phật Di Giáo Kinh, kỳ thinh bi khẩn, tư hối dục thối. Phật vấn chi viết: Nhữ tích tại gia, tằng vi hà nghiệp? Đối viết: Ái đàn cầm. Phật ngôn: huyền hoãn như hà? Đối viết: bất minh hỷ. Huyền cấp như hà? Đối viết: thinh tuyệt hỷ. Cấp hoãn đắc trung như hà? Đối viết: chư âm phổ hỷ. Phật ngôn: Sa môn học đạo diệc nhiên, tâm nhược điều thích, đạo khả đắc hỷ. Ư đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh não; ý nhược sanh não, hành tức thối hỷ; kỳ hành ký thối, tội tất gia hỷ. Đản thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỷ.

Dịch Nghĩa:

SIÊNG NĂNG THỰC HÀNH ĐIỀU LÀNH

Thầy Sa môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, tiếng ông buồn thảm, lo ngại muốn sụt lùi. Phật hỏi ông rằng: Trước kia ở nhà ông đã từng làm nghề gì?

- Thưa rằng: Ưa khải đàn cầm.
- Phật hỏi: Dây đàn dùn thì sao?
- Thưa rằng: Không kêu được.
- Dây thẳng thì sao?
- Thưa rằng: Tiếng kêu cục ngẫn.

Chương này đức Phật nói mười điều lành và mười điều ác, đó là thiện ác thông cả năm thừa (Thiên, Nhơn, Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thừa). Thiện ác không phải cách biệt, chỉ dứt mười điều ác chính là mười điều thiện vậy. Giống như bàn tay lật qua là ác, lật lại là thiện. Cho nên tu hành là phải chuyển hóa từ ác chuyển thành thiện.

Chúng sanh nói cho đủ là chúng duyên nhi sanh. Nghĩa là nhiều thứ hợp lại để sanh ra, thì gọi là chúng sanh. Chúng sanh có ba nghĩa:

1. Chúng pháp sanh nghĩa: Nhiều pháp hợp lại mà sanh.
2. Chúng loại sanh nghĩa: Nhiều loại hợp lại mà sanh.
3. Thọ chúng đa sanh tử nghĩa: Nghĩa là chịu nhiều sanh tử.

Nếu nói một cách chung thì chúng sanh có hai loại: Hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh. Nói cách khác, chúng sanh thuộc loại động vật và chúng sanh thuộc loại thực vật. Ngoài ra, còn có một loại nữa đó là khoáng vật, như đất đá v.v...

Nói về thiện ác, trong Kinh Thập Thiện, đức Phật nói rất rõ. Ở đây, Phật chỉ nêu ra vấn đề thiện ác một cách tổng quát mà thôi. Thật ra, vấn đề thiện ác, nó không có tiêu chuẩn nhất định. Một hành động thấy dường như là ác, nhưng mục đích nhắm tới lại là thiện. Như mẹ đánh con, thầy giáo đánh học trò... Mới nhìn qua thấy như là ác, mà kỳ thật mẹ đánh con là vì muốn cho con nên người, không phải hư hỏng sau này. Thầy giáo đánh học trò cũng thế. Ngược lại, có những hành động hiện tại thấy dường như là thiện, mà tương lai lại trở nên ác. Tuy nhiên, dựa vào đâu

mà biết thiện hay ác? Cố nhiên là phải dựa vào hành động và lời nói. Hành động cụ thể dễ thấy nhất đó là hành động của thân. Thân có khi tạo nghiệp lành cũng có lúc tạo nghiệp dữ. Đến cái miệng cũng thế. Miệng chỉ là một công cụ để phát ra âm thanh thành tiếng đó thôi. Nói cho đúng là phải nói ngữ nghiệp, chớ không phải khẩu nghiệp. Vì chữ khẩu là chữ Hán. Người ta vẽ cái hình của cái miệng, vì đó là chữ tượng hình. Nhưng lâu nay người ta hay quen nói khẩu nghiệp, thật ra nói khẩu nghiệp là không đúng. Nói cho đúng phải nói là ngữ nghiệp, tức cái thói quen của lời nói.

Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo dâm. Khẩu tứ giả: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam giả: Tật, khuê, Si.

Những gì là mười? Thân có ba, khẩu có bốn, ý có ba. Thân có ba là: Sát, đạo, dâm. Khẩu có bốn là: Nói hai lưỡi, nói hung ác, nói hư dối và nói thêu dệt. Ý có ba là: Tật đố, sân hận và ngu si.

Trước tiên, nói về **thân** hành động điều ác, gồm có ba thứ:

1. Giết hại chúng sanh, tức những loài có mạng sống.
2. Trộm cắp hoặc cướp của giết người.
3. Làm những việc tà hạnh với những người đồng phái hoặc khác phái, kể cả hiếp dâm với trẻ con.

Về **miệng** nói những điều ác, gồm có 4 thứ:

1. Nói dối, chuyện có nói không, chuyện không nói có.
2. Nói lời trau chuốt thêu dệt, chuyện ít xích cho nhiều.
3. Nói lời hung ác, trù rủa chửi mắng.

lúc đầu thì tinh tấn dũng mãnh, nhưng càng về sau thấy sự tu hành sao khó khăn quá, đâm ra chán nản muốn thối lui. Đây là hạng người yếu đuối khiếp nhược.

2. Hạng người thứ hai, đi nửa đường thấy không kham liền vội tháo lui. Dụ cho người cũng dõng mãnh cạo tóc xuất gia, ban đầu cũng tinh tấn tu hành, nhưng được nửa chừng, thấy đường xa đâm ra chán ngán muốn trở lại với đời sống của người tại gia cư sĩ.

3. Hạng người thứ ba, ra trận đánh giặc rồi tử trận. Dụ cho người xuất gia quyết tu tới cùng, nhưng không khéo dè dặt, không khéo gìn giữ giới luật để phạm giới như người chết ở bãi chiến trường.

4. Hạng người thứ tư, quyết đánh giặc đến thắng trận mới trở về. Dụ cho người lúc phát tâm mạnh mẽ, khi cạo tóc xuất gia rồi vẫn tu hành tinh tấn, suốt đời thanh tịnh cho đến chết. Nói cách khác hạng người này từ khi phát tâm xuất gia nỗ lực tiến tu cho đến khi đạt thành Phật quả mới thôi. Có nghĩa là chiến thắng hoàn toàn lũ giặc vô minh phiền não, bấy giờ mới thực sự ca khúc khải hoàn trở về lại cố hương.

Sa môn học đạo ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dõng duệ (nhuệ), bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma nhi đắc đạo giả.

Sa môn học đạo phải nên giữ chắc tâm mình, tinh tấn lướt tới chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma chứng được đạo quả.

Nêu ra bốn hạng người và bốn điều dụ đó, để cho chúng ta mỗi người hãy tự suy nghiệm xem mình thuộc hạng người nào. Hẳn chúng ta phải là hạng người sau cùng. Nghĩa là phải quyết tâm tinh tấn tu hành cho đến khi nào lũ giặc vô minh phiền não không còn, thì chừng đó chúng ta mới thực sự đạt thành sở nguyện.

khiếp nhược và tinh tấn. Khiếp nhược là yếu đuối hèn nhát sợ sệt. Người yếu đuối hèn nhát tất sẽ không làm nên sự nghiệp to tát lớn lao gì. Tinh tấn: Tinh là tinh chuyên ròng rặt, không xen tạp. Tấn là một mặt tiến tới không bao giờ dừng bước, hay lui sụt. Dù gặp phải những hoàn cảnh gian lao trở ngại khó khăn đến đâu, nhưng người tinh tấn vẫn không thối chí nản lòng; vẫn phải cương quyết tiến tới kỳ cùng để đạt cho được mục đích nhắm tới. Mục đích cuối cùng của người tu hành là phải giác ngộ và giải thoát.

Từ chương 27 đến chương 32 này, chỉ nói về hạnh mặc giáp tinh tấn. Riêng chương này mới thực sự nói về cái tướng mặc giáp tinh tấn.

Người tu hành muốn đạt thành sở nguyện của mình, thật không phải là chuyện dễ dàng. Phải có một ý chí dũng mãnh, một nghị lực kiên cường, và sức kiên nhẫn bền bỉ dẻo dai. Phật nói, người hành đạo khác nào một người chọi muôn người, chỉ cần hai, ba người là đã thấy chống chọi khó khăn mệt nhọc lắm rồi, nói chi đến cả muôn người. Điều này nói lên sự quyết tâm chiến đấu mãnh liệt với bọn giặc vô minh phiền não, phải trải qua rất khó khăn. Sự chiến đấu này là một đường dài, đòi hỏi chúng ta phải có ý chí sắt đá kiên cường và một sự kiên nhẫn bền bỉ mới có thể thắng được lũ giặc phiền não. Bằng không thì chúng ta sẽ xếp giáp qui hàng. Kinh Pháp Cú Phật dạy: "Chiến thắng vạn quân không bằng tự thắng lấy mình, tự thắng lấy mình mới là chiến công oanh liệt".

Để chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này, trong Kinh A Hàm có nêu ra bốn hạng người:

1. Hạng người thứ nhất, vừa mặc giáp ra cửa, thấy quân của đối phương quá đông liền hốt hoảng run sợ thối lui. Hạng người này là dụ cho người mới phát tâm xuất gia

4. Nói lời đâm thọc, ly gián gây sự chia rẽ.

Về **Ý nghiệp** tức ý nghĩ điều ác, gồm có 3 thứ:

1. Tham lam
2. Sân hận
3. Si mê

Đó là mười điều ác. Ngược lại với mười điều ác này thì gọi đó là mười điều lành. Chỉ cần thêm vào một chữ không ở nơi: thân, miệng và ý thì sẽ trở thành mười điều lành. Như không giết hại sinh vật, không trộm cắp cướp giựt của người v.v... Tạo điều ác thì phải chịu trầm luân sa đọa. Tạo điều lành thì sẽ được hưởng phước báo ở cõi người, cõi trời.

Như thị thập sự bất thuận thánh đạo, danh thập ác hạnh; thị ác nhược chỉ, danh thập thiện hạnh nhĩ.
Mười việc như thế không thuận thánh đạo, gọi là mười hành vi ác. Mười hành vi ác này nếu dứt thì gọi mười hành vi thiện mà thôi.

Phật nói rất rõ, nếu chúng sanh nào tạo mười điều ác thì đương nhiên là trái với thánh đạo. Ngược lại, nếu chúng sanh nào tạo mười điều lành là chúng sanh đó đang đi trên con đường thánh đạo. Bởi thánh đạo là con đường tu tập dứt khổ. Chỉ có con đường này, chúng ta mới thực sự thoát ly sanh tử khổ đau đó thôi. Ngoài ra, không còn có con đường nào khác. Chư Phật, Bồ tát đến các vị Tổ sư của chúng ta, tất cả các Ngài cũng đều đi chung một con đường thiện nghiệp này. Nói một cách đại thể là như thế. Tuy nhiên, nếu nhận xét qua trình độ tu chứng của các Ngài thì có khác. Tùy theo địa vị trong lúc tu nhân mà có

ra kết quả sai biệt. Như hàng Thanh văn, do tu theo pháp Tứ đế Phật dạy, mà chứng quả vị tối cao là A la hán. Bồ tát nhân tu hành theo pháp Lục độ mà các Ngài chứng được quả vị tối cao là Đẳng giác. Bồ tát có nhiều đẳng cấp cao thấp khác nhau. Thường trong kinh có nêu ra Bồ tát phải trải qua 52 ngôi vị. Từ Thập Tín cho đến mãn Thập địa, rồi lên Đẳng giác Bồ tát. Bồ tát ở địa vị này là cận kề với Phật. Chỉ khi nào dứt sạch hết vi tế vô minh phiền não, thì sẽ chứng quả Diệu giác, tức thành Phật.

Chương 33

BỊ GIÁP TINH TẤN TƯỚNG

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, thí nhứt nhơn dữ vạn nhơn chiến, chụ khải xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thối, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa môn học đạo ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dõng duệ (nhuệ), bất úy tiền cảnh, phá diet chúng ma nhi đắc đạo giả.

Dịch Nghĩa:

MẶC TƯỚNG ÁO GIÁP TINH TẤN

Phật dạy: Xét ra người hành đạo thí như một người chiến đấu cùng muôn người, mang giáp ra cửa, ý hoặc khiếp nhược, hoặc nửa đường thối lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về. Sa môn học đạo phải nên giữ chắc tâm mình, tinh tấn lướt tới chẳng sợ cảnh trước, phá diet bọn ma chứng được đạo quả.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, thí nhứt nhơn dữ vạn nhơn chiến, chụ khải xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thối, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn.

Phật dạy: Xét ra người hành đạo thí như một người chiến đấu cùng muôn người, mang giáp ra cử, ý hoặc khiếp nhược, hoặc nửa đường thối lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về.

Trước hết, chúng ta cũng cần hiểu qua những từ ngữ như

Chương 32

TINH TẤN ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn tùng ái dục sanh ưu, tùng ưu sanh bố; nhược ly ư ái, hà lưu hà bố?

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Người từ ái dục sanh lo, từ lo sanh sợ, nếu xa lìa được ái dục, thì có gì phải lo sợ?

Giảng Giải:

Chương này chỉ có một câu nói ngắn gọn, mà nghĩa lý thật thâm trầm. Phật nói rất rõ: "Người từ ái dục sanh lo". Dục là chỉ chung tất cả các thứ dục. Ái tức là ngã ái, Mạt na thức vì ái ngã nên chấp ngã rất nặng. Nó ngầm ngầm bảo vệ cái ngã tối đa. Một khi đã chấp ngã mới sanh ra những thứ ái dục. Vậy thì ái dục từ cái chấp ngã mà có ra. Rồi từ đó mới có ra sự lo lắng ưu phiền. Được thì vui, mất thì buồn. Cái lo nhứt của ái ngã là sợ mất thân mạng. Dù có lo sợ như thế nào, thì mọi người cũng không thể tránh khỏi con quỷ vô thường cướp đi mạng sống. Con người một khi đã vướng vào vòng hệ lụy của ngũ dục rồi, thì lại càng lo sợ hơn nữa. Khi chưa có thì cũng lo cho được; khi có rồi thì lại lo mất đi không hưởng thụ được. Nếu như chúng ta xa lìa được cái cội gốc ái dục, thì đâu còn phải lo sợ gì nữa? Qua lời Phật dạy đây, chúng ta mỗi người nên tư duy suy nghiệm lại bản thân mình, có phải mọi sự lo sợ mất còn, đều từ ái dục với cái tâm chấp ngã ích kỷ hẹp hòi mà ra không?

Chương 5

NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn hữu chúng quá nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhơn hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt; như bệnh đắc hạn, tiệm hữu thuyên tổn nhĩ!

Dịch Nghĩa:

Phật dạy rằng: Người có những điều tội lỗi mà không biết tự hối, mau dứt lòng quấy, thì tội lại vấn vào thân như nước chảy về biển cả, dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi mà tự nhận biết lỗi, cải ác làm lành, thì tội tự tiêu diệt, như bệnh được ra mồ hôi, lần lần thuyên giảm.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Nhơn hữu chúng quá nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng.
Phật dạy rằng: Người có những điều tội lỗi mà không biết tự hối, mau dứt lòng quấy, thì tội lại vấn vào thân như nước chảy về biển cả, dần thành sâu rộng.

Tự hối nghĩa là tự mình ăn năn hối hận những lỗi lầm mà mình đã gây ra. Đó là người khéo biết tự trọng, không cần

đợi ai phải nhắc nhở cho mình. Tự mình biết lỗi cần phải ăn năn sám hối, bỏ dữ làm lành, thì tội lỗi kia dần dần sẽ hết, thí như nước chảy ra biển cả vậy.

Là con người sống trên cõi đời này, không một ai dám tự hào rằng mình không có tội lỗi, ngoại trừ các bậc Thánh nhơn. Bởi vì, sự có mặt của con người, đó là cái kết quả của những nghiệp nhân mà mình đã gây tạo từ trước. Tổ Qui Sơn có dạy: "Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy". Nghĩa là, xét ra ta có cái thân này, là do vì cái nghiệp ràng buộc thúc đẩy ta ra đời để trả cái quả báo mà ta đã gây ra trong quá khứ. Đã mang lấy nghiệp ra đời, thì thử hỏi trong đời này có mấy ai tránh khỏi tội lỗi? Tuy nhiên, sự gây ra tội lỗi tuy rất quan trọng, nhưng không quan trọng bằng biết ăn năn cải hối. Người có lỗi mà liền biết sửa đổi, thì có khác nào như cái áo bị dính dơ, ta liền đem giặt sạch. Khi giặt sạch rồi, thì cũng không khác mấy so với cái áo của ta trước khi chưa bị dính dơ.

Cũng thế, một khi đã có sự thành tâm tha thiết trong sự ăn năn cải hối rồi, thì chắc chắn là những tội lỗi kia sẽ từ từ thuyên giảm. Xét xa hơn nữa, tội lỗi có ra là từ tâm ta tạo lấy, thì cũng phải từ tâm mà sám hối. Khi tâm ta được lặng yên rồi, thì tội kia cũng phải tiêu vong. Đó là yếu lý cùng tột của sự ăn năn sám hối vậy. Hẳn chúng ta còn nhớ bài kệ 4 câu:

Tội tùng tâm khởi, tương tâm sám
Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không
Thị tắc danh vi chơn sám hối.

Nghĩa là:

Câu: "*Cả hai tâm vắng lặng"* có nghĩa là "Ý và Tư tưởng" cả hai không còn nên nói là vắng lặng.

Câu: *"Phi sắc cũng phi hành"* có nghĩa là không phải sắc trần bên ngoài làm mình nhiễm, cũng không phải do các hành bên trong làm mình mê, mà tất cả đều do Ý và Tư Tưởng của ta mà ra. Chữ Dục nói trong đây, không phải là thứ dục thông thường, mà dục này là do tư tưởng sanh ra. Lý do tại sao? Thí dụ, khi ta khát nước khô cổ họng, lúc đó có người nói me chua, ta liền nghĩ đến me chua tự nhiên nước miếng tuôn ra. Có lần, Tào Tháo trong lúc điều quân khiển tướng đi ngang qua bãi sa mạc rộng lớn, nhờ dùng cái chiêu thuật này mà quân lính mới qua khỏi sa mạc. Trong lúc quân lính khát nước quá đi không nổi, Tào Tháo liền nói, các ngươi ráng đi phía trước có một rừng me chua, tới đó tha hồ các ngươi ăn thì sẽ không còn khát nước nữa. Khi nói tới me chua thì nước miếng tuôn ra và nuốt nước miếng vào. Cứ như thế mà đỡ khát nước nên quân lính thoát chết khát đi qua khỏi sa mạc. Cũng như khi đói bụng, mình không nghĩ tưởng gì hết thì nước miếng không có chảy ra, nhưng khi nhớ đến một thức ăn nào đó mà mình thèm thuồng như xoài tượng v.v... thì nước miếng tự nhiên chảy ra. Như thế có phải là do tư tưởng sanh ra không? Nếu mình không nghĩ tới thì làm gì có nước miếng tuôn ra? Đó là chúng ta ăn qua cái tư tưởng của chính mình.

Phật Ca Diếp là một vị Phật trước đức Phật Thích Ca, niên đại cách nhau rất xa. Bài kệ trên người thường vốn không thể biết được, chỉ có đức Phật là bậc đã thấu đạt chân lý của vũ trụ, nên Ngài vì chúng sanh mà nói ra đó thôi.

Trong ba nghiệp thì ý nghiệp mới thực sự là quan trọng. Chính nó là chủ động thúc đẩy thân và miệng tạo những điều bất thiện. Cho nên mới nói đoạn âm sao bằng đoạn tâm. Tâm như công tào có nghĩa là tâm chủ động tạo tác tất cả. Thân và miệng chẳng qua cũng chỉ là công cụ để tâm ra lệnh sai khiến mà thôi. Tạo nghiệp lành dữ đều do tâm ta. Nếu như tà tâm chẳng dứt, thì thử hỏi đoạn âm có ích gì? Tiếp theo Phật nói bài kệ:

Dục sanh ư nhữ ý
Ý dĩ tư tưởng sanh
Nhị tâm các tịch tịnh
Phi sắc diệc phi hành

Phật ngôn: Thử kệ thị Ca Diếp Phật thuyết:

Phật vì đó mới nói bài kệ:
Dục sanh từ ý ông
Ý do tư tưởng sanh
Cả hai tâm vắng lặng
Phi sắc cũng phi hành

Và Phật dạy: Bài kệ trên là của Phật Ca Diếp nói.

Chữ Ý ở trong bài kệ nói tức là cái Ý có ngã chấp tương ưng, có so đo, xét nét là cái Ý không thể tin được. Ý này là do Tư tâm sở trong năm món Biến hành, Tưởng là thành phần tùy thuộc vào Tư. Do đó, nên nói Ý do Tư tưởng sanh. Mà ý hay tâm cũng đều là hư vọng giả dối không thật. Tâm ý đã không thật, thì tư tưởng làm gì có thật? Tuy không thật, nhưng vì si mê nên chúng ta lúc nào cũng riu ríu râm rấp nghe theo mệnh lệnh của nó sai khiến. Từ đó mới có ra ngã chấp và pháp chấp. Tất cả cũng từ tâm vọng tưởng điên đảo mà ra.

Tội từ tâm khởi đem tâm sám
Tâm nếu lặng rồi, tội liền tiêu
Tội tiêu, tâm lặng cả hai đều không
Đó mới thật là chơn sám hối.

Hơn nữa, trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác cũng có nói:

"Vô tội phước, vô tổn ích
Tịch diệt tánh trung mạc vấn mích
Tỷ lai trần kính vị tằng ma
Kim nhật phân minh tu phẩu tích".

Tạm dịch:

Không tội phước, không tổn ích
Trong tánh vắng lặng chớ hỏi tìm
Xưa nay gương bụi chưa từng lau
Nay cần phân tích để được rõ.

Rõ ràng là tội tánh vốn không. Vì tánh tội không có nên khi ta thật tâm sám hối trở về với cái tánh thể vắng lặng thanh tịnh bất sinh, bất diệt của mình, thì tội kia sẽ không còn. Như thế, thì còn tìm kiếm tội lỗi để làm gì cho nhọc công phí sức?! Bởi cái tánh tịch diệt nó vượt ngoài phạm trù đối đãi. Tuy nhiên, xưa nay chúng ta có bao giờ nghĩ đến cái gương Phật tánh của mình chưa? Và có bao giờ mình lưu tâm lau bụi phiền não trên tấm gương Phật tánh của mình không? Nếu chưa, thì nay đây mình cần phải gia công nỗ lực nhận rõ tìm hiểu cặn kẽ cái gương đó, để cố công lau chùi bụi trần phiền não hằng ngày, cho tấm gương Phật tánh kia trong sáng trở lại. Đó là lời nhắc nhở thiết yếu của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác. Tuy nhiên, muốn hết tội, thì tâm mình phải làm sao? Tất nhiên là tâm thể phải vắng lặng (không tịch) không còn vô minh phiền não.

Cũng trong Chứng Đạo Ca Ngài Huyền Giác có nói: "*Chứng thật tướng vô nhơn pháp, sát na diệt khước A tỳ nghiệp"*. Khi nào chứng đạt được "Tánh Không" của vạn pháp, thì chỉ cần một sát na là tiêu hết nghiệp ngục A tỳ (địa ngục vô gián). Còn nếu ta chưa chứng được "Thật tướng" (vô tướng) thì tội nghiệp nào cũng có cả.

Luận về tánh tội thì như thế. Còn tướng tội tất nhiên hễ có gây nhân thì phải có trả quả. Tuy nhiên, quả báo nặng, nhẹ còn tùy theo cái tâm cải hối phục thiện của chúng ta. Trên đây là nói về Lý sám hối, hay Vô sanh sám hối. Còn Sự sám hối thì sao? Về sự, trong kinh có nêu ra 3 cách sám hối: 1. Hồng danh sám hối. 2. Tác pháp sám hối. 3. Thủ tướng sám hối. Còn Vô sanh sám hối, như trên đã nói là thuộc về Lý sám hối.

Trong quyển sách **Sinh Hoạt Đạo Tràng** do chúng tôi biên soạn để cho đạo tràng Quang Minh sinh hoạt, trong đó chúng tôi có viết bài hát **Sám Hối**:

Chúng con từ vô thỉ
Vì vô minh gây bao lầm lỗi
Làm khổ con lại khổ người
Khổ cho hết thảy muôn loài
Nay tất cả con xin sám hối
Nay tất cả con xin sám hối
Nguyện chư Phật thương xót chứng minh
Cho con hết lòng ăn năn sám hối
Kể từ nay con nguyền xin sửa đổi
Bao lỗi lầm mà con lỡ gây ra
Nay tất cả con thành tâm sám hối
Nay tất cả con thành tâm sám hối
Nguyện chư Phật thương xót chứng minh

Giảng Giải:

Chương này, với mục đích là Phật chú trọng ở nơi tâm. Phật dạy, người tu hành muốn dứt dâm dục phải căn cứ ở nơi tâm, vì tâm là chủ động tạo nghiệp và nếu chúng ta lìa được ái dục thì tâm ta sẽ được an định, không còn điều gì phải lo sợ.

Trong đây, có những từ ngữ mà chúng ta cũng cần hiểu ý nghĩa của nó. **Công tào**: là vị pháp quan, tức là quan tư pháp, quan phụ trách về việc tòa án. **Đoạn âm:** nghĩa là cắt đứt dương vật, tức bộ phận sinh dục của người nam. **Tư tưởng:** Tư nghĩa là suy nghĩ. Nó là một tâm sở trong 5 món tâm sở Biến hành. Nghiệp dụng của nó là suy tính việc này việc nọ làm cho tâm luôn bất an. Còn Tưởng cũng thuộc về tâm sở giống như Tư tâm sở, nhưng phạm vi hoạt dụng của nó có phần hạn hẹp hơn. Nói rõ hơn, sự hoạt động của Tưởng tâm sở nó là cộng sự viên đắc lực của Tư tâm sở.

Nói ba nghiệp thân, khẩu, ý đều do tâm tạo, nên phải từ trong tâm ngăn dứt chứ không thể từ trên thân mà cưỡng chế được. Cũng như vị quan tòa ngăn dứt sự kiện tụng thì sự kiện tụng không còn phát sanh. Cho nên tâm dụ như vị quan tòa, quan tòa thì có quyền phán xét tất cả. Có tội hay không tội đều do quan tòa quyết định tuyên án. Một khi quan tòa đã quyết định tuyên án rồi, thì không có ai chống cãi lại được. Do đó, nên đoạn kế tiếp Phật mới nói quan trọng là ở nơi cái tâm.

Tâm như công tào, công tào nhược chỉ, tùng giả đô tức, tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích? Phật vi thuyết kệ:
Tâm như vị công tào, công tào nếu nghỉ, thì kẻ tùng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì? Phật vì đó mới nói bài kệ:

Chương 31

TINH TẤN ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Hữu nhơn hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm, Phật vị chi viết: nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như công tào, công tào nhược chỉ, tùng giả đô tức, tà tâm bất chỉ, đoạn ân hà ích? Phật vi thuyết kệ:

Dục sanh ư nhữ ý
Ý dĩ tư tưởng sanh
Nhị tâm các tịch tịnh
Phi sắc diệc phi hành

Phật ngôn: Thử kệ thị Ca Diếp Phật thuyết

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Có người do lòng dâm dục chẳng dứt được, muốn tự đoạn âm, Phật bảo người ấy rằng: Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như vị công tào, công tào nếu nghỉ, thì kẻ tùng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì? Phật vì đó mới nói bài kệ:

Dục sanh từ ý ông
Ý do tư tưởng sanh
Cả hai tâm vắng lặng
Phi sắc cũng phi hành.

Và Phật dạy: Bài kệ trên là của Phật Ca Diếp nói

Nguyện chư Phật thương xót chứng minh
Cho chúng con được sống an lành (2 lần)

Bài hát Sám Hối này, sau khi đại chúng lễ lạy theo nghi thức sám pháp Tịnh độ, gồm có 12 lạy và sau đó tụng bài văn Sám Hối phần đầu của Kinh Pháp Hoa. Tụng xong, tất cả đều quỳ xuống và đồng hát bài Sám Hối này. Buổi sáng chủ nhật nào chúng tôi cũng đều hướng dẫn đại chúng sinh hoạt như thế, trước khi thọ giới Bát quan trai.

Nhược nhơn hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt; như bệnh đắc hạn, tiệm hữu thuyên tổn nhĩ!
Nếu người có lỗi mà tự nhận biết lỗi, cải ác làm lành, thì tội tự tiêu diệt, như bệnh được ra mồ hôi, lần lần thuyên giảm.

Như trên đã nói, người gây ra tội lỗi mà thức tỉnh ăn năn sám hối những lỗi lầm mà mình đã gây ra, đồng thời, mình cũng phải thành tâm làm những điều phước lành, thì tội kia ắt liền tiêu diệt. Dụ như, một ly thuốc độc ta uống vào thì sẽ chết ngay. Nhưng nếu ta đem ly thuốc độc đó hòa tan trong một hồ nước lớn, thì chắc chắn khi uống vào, thuốc độc sẽ không còn gây tác hại cho ta nữa. Lý do tại sao? Tại vì nước trong hồ lớn kia hóa giải tiêu tan hết chất thuốc độc rồi. Do đó, nó không còn tác dụng hiệu quả như khi thuốc còn nguyên chất. Cũng thế, tội lỗi ta gây ra, nếu ta thật lòng ăn năn hối cải và nguyện làm tất cả điều lành phục vụ làm lợi ích cho chúng sanh, thì tội kia dù có nặng đến đâu cũng sẽ được lần hồi tiêu tan hóa giải hết. Chính vì thế, nên người ta mới sám hối, nếu không thì sám hối để làm gì? Thế nên, ta thấy pháp sám hối là một pháp tu rất tuyệt vời và rất hiệu nghiệm trong đạo Phật. Sám hối

không có nghĩa là chúng ta cứ lạy Phật hoài để mong Ngài từ bi xóa cho ta hết tội. Lạy Phật mà tâm ta không thật sự hối cải hành thiện, không làm gì lợi ích cho ai, thế thì, thử hỏi làm sao tiêu hết tội chướng được? Xin nhắc lại, điều quan trọng của sám hối là người phạm tội phải dũng mãnh phát nguyện từ đây về sau tuyệt đối không bao giờ tái phạm. Chớ nếu sám hối mà vẫn còn tái phạm như cũ, thói nào hoàn tật nấy, thì sám hối cho đến vạn kiếp cũng không bao giờ hết tội được.

Tóm lại, tuy rằng tội tánh vốn không, nhưng nếu chúng ta không thành tâm mà sám, nghĩa là không đem hết cả tâm thành mà sám tội và cũng không tạo những điều phước lành, thì tội kia khó mà hết được. Bên trong thì phải sám hối từ tâm, vì chính tâm gây ra tội lỗi, bên ngoài thì phải làm tất cả những điều lành, như thế thì lo gì mà không tiêu tội được chớ? Bởi tội lỗi từ tâm mà khởi, nay cũng phải từ tâm ta mà sám như đã nói ở trên, đó là ta khéo biết sám hối ngay cái gốc mà ta đã tạo thành tội. Đó mới thật là "Chơn sám hối". Ta phải hết sức ghi nhớ điều này, nếu ta thật lòng sám hối tội lỗi.

Nhân đây, tôi xin kể hầu quý vị nghe một câu chuyện. Câu chuyện này, chính tôi được nghe cố Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đã kể. Hòa thượng nói, trong thời buổi chiến tranh khốc liệt ở Việt nam, thì có một tiểu đội lính Mỹ, ruồng bố ở một ngôi làng kia. Không may cả một tiểu đội bị lọt vào ổ phục kích của Việt Cộng. Thế là họ bị tiêu diệt gần hết một tiểu đội, chỉ còn sống sót lại một anh duy nhất. Anh này, vì muốn trả thù cho đồng đội, nên anh ta mua một số loại bánh Sandwich và anh tẩm thuốc cực độc vào trong đó. Xong rồi, anh ta để những cái bánh đó bên cạnh một gốc cây to. Hôm đó, có một vài trẻ em

có tránh duyên, thì mình mới có cơ hội nhìn kỹ lại mình, đó là: "*Phản quan tự kỷ"* như lời dạy của ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ. Người tu hành mà tâm còn vọng động lăng xăng phan duyên theo trần cảnh, thì biết bao giờ tâm ta mới được an định? Việc tu hành không ai biết mình bằng mình tự biết mình. Đúng như câu nói của người xưa: "Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thùy". Nghĩa là thật hay giả, thì tự mình biết, cũng như họa hay phước xin đừng hỏi ai. Vì không ai biết được mình cả. Đúng như câu nói: Như nhơn ẩm thủy lãnh noản tự tri. Nghĩa là như người uống nước lạnh nóng tự mình biết thôi. Không ai tài nào diễn tả được mùi vị của sầu riêng. Muốn biết mùi vị của nó thế nào, thì chỉ cần ăn nó thì biết. Người tu hành giải thoát hay bị ràng buộc thì tự mình biết thôi, không cần ai biết cho mình.

Lại một lần nữa, Phật bảo chúng ta nên xa lánh "dục lạc" như xa lánh hầm lửa rắn độc.

Chương 30

TINH TẤN ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, như bị càng thảo, hỏa lai tu tỵ; đạo nhơ kiến dục tất đương viễn chi.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Xét đến người hành đạo, như kẻ mang cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người học đạo thấy sự dục lạc tất phải xa nó.

Giảng Giải:

Chương này tuy rất ngắn gọn, nhưng Phật chỉ dạy cho người thực sự tu hành thì nên tránh bớt duyên trần. Nếu tâm mình chưa có được vững vàng, đối với sáu trần còn dính mắc nhiễm trước, thì tốt hơn hết là phải tìm cách tránh duyên để gạn lọc tịnh dưỡng thân tâm. Nếu không, thì coi như mình là người đang mang cỏ khô đi vào trong đám lửa đang cháy, như thế, thì thử hỏi làm sao tránh khỏi nạn bị lửa thiêu thân? Lửa là dụ cho trần cảnh, cỏ khô là dụ cho tâm vọng động giống như con trâu hoang, không có dây thừng buộc mũi. Xa lánh không có nghĩa là yếm thế, mà do mình chưa được *"đối cảnh vô tâm*", nên an toàn nhứt là phải tránh bớt duyên trần. Vì vậy, mà có nhiều vị Tăng, Ni tự phát nguyện nhập thất chuyên tu, với mục đích là để tránh bớt những duyên trần phiền toái. Vì

trong làng chúng đùa giỡn chạy đến gốc cây, thấy có những cái bánh ngon không biết ai bỏ, chúng liền ăn hết. Ăn xong, tất cả đều ngã lăn đùng ra chết. Anh ta ẩn núp trong bụi cây rậm nhìn thấy tận mắt các đứa trẻ lăn ra chết một cách tức tưởi thảm thương. Thế là từ đó hình ảnh giết người vô tội này, nó cứ ám ảnh theo anh gần cả cuộc đời. Sau khi giải ngũ về Mỹ, sống lại cuộc đời tự do, nhưng tâm hồn của anh chẳng có tự do chút nào. Mặc cảm tội lỗi đó nó cứ ám ảnh bám sát theo anh. Mỗi khi chợp mắt thì hình ảnh của những đứa bé lăn ra chết hiện ra trong đầu óc anh. Anh có tâm sự với mẹ anh, nhưng mẹ anh cũng bất lực không biết phải làm sao để có thể giúp cho anh thoát khỏi con ma lực mặc cảm tội lỗi này. Bà chỉ nói một câu an ủi: Ừ! Trong chiến tranh, con không giết họ, thì họ cũng giết con đó thôi. Có gì mà con phải ray rứt khó chịu đến thế. Tuy nghe mẹ an ủi, nhưng lòng anh vẫn cảm thấy ray rứt khó chịu.

Bỗng một hôm, anh nghe Hòa thượng Nhất Hạnh mở một khóa tu ở Mỹ. Anh liền tìm đến và tâm sự về câu chuyện mặc cảm tội lỗi của anh. Suốt mấy năm qua anh đều sống trong âm thầm đau khổ và không thể nào quên được cái hình ảnh giết người mà anh đã gây ra. Anh kể hết tự sự đầu đuôi câu chuyện, và rồi sau đó Hòa thượng khuyên anh:

-Này anh bạn của tôi ơi! anh đã giết 4, 5 trẻ em vô tội kia, thay vì anh cứ mãi ôm ấp cái hình ảnh mặc cảm tội lỗi giết người đó, thử hỏi anh có được lợi lạc gì không? Hay nó chỉ làm cho anh càng thêm đau khổ mà thôi! Sao anh không làm những việc từ thiện để cứu giúp cho hàng ngàn trẻ em đang sống trong những viện mồ côi. Thay vì, anh giết 4,5 trẻ em, bây giờ anh có thể cứu giúp cho rất nhiều

trẻ em, như vậy có phải lợi lạc hơn không? Và như thế, anh sẽ không còn cảm thấy mang nặng mặc cảm tội lỗi nữa. Nghe thế, lòng anh như cảm thấy rất sung sướng nhẹ nhàng, như có một linh giác nào đó giúp anh thoát khỏi cơn mộng ảo này. Từ đó, anh dùng tất cả số tiền mà anh đã dành dụm tiết kiệm lâu nay, anh đi về Việt Nam và giúp cho các trẻ em trong các ký nhi viện và các viện mồ côi. Thế là cuộc đời của anh cảm thấy an lạc hạnh phúc vô cùng.

Qua câu chuyện đó, cho chúng ta thấy rằng, một người sau khi gây ra tội ác thì cõi lòng của họ luôn luôn bất an, ngày đêm cứ mãi ray rứt thật khó chịu vô cùng, đó là vì họ mang mặc cảm tội lỗi quá sâu nặng. Cũng may cho anh ta, gặp được một bậc Thầy có đủ tài đức và đầy kinh nghiệm trong việc tu học, nên đã hướng dẫn chỉ bảo cho anh ta giải tỏa nỗi đau khổ mà anh ta đã phải chịu đựng sự mặc cảm tội lỗi khá lâu. Như là một liều thuốc thần dược, Hòa thượng đã tiêm vào đúng mạch ngầm của trái tim anh nên anh đã hồi sinh một cách rất mạnh mẽ và hạnh phúc. Anh cảm ơn Hòa thượng, vì Ngài đã thực sự cứu vớt đời anh thoát khỏi cái ngục tù tội lỗi.

giữ tâm ý không bị nhiễm trần, như hoa sen vẫn giữ được sự tinh khiết của nó không bị dính bùn nhơ. Nói đến một vị Sa môn tu đạo và hành đạo, giống như hoa sen không bị dính bùn nhơ, tôi lại nghĩ đến một tác phẩm: "Đạo Phật đi vào cuộc đời" của cố Đại lão Hòa thượng Thích Nhất Hạnh. Quý huynh đệ nên tìm đọc quyển sách đó. Quyển sách được viết và xuất bản ở trong miền Nam trước 1975, nên sách có giá trị không những cho một giai đoạn của thời đó, mà nó còn bổ ích chung cho mọi thời đại khi chúng ta dấn thân hành động trong công việc hóa độ chúng sanh.

xúc với họ. Điều quan trọng là trong khi giao tiếp, chúng ta cần phải có chánh niệm. Điều đó mới thực sự là điểm trọng yếu đáng nói ở đây.

Nhược dữ ngứ giả, chánh tâm tư niệm: Ngã vi Sa môn xử ư trược thế, đương như liên hoa bất vi nê ô.
Nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên chánh tâm suy nghĩ: Ta là bậc Sa môn ở trong đời ác, phải như hoa sen không bị bùn làm ô uế.

Đoạn văn kinh này, Phật nói rất rõ trong khi hành xử giao tiếp với phái nữ. Rõ ràng, Phật đâu có cấm tuyệt đối là không cho chúng ta nói chuyện với nữ giới. Nhưng điều quan trọng chúng ta cần lưu ý ở đây là, phải nên chánh tâm suy nghĩ: "*Ta là bậc Sa môn ở trong đời ác, phải như hoa sen không bị bùn làm ô uế*". Lời dạy này, không những chỉ dành riêng trong khi giao tiếp với phái nữ, mà còn cảnh tỉnh chúng ta trong khi thi hành những công việc Phật sự khác. Là người xuất gia, ta phải ý thức vai trò bổn phận trách nhiệm của mình thật lớn lao chớ không phải là tầm thường. Bởi vì trọng trách của người xuất gia là phải thượng hoằng hạ hóa. Phải nỗ lực tu học chánh pháp và làm tròn sứ mệnh của một người "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". Đừng quên người xuất gia là trưởng nam, trưởng nữ của lịch sử truyền thừa, là chúng trung tôn của đấng Điều Ngự, và cũng là đầu tàu của lịch sử. Ngần ấy, cũng đủ thấy vai trò trách nhiệm của người xuất gia tự hành hóa tha như thế nào rồi. Đâu có phải cạo đầu xuất gia vào chùa tu học lếu láo qua ngày đoạn tháng cho đó là đủ rồi. Hãy đọc lại những lời dạy của Tổ Qui Sơn trong Quy Sơn Cảnh Sách, để chúng ta thấy được cái vai trò trọng trách lớn lao của người xuất gia. Người xuất gia đi vào lòng cuộc đời để hóa độ chúng sanh, nhưng cần phải

Chương 6

NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA
(tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Ác nhơn văn thiện, cố lai nhiễu loan giả, nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách; bỉ lai ác giả nhi tự ác chi.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy rằng: Người ác nghe ai làm điều lành quyết đến quậy phá, vậy các ông nên tự ngăn dứt chớ không nên giận trách họ. Kẻ mang điều ác đến hại mình, thì họ sẽ chuốc lấy điều ác đó.

Giảng Giải:

Từ ngữ **cấm tức** có nghĩa là ngăn dứt. Bên ngoài ngăn ngừa những điều thô bạo phát ra từ thân và miệng, bên trong ngăn những vọng niệm bất thiện không cho nó có cơ hội phát sanh. Như thế là ta đã làm chủ được ba nghiệp: Thân, Ngữ, Ý.

Sân trách: Sân là một loại căn bản phiền não trong 6 món căn bản phiền não. Nghiệp dụng của nó thật khó trừ khó đoạn, vì nó là thứ câu sanh chủng tử (có mặt ta là đã có mặt nó, ta và nó có cùng một lúc). Chính do lòng sân hận mà nó thúc đẩy thân và miệng tạo ra những nghiệp bất thiện để rồi phải thọ lấy những quả báo khổ đau. Từ lòng sân mà ta không kềm chế được nên phát ra ngôn từ

nặng nhẹ trách móc đối phương đủ thứ gây ra khổ đau cho nhau.

Nếu có người ác tâm họ đến khuấy rối dùng lời lẽ nặng nề chửi mắng ta, thì Phật dạy, ta phải nên nhẫn nhục, không nên giận tức họ. Người xưa có nói: "Nhẫn nhứt thời chi khí, miễn bá nhựt chi ưu". Nghĩa là chỉ cần nhẫn nhịn trong một hơi thở thôi, thì khỏi phải lo sợ cả trăm ngày. Nhẫn là một sức mạnh, chớ không phải là hèn nhác. Tôi xin đọc bài thơ cho quý vị nghe: Bài thơ này do tôi sáng tác (từ đây trở đi những bài thơ nào mà không có nêu tên tác giả, thì những bài thơ đó chính là của soạn giả).

Nhẫn là sức mạnh tự xưa nay
Rạng rỡ thanh danh kẻ nhẫn tài
Hàn Tín hạ mình nơi giữa chợ
Văn Vương ăn thịt chốn lao tai
Cối Kê Vương Việt nằm gai mật
Hàn Quốc Tử Phòng báo hận dai
Thế sự cổ kim thành đại sự
Chí bền nhẫn nại rõ anh tài

Theo luật nhân quả, kẻ nào gieo gió, thì kẻ ấy sẽ gặt bão. Gây nhân ác thì sẽ thọ lấy quả báo ác. Gây nhân lành thì sẽ hưởng quả lành. Luật nhân quả là như thế. Tránh nhân thì không có quả. Thói thường, người tốt hay bị kẻ xấu ganh tỵ. Người đẹp, thường bị kẻ xấu dèm pha chê bai. Ít ai có được cái tâm tùy hỷ, thấy người ta làm điều tốt, điều lành mà mình vui theo. Người xưa có dạy:

Thấy người làm việc tốt lành
Mình như thua kém tiến nhanh bằng người
Thấy ai làm ác hại đời
Như sờ nước nóng phải dời lánh xa
Thấy người hiền hậu ôn hòa

người nữ. Phật dạy: "Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, cũng chớ cùng họ nói chuyện". Đây là vấn đề tâm lý của cả hai phái nam và nữ. Không riêng gì phái nam, mà phái nữ cũng thế. Ở đây, Phật chỉ riêng dạy người xuất gia, nhất là phái nam. Vì Phật quá hiểu về tâm lý của nam giới. Dù đã xuất gia, nhưng tập khí ái dục lâu đời không phải dễ đoạn trừ. Muốn đoạn trừ ái dục, đòi hỏi người xuất gia phải gia công tinh tấn huân tu mãnh liệt, nhất là phải hằng tư duy thiền định sâu sắc, thì lâu ngày mới có thể đoạn trừ. Vấn đề ái dục nó có gốc rễ rất sâu, không phải chỉ có trong đời này mà nó đã ăn sâu trong nhiều đời nhiều kiếp. Vì thế, khi tiếp xúc với phái nữ, chúng ta cũng cần phải có ý thức và gìn giữ chánh niệm. Khi đã có chánh niệm, cố nhiên, là ta đã có mực thước ranh giới hẳn hoi. Người xưa có nói: "Nam nữ thọ thọ bất tương thân". Nghĩa là nam nữ không được gần nhau. Trong lời dạy này, ta thấy có hai chữ thọ. **Thọ** theo chữ Hán, thì hai chữ thọ này khác nhau. Tuy đồng âm mà khác chữ và nghĩa. Chữ **thọ** trước có nghĩa là nhận, không có bộ thủ một bên. Chữ **thọ** sau có nghĩa là trao nhau, vì có bộ thủ (tay) một bên. Ngày trai gái yêu thương nhau họ thường trao một vật gì đó để làm món quà kỷ niệm cho mối tình đầu. Đối với thời đại mới 4.0 này, thì câu nói này như đã lỗi thời. Tuy nhiên, đối với người xuất gia tu hạnh xuất thế, thì lời dạy này vẫn còn hữu dụng.

Nhất là trong khi giao tiếp nói chuyện ta phải gìn giữ tác phong đạo hạnh của một ông thầy. Tuyệt đối là không được đùa cợt có tánh cách trêu chọc hài hước. Phải giữ thái độ nghiêm trang chừng mực, nhưng không quá nghiêm khắc, tạo thành sự ngăn cách quá cũng không hay. Phật chỉ dạy chúng ta không nên nhìn ngó họ bằng cái tâm luyến ái, chớ không phải tuyệt đối là không tiếp

Chương 29

TINH TẤN ĐỘ (tiếp theo)

Kinh văn:

Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc, diệc mạc cộng ngôn ngữ. Nhược dữ ngứ giả, chánh tâm tư niệm: Ngã vi Sa môn xử ư trược thế, đương như liên hoa bất vi nê ô. Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tỷ, tiểu giả như muội, trỉ giả như tử; sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.

Dịch Nghĩa:

TINH TẤN BA LA MẬT (tiếp theo)

Phật dạy: Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, cũng chớ cùng họ nói chuyện. Nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên chánh tâm suy nghĩ: Ta là bậc Sa môn ở trong đời ác, phải như hoa sen không bị bùn làm ô uế, tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con, mà sanh lòng độ thoát, thì diệt được niệm xấu.

Giảng Giải:
Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc, diệc mạc cộng ngôn ngữ.
Phật dạy: Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, cũng chớ cùng họ nói chuyện.

Chương này, đức Phật xoáy mạnh về vấn đề tiếp xúc với

Ta nên cố gắng để ta bằng người
Làm lành chẳng sợ ai cười
Kẻ gây nhân ác chiêu dời khổ đau

Người đời, ít có ai chịu làm việc thiện, bản thân họ không thích làm, nhưng thấy kẻ khác làm, thì họ lại khinh miệt, ganh ghét, tìm đủ mọi cách để nói xấu hoặc giả là hãm hại. Họ dùng mọi kế sách thủ đoạn, lập bè lập nhóm để hè nhau chửi bới thậm tệ, thậm chí họ còn bịa đặt dựng đứng những câu chuyện hoàn toàn vô căn cứ để hạ nhục người khác. Chuyện có nói không, chuyện không nói có, đó là sở trường của những kẻ mang tâm địa ác nhân. Chính vì, Phật hiểu rất rõ cái tâm lý này, nên đức Phật khuyên những ai đã và đang hành thiện, khi bị kẻ ác tâm hãm hại, thì phải nên cố gắng nhẫn nại, chịu đựng đừng vì đó mà nổi sân si trách mắng họ. Biết đâu họ đã gài bẫy chọc tức mình, để cho mình nóng giận bực tức không chịu đựng nổi, nên lại phải ăn thua chửi bới với nhau những lời thô tục, cuối cùng, cái thiệt hại lại về mình. Thế là họ có cớ để thưa kiện mình. Buồn cười hơn nữa, là kẻ tố cáo tội phạm, cuối cùng thì bị người ta thưa kiện lãnh án ngồi tù. Đó là nói theo luật pháp thế gian. Từ đó mà gây ra thảm họa cho chính bản thân và gia đình mình. Đó là một hậu quả rất tai hại. Cho nên, ta phải hết sức bình tĩnh, vận dụng trí huệ để hóa giải mọi ngôn từ hay hành động giả trá, do lòng si mê chấp ngã của họ gây ra. Chỉ có trí huệ mới thực sự đem lại lợi lạc hữu ích cho chúng ta. Kẻ nào gây ác nhân hãm hại ta, thì sẽ có luật pháp trừng trị, trách phạt họ và luật nhân quả cũng không thể dung tha họ. Ta là người sáng suốt thì nên thương những kẻ quá si mê dại dột. Họ chỉ vì một chút hư danh lợi lộc nào đó mà họ đành phải bán rẻ cái lương tâm, lương tri của mình. Thật ra, có người nói, họ có lương tâm đâu mà bán rẻ, họ chỉ biết có lương bổng mà thôi!

Ngày xưa, có một cô gái xinh đẹp, con của một ông nông dân. Khi ông này nhìn thấy đức Phật tướng hảo quang minh, một chàng trai thanh niên khôi ngô tuấn tú đẹp trai, nên ông hất ha hất hãi chạy riết một mạch về nhà và dẫn đứa con gái xinh đẹp của mình đến gặp Phật, với thâm ý là ông muốn gả con gái của ông cho đức Phật. Vì lúc đó ông ta không biết vị khất sĩ đó chính là đức Phật. Khi dẫn con gái xinh đẹp của mình đến, ông nghĩ thế nào Phật cũng thích. Không ngờ, khi ấy Phật lại quở trách bằng một câu nói: " Cái túi da đựng đồ nhơ uế". Nghe thế, từ đó cô ta ôm ấp mãi mặc cảm hận thù và quyết trả mối hận này cho kỳ được. Vì có nhan sắc tuyệt đẹp cho nên cô ta được nhà vua chú ý và đưa về hoàng cung làm cung phi. Từ đó, cô ta được nhà vua hết lòng sủng ái yêu thương rất mực, và không bao lâu cô ta được nhà vua cất nhắc lên làm chánh cung hoàng hậu.

Một hôm, tình cờ Phật và ngài A Nan đến xứ đó để hóa độ, được tin Phật đến, bà liền thuê một nhóm côn đồ chuyên đi đánh phá và chửi mướn. Thế là, đức Phật và ngài A Nan bị nhóm côn đồ này hạ nhục giữa đám đông quần chúng. Thậm chí, ngài A nan lúc đó mới chứng sơ quả, nên ngài chịu không nổi, thỉnh cầu đức Phật nên đi nơi khác. Phật nói, đi đâu đây A nan, nơi đây người ta đang bị bệnh nặng, mà mình được mệnh danh là thầy thuốc giỏi, thì phải trị liệu cho họ hết bệnh cái đã, rồi sau đó, muốn đi nơi đâu cũng được. Bọn côn đồ này, không ngờ chúng nghe Phật nói và với một thái độ rất bình tĩnh ôn hòa, nhã nhặn từ tốn như không có chuyện gì xảy ra, thế là chúng không còn chửi bới nữa. Không những thế mà chúng còn bái phục xin làm đệ tử của Phật. Bà hoàng hậu tức giận sôi gan, nhưng không làm gì được Phật.

theo dòng suy tư của mình. Bởi vì chính tâm mình lại lường gạt và tạo nên mâu thuẫn với chính mình. Cho nên, tốt nhứt là chúng ta cần phải hết sức cẩn thận đề cao cảnh giác từng ý niệm của chúng ta. Bởi tâm của chúng ta luôn luôn vô thường biến đổi. Nếu không tin ở nơi ý mình, thì phải tin vào đâu? Tức phải tin nơi giáo pháp của các bậc thánh hiền đã nói. Người học Phật cần phải y theo lý "Trung Đạo" mà đi. Nếu chúng ta tin nơi ý mình là thối đọa chớ không phải tinh tấn, cũng chính là lạc vào tri kiến của ngoại đạo, ấy là đã tắp vào bờ tri kiến ngoại đạo rồi. Nếu gần cùng sắc đẹp, thì lại tắp vào bờ tình ái phàm phu, đều làm chướng ngại đạo giải thoát. Thế nên nhà Nho có câu nói: "Phải thành thật ý mình", tức bảo rằng: Phải xa lìa tất cả vọng chấp. Chúng ta y theo đây mà tu hành thì sẽ chứng được quả vị A la hán. Khi đã chứng quả A la hán rồi, thì chừng đó ta mới có thể tin được ý của mình.

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu chương 29, xem Phật dạy chúng ta như thế nào.

Chương 28

TINH TẤN ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín; thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh; đắc A la hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy: Phải dè dặt chớ tin ý ông, ý ông không thể tin được; cũng phải dè dặt chớ gần với sắc đẹp, gần sắc đẹp thì họa sanh: chừng nào chứng được A la hán rồi, mới có thể tin được ý ông.

Giảng Giải:

Tư tưởng của con người luôn luôn thay đổi không dừng. Sự suy nghĩ liên tục như dòng nước thác. Một cái máy nó còn có nút bấm để stop, còn cái suy nghĩ của con người thì không có nút nào để bấm dừng lại cả. Tiếng Anh gọi là "Non stop thinking". Khác nào như một cái máy phát thanh cứ phát ra rã suốt cả ngày đêm. Dòng tâm thức của chúng ta cứ suy nghĩ liên miên như thế, thì thử hỏi làm sao tin được tâm mình? Phút trước, phút sau suy nghĩ khác nhau. Có khi hai dòng tư tưởng lại chống trái mâu thuẫn với nhau. Vì thế mà Phật bảo không nên tin vào tâm tưởng của chính mình. Phật bảo chúng ta phải dè dặt chớ vội tin vào ý mình. Nghĩa là, chúng ta cần phải quán chiếu thật kỹ

Qua câu chuyện ngắn đó, ta thấy những người chỉ vì một chút lợi lộc, hay một chút ganh tỵ ghen ăn tức ở nào đó, mà không kềm chế được bản thân, khởi tham sân si mà tự hại bản thân mình. Thật là đáng thương xót biết bao! Hẳn chúng ta còn nhớ bài thơ nói về chữ XẢ.

Nếu ai bực tức giận buồn ta
Ta hãy bình tâm giữ ôn hòa
Không nên tranh cãi gây thù hận
Chớ trách lỗi người, xét lại ta

Học hạnh từ bi tánh vị tha
Mở rộng lòng thương khéo thuận hòa
Dẹp lòng ích kỷ tâm sân hận
Gắng chí tu hành, khổ thoát ra

Giận trách chi người khổ lụy sâu
Nhiều đêm không ngủ, tóc bạc đầu
Sao bằng hoan hỷ tâm "buông xả"
Thoát khỏi giam mình giữa vực sâu.

Đồng thời cũng có một bài thơ nhắc nhở chúng ta rằng:

Phật dạy rằng, kẻ mang lòng ác
Hãm hại người lòng dạ thẳng ngay
Nghe ai hành thiện hằng ngày
Tìm đủ mọi cách hại ngay tức thì
Người biết tu nhẫn suy ngăn dứt
Chớ sanh lòng tức bực mà chi!
Hơn nhau một tiếng ích gì
Chỉ thêm chuốc lấy thị phi vào mình
Thà nhẫn nhịn làm thinh chịu dại
Kẻ hơn ta chuốc mãi khổ sầu
Nhân nào quả nấy trả mau
Đã gieo nhân ác đáo đầu lụy thân.

Chương 7

NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA
(tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Hữu nhơn văn ngô thủ đạo, hành "đại nhân từ", cố trí mạ Phật, Phật mặc bất đối. Mạ chỉ, vấn viết: Tử dĩ lễ tùng nhơn, kỳ nhơn bất nạp, lễ quy tử hồ? Đối viết: Quy hỷ! Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỷ! Do hưởng ứng thinh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thận vật vi ác.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy rằng: Có người nghe ta giữ đạo, thật hành lòng đại nhân từ, nên đến mắng ta, ta làm thinh không đáp. Người kia thôi mắng, ta hỏi rằng: Ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng? Đáp rằng: Về chứ!

Phật nói rằng: Nay ông mắng ta, giờ ta không nhận thì ông tự chuốc lấy họa về thân ông rồi. cũng như vang theo tiếng, bóng theo hình, hẳn không hề rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Hữu nhơn văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật, Phật mặc bất đối.

Người học đạo, nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ngoại làm nhiễu loạn, tinh tấn tu pháp Vô vi, ta cam đoan rằng, người đó tất sẽ được đạo.

Đoạn kinh văn này, Phật dạy rất rõ: con đường tu tập không bị sai lạc rơi vào hố sâu của tà ngoại, và cũng không bị tình dục làm mê hoặc chỉ một bề tinh tấn y cứ vào chơn tâm mà tu hành, phá trừ hết vô minh phiền não, thì bảo đảm người đó sẽ đạt được đạo quả. Khác nào như người nấu cơm, muốn có cơm ngon ăn thì phải lấy gạo mà nấu. Gạo là chánh nhân để nấu thành cơm. Tuy nhiên, trong quá trình nấu, chúng ta cũng phải chú tâm khéo léo, nhất là lượng nước đổ vào phải thích hợp với các loại gạo. Ít nước thì khô, nhiều nước thì nhão... Ở mức độ trung bình thì có cơm ngon. Ngày xưa, ở nhà quê đa số người ta nấu cơm bằng củi hoặc lò trấu. Ngày nay, tiến bộ hơn người ta nấu bằng nồi điện, nên mọi thứ được tiện lợi dễ dàng hơn. Vì nồi điện khỏi phải canh chừng lửa củi, nhưng phải để ý đến mở công tắc điện. Nói thế để chúng ta thấy rằng trong quá trình tu tập của chúng ta cũng thế. Nhân tu là phải y cứ vào Chánh nhân Phật tánh, như phải lấy gạo nấu mới thành cơm. Duyên nhân là quá trình tu tập phải thật hành đúng theo chân lý, thì mới thành tựu quả vị Phật. Quá trình nấu cơm cũng phải đúng theo nguyên tắc của nó như đã nói, thì mới thành cơm. Thành cơm ngon là dụ cho cái kết quả là Liễu nhân Phật tánh. Liễu nhân Phật tánh là cái kết quả sau cùng của quá trình tu tập đúng theo chân lý tuyệt đối mới được thành tựu Phật quả.

Nói tóm lại, qua bài kinh trên, Phật nêu ra những ví dụ để nói rõ người tu hành phải trang bị cho mình một sức tinh tấn mãnh liệt và phải y theo con đường "Trung Đạo" mà đi, thì hành giả sẽ đạt được đạo quả Bồ đề.

Người tu mặc giáp tinh tấn mới có thể xông pha vào trận địa để giết giặc phiền não. Đó là thể hiện một tinh thần đại vô úy bất chấp khó khăn gian lao thử thách, quyết tâm diệt trừ hết lũ giặc vô minh phiền não mới thôi.

Trong đoạn văn trên, Phật nói người hành đạo (vi đạo giả) là chỉ cho kẻ đã phát tâm Bồ đề muốn vào biển Đại Viên Giác. "Gỗ" là dụ cho hợp thể ngũ uẩn. "Nước" là dụ cho ở trong dòng nước pháp Lục độ, giữ thân ngũ ấm này theo đạo mà đi nên nói theo dòng mà đi (tầm lưu nhi hành). "Hai bên bờ" là dụ cho hai điều trọng chướng: 1. Phàm phu ái vật. 2. Ngoại đạo tà kiến. Phàm phu vì vướng mắc nơi vật nên không thể thoát ly trần tục, nhưng trong đó cũng có người muốn thoát trần hành đạo mà ngặt vì Phật pháp khó được nghe, mới chuyển sanh ra ngoại đạo tà kiến.

Chúng sanh nếu chẳng tắp bờ bên này, thì cũng tắp vào bờ bên kia, ấy là "Đoạn kiến" và "Thường kiến". Phàm phu thì chấp "Đoạn", ngoại đạo thì chấp "Thường". Ngoài ra, còn có hai lối chấp "Có" và "Không". Phàm phu vì mê nơi tình ái nên chấp có. Ngoại đạo thì nghiêng nặng về hư vô nên chấp không. Bởi vậy, phải y theo lý "Trung đạo" của Phật pháp mà đi thì không bị tắp vào hai bên bờ vậy. "Chẳng bị người vớt", là dụ cho người tu hành chẳng bị lạc vào "Nhơn đạo và Thiên đạo". "Chẳng bị quỷ thần ngăn trở", ý nói không bị lạc vào thế giới của quỷ thần. "Chẳng bị nước xoáy làm đứng lại", tức chẳng bị đọa lạc luân hồi. "Chẳng bị mục nát" là dụ cho tinh tấn không lui sụt. "Biển" là dụ cho Biển Đại Viên Giác Vô thượng Bồ đề.

Học đạo chi nhơn bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi, ngô bảo thử nhơn tất đắc đạo hỷ.

Phật dạy rằng: Có người nghe ta giữ đạo, thật hành lòng đại nhân từ, nên đến mắng ta, ta làm thinh không đáp.

Đại nhân từ là lòng từ bi rộng lớn bao la không ngằn mé của Phật. Lòng từ bi này thể hiện ra từ một tâm thể thanh tịnh sáng suốt, vì thế nên lòng từ bi của Phật còn được gọi là "Vô duyên từ bi", nghĩa là lòng thương không cần có điều kiện.

Thủ đạo: chữ đạo ở đây, nên hiểu là thứ đạo lý căn bản làm người, hay hơn nữa là người đang thật hành mười điều lành. Vì chữ Thủ đạo này là tiếp theo chương trước mà nói.

Chương này tiếp theo ý chương trước là đức Phật khuyên con người không nên làm ác.Vì hễ có ác nhân, cố nhiên là có ác quả. Do đó, nên chúng ta cố gắng tu tạo nghiệp lành, tài bồi phước đức và không nên thấy người khác làm lành mà mình sanh tâm ganh tỵ ghen ghét tìm cách hãm hại. Đó không phải là đạo lý nhân bản của con người. Điều ta nên lưu ý, đặc biệt trong chương này, ngoài việc Phật khuyên con người không nên ôm ấp tâm niệm ác độc để hại người, đức Phật còn cho chúng ta một bài học nhẫn nhục thật sống động mà nó được biểu hiện qua hình ảnh bản thân của đức Phật.

Trên bước đường tu tập, hẳn nhiên chúng ta sẽ gặp nhiều chướng duyên từ nội tâm cho đến ngoại cảnh. Mà ngoại cảnh dù cảnh thuận hay cảnh nghịch gì cũng làm cho tâm ta dễ bị dao động bất an, nhứt là cảnh nghịch thật khó nhẫn nại. Trong trường hợp này, chúng ta thấy có người (dĩ nhiên là ngoại đạo) thấy đức Phật đang thật hành lòng đại nhân từ ban rãi nước cam lồ từ bi khắp cho mọi người,

thế là họ sanh tâm đố kỵ ganh ghét tìm cách hại Phật, bằng cách thô bạo mắng nhiếc chửi bới thậm tệ đức Phật. Thế nhưng, đức Phật vẫn giữ thái độ rất khoan dung từ tốn hiền hòa, không biểu lộ một chút khó chịu, dù là một thái độ khó chịu rất nhỏ nhặt cũng không có. Ngài chỉ làm thinh không đáp trả lại. Không đáp lại, không có nghĩa là đức Phật khinh thường họ. Chẳng những không khinh thường mà đức Phật lại càng thương họ nhiều hơn. Bởi vì, lòng họ còn chất chứa quá nhiều si mê sân hận, cho nên cần phải quan tâm tìm cách độ họ để cho họ chóng được thoát khổ. Qua đây, cho ta một bài học ***"chịu khó tu cái khó chịu".*** Tuy là một câu nói đơn giản, nhưng cũng không phải dễ thật hành. Tuy nhiên đối với người tu, nhất là người xuất gia chúng ta lại càng phải tu hạnh nhẫn nhục nhiều hơn. Ta nên nhớ, nhẫn nhục không có nghĩa là nhu nhược hèn nhác mà nó là một sức mạnh vô song. Sức mạnh không phải ở nơi cơ bắp của thân thể, mà sức mạnh được biểu lộ bằng sức mạnh của tinh thần. Đương nhiên sự nhẫn nhục nào cũng phải có trí huệ chỉ đạo đi kèm, bằng không thì đó chỉ là nhu nhược chớ không phải là nhẫn nhục.

Mạ chỉ, vấn viết: Tử dĩ lễ tùng nhơn, kỳ nhơn bất nạp, lễ quy tử hồ? Đối viết: Quy hỷ!
Người kia thôi mắng, ta hỏi rằng: Ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng? Đáp rằng: Về chứ!

Từ tấm lòng rộng lượng bao dung tha thứ đó, đức Phật ôn tồn nêu ra một thí dụ hết sức cụ thể mà đối phương không thể nào nói được. Dù có ngu dốt đến đâu, không ai lại không hiểu cái thí dụ cụ thể mà đức Phật đã nêu ra. Mình có một món quà, đem tặng cho người, nhưng người ấy

Phật dạy: Xét ra, người hành đạo cũng như khúc gỗ trôi sông, cứ theo dòng nước mà trôi, chẳng tắp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy là đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam đoan rằng, khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển.

Chương này, Phật xoáy mạnh vào sức tinh tấn của người tu hành. Tinh tấn là một pháp tu tuyệt vời trong sáu pháp Ba la mật, tức Lục độ. Thứ tự của Lục độ, nhiều thuyết nêu ra vị trí không đồng nhau. Thông thường chúng ta đã học, thì Lục độ theo một thứ tự như sau: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Thế nhưng, trong pháp Đại thừa thì có hai nghĩa: một là, Bát nhã ở sau, hai là, tinh tấn ở sau. Theo trong Kinh Hoa Nghiêm thì, đem ngài Văn Thù Bồ tát tiêu biểu cho Đại thừa Bát nhã trí. Ngài Phổ Hiền Bồ tát tiêu biểu cho Đại thừa tinh tấn hạnh. Đức Phật Tỳ lô giá na (Phật pháp thân) tiêu biểu cho Đại thừa viên mãn quả. Do đây mà toàn bộ Đại thừa: "Cảnh, Hạnh, Quả" biểu hiện được viên mãn. Tuy nhiên, Đại thừa viên mãn quả đều do trí hạnh mà được thành tựu. Vì thế nên trong Kinh Hoa Nghiêm đức Phật Tỳ lô giá na không hề thuyết pháp... mà chỉ có ngài Văn Thù và Phổ Hiền nói pháp và hiện thần thông.

Trong Lục độ, để Trí huệ sau cùng là tiêu biểu cho Đại trí văn thù, còn tinh tấn để sau là tiêu biểu cho Đại hạnh phổ hiền, nên trong kinh này dùng Bát nhã kế tinh tấn để rốt sau tức là theo ý nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm. Nghĩa là, năm độ trước đều phải nhờ tinh tấn mới được thành tựu. Vì thế mà ta thấy **"TINH TẤN"** đóng một vai trò rất quan trọng trong sự tu hành. Tu hành mà thiếu năng lực tinh tấn thì chẳng đi đến đâu cả. Cho nên người tu là phải luôn luôn mặc "áo giáp" tinh tấn. Khác nào một chiến sĩ ra trận phải mặc vào chiếc áo giáp để che đạn của đối phương.

Chương 27

TINH TẤN ĐỘ
Bị giáp Tinh Tấn
Bị giáp Tinh Tấn hạnh

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả du một tại thủy, tầm lưu nhi hành bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhơn thủ, bất vi quỷ thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trụ, diệt bất hủ bại, ngô bảo thử mộc quyết định nhập hải. Học đạo chi nhơn bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi, ngô bảo thử nhơn tất đắc đạo hỷ.

Dịch Nghĩa:

TINH TẤN BA LA MẬT
Mặc áo giáp tinh tấn
Hạnh mặc áo giáp tinh tấn

Phật dạy: Xét ra, người hành đạo cũng như khúc gỗ trôi sông, cứ theo dòng nước mà trôi, chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt lấy, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy làm đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam đoan rằng, khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển. Người học đạo, nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ngoại làm nhiễu loạn, tinh tấn tu pháp Vô vi, ta cam đoan rằng, người đó tất sẽ được đạo.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Phù vi đạo giả du một tại thủy, tầm lưu nhi hành bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhơn thủ, bất vi quỷ thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ngô bảo thử mộc quyết định nhập hải.

không nhận, thì món quà đó có phải là trở về mình không? Cho người ta không lấy, cố nhiên là về mình rồi. Cũng thế, người ta có ác ý chửi bới mắng nhiếc thóa mạ mình, mà mình vẫn làm thinh không cần phải đáp trả tranh chấp hơn thua với họ. Làm thinh tuy rất khó, nó đòi hỏi mình phải có sức huân tu đạo lực khá, mới có thể làm thinh khi đối phương tấn công mình. Trong trường hợp đó làm thinh không phải là một hạ sách, mà nó đòi hỏi mình phải có một sức nhẫn lực rất lớn. Đó là một sức mạnh vô song thượng sách không gì có thể so sánh được. Họ mắng nhiếc chủi bới mình, mà mình không trả treo gì với họ, họ cũng cảm thấy trơ trẻn lố bịch rồi thì một chập họ cũng im hơi lặng tiếng mà thôi. Chữ "**mạ chỉ"** là diễn tả sự im lặng mạnh mẽ hùng tráng đó. Đọc qua đoạn văn kinh này, chắc chúng ta còn nhớ trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác Thi Ca thứ 14 nói rằng:

"Quán ác ngôn thị công đức
Thử tắc thành ngô thiện tri thức
Bất nhân sáng báng khởi oán thân
Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực".

Tạm dịch:

Lời nói ác xét ra là công đức
Chính đó là thiện tri thức của ta
Không vì lời chê bai mà khởi oán thân
Để chứng tỏ sức nhẫn vô sanh là lòng từ thực sự.

Tại sao lời nói ác mà cho là công đức? Công đức là ở nơi sức nhẫn nhịn của ta. Kẻ mắng nhiếc chửi ta là họ đem công đức lại cho ta, vì lúc đó lòng ta bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Được như vậy là nhờ sự quán chiếu

thấy rõ lời nói chỉ là duyên hợp như gió thoảng mây bay. Đó là ta khéo biết vận dụng trí huệ bát nhã để quán chiếu. Và ta lại nghĩ sâu xa hơn, người chửi ta lại là thiện tri thức của ta. Ta nhớ lại, phẩm Đề bà đạt đa trong Kinh Pháp Hoa, mặc dù ông tìm đủ mọi cách để hãm hại Phật, nhưng cuối cùng, Phật vẫn tuyên bố Đề bà đạt đa là thiện hữu tri thức của Phật. Đó là tấm gương sáng chói để cho chúng ta soi vào. Không vì lời chê bai mắng nhiếc đó mà ta lại khởi cái tâm oán thù. Ta thử hỏi thù oán họ có lợi ích gì, hay chỉ là oán oán chất chồng, tạo thành oan gia đời đời tương báo. Ta lại trực nhớ đến trong Kinh Pháp Cú đức Phật có dạy: "*Hận thù không bao giờ diệt được hận thù, chỉ có tình thương mới diệt được hận thù, đó là định luật của ngàn xưa".* Đó là lời dạy thật vô cùng chí lý. Quả đúng là như vậy. Muốn chấm dứt oán thù thì chỉ có một con đường duy nhất là phải lấy lòng từ bi mà thương họ và phải dùng sức "nhẫn vô sanh" mà biểu hiện. Đó là thể hiện một cách tuyệt vời, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, thì hận thù ắt phải tiêu tan.

Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỷ!
Phật nói rằng: Nay ông mắng ta, giờ ta không nhận thì ông tự chác lấy họa về thân ông rồi.

Lời dạy này của Phật chứa đựng đầy lòng từ bi và đồng thời cảnh báo nhắc nhở cho đối phương biết về luật nhân quả. Ta nên nhớ luật nhân quả rất công bằng không thiên vị một ai. Ta gây nhân nào thì sẽ gặt hái quả nấy. Cũng trong Chứng Đạo Ca, ta còn nhớ Thi Ca thứ 13, Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

"Tòng tha báng, nhậm tha phi

đẹp đến đâu, nhìn lại thân thể của họ cũng chỉ là cái túi da đựng các thứ vật ô uế. Phật bảo, đừng có đem những thứ ô uế đó đến cho ta, ta chẳng dùng đâu. Đức Phật, vì Ngài đã hoàn toàn giác ngộ thanh tịnh rồi, thì Ngài quở như thế là phải, còn như chúng ta tu hành chưa có được giác ngộ thanh tịnh bao nhiêu, làm sao dám quở chúng như thế? Chẳng những không quở trách mà còn thích chí nữa không chừng. Vì chúng ta còn là phàm phu làm sao sánh bì với bậc Thánh? Điều này, theo tôi, là nhằm ý khuyến tấn chúng ta cố gắng nỗ lực trong sự tu tập. Nếu gặp bất cứ một chướng ngại thử thách nào thì chúng ta cũng phải cương quyết khắc phục vượt qua. Bởi trên bước đường tu, cố nhiên chúng ta không sao tránh khỏi những ma chướng khuấy phá, làm lung lạc tâm ý chúng ta. Cho nên, khi gặp nghịch duyên, nghịch cảnh, thì chúng ta cũng phải kiên nhẫn chịu đựng và tìm mọi phương cách để chiến thắng. Phải vận dụng trí huệ bát nhã để chiến thắng ma quân. Ta nên nhớ câu: "Lửa thử vàng, gian nan thử sức". Đó là bài học mà Phật đã cho chúng ta thấy được điều đó.

Thiên thần du kỉnh, nhân vấn đạo ý; Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu đà hoàn quả.
Thiên thần thấy vậy càng thêm kính nể và nhơn đó mới hỏi về ý đạo; Phật vì ông giảng nói, liền chứng được đạo quả Tu đà hoàn.

Đây lại là một bài học cho ta thấy CHÁNH thắng TÀ. Dù Tà có sức mạnh quyền rũ cám dỗ đến đâu, cũng không thể thắng được Chánh lý. Từ xưa tới nay, cái quy luật chánh thắng tà, chớ chưa bao giờ là tà thắng chánh. Tuy lúc đầu, tà đạo bao giờ cũng phô trương sức mạnh, nhưng cuối cùng, thì cũng bị chánh đạo dạy cho chúng một bài học để đời. Đức Phật vì thiên thần mà giảng đạo lý cho ông nghe, cuối cùng, ông chứng được đạo quả Tu đà hoàn, tức quả Dự lưu được dự vào dòng thánh.

rất lớn. Riêng về sắc đẹp của nữ giới, nó có một hấp lực rất mạnh thu hút nam giới một cách mãnh liệt. Ở đây, nói ngọc nữ là chỉ cho người con gái có nhan sắc tuyệt trần mà ở thế gian ít có. Không phải người con gái nào cũng được xếp hạng vào loại tuyệt thế giai nhân. Theo truyền thuyết dân gian Trung Hoa, có bốn đại mỹ nhân tuyệt đẹp: Tây Thi, Chiêu quân, Điêu Thuyền và Quý Phi. Đây là những người đẹp nổi tiếng đến đổi chim phải sa cá phải lặn.

Thiên thần (chỉ cho vị thần ở cõi trời) dùng nhan sắc của mỹ nhân để phá hoại làm lung lạc ý niệm của Phật. Ta nên nhớ, người tu hành giới đức càng cao, thì ma quân càng phá dữ dội. Chúng phá hoại người tu bằng mọi cách thế. Phần lớn là chúng dùng sắc đẹp và vật chất để cám dỗ quyến rũ. Nói chung, là chúng dùng mọi thứ để khảo đảo làm lung lạc ý chí của người tu hành. Nếu công phu tu tập thiền định của hành giả còn kém khuyết, thì chúng có thể cám dỗ quyến rũ một cách dễ dàng. Còn nếu định lực của người tu khá vững chãi, thì việc chúng phá hoại có phần khó khăn hơn. Chúng chỉ quậy phá những người tu hành có đức độ cao, còn như những người có đức độ khuyết kém thì chúng phá hại làm gì. Bởi hạng người giới đức kém khuyết đó có gì khác với bọn chúng đâu mà chúng phá. Chúng cho những người tu hành giới đức không có, thì giống với bọn chúng, nên chúng cho đó là bạn bè như cá mè một lứa. Đôi khi, ngược lại mình phá chúng nó thì có. Bởi trong người mình cũng đầy dẫy những thứ ma chướng.

Phật ngôn: Cách nang xú uế, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng.

Phật bảo rằng: Cái đãy da chứa đựng những thứ ô uế, người đến đây làm gì? Đi! Ta chẳng dùng đâu.

Ta thấy, Phật quở chúng rất nặng. Phật nói dù cho người

Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì
Ngã văn kháp tợ ẩm cam lồ
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghì”

Dịch nghĩa:

Tốt và xấu nhà nhà đều có
Thị với phi, chốn chốn “hưởng” đồng nhau
Mặc tâng khen, mặc phỉ báng đừng nao
Họ tự bỏng, bằng ngọn lửa đốt trời trong tay họ
Lời phỉ báng, nghe như ru, như gió thoảng
Ngọt như cam lồ, mát tợ xuân phong.
Tìm đâu ra! bực bội với ưu sầu
Nó tan biến trong cảnh giới bất tư nghì giải thoát.
(Như Huyễn Thiền Sư)

Mặc cho người chê bai khinh khi ta, ta chẳng quan tâm đến lời phỉ báng đó. Bởi lời trách móc chê bai đó, chẳng khác gì như kẻ cầm đuốc đốt trời, có đốt được không? Hay họ tự chuốc lấy cháy bỏng tay của họ. Nghe người kia chê bai dèm pha hay thậm chí trù rủa mắng nhiếc mình thậm tệ, thì mình hãy xem đó như là uống những giọt nước cam lồ chỉ càng thêm thấm ngọt mà thôi. Điều quan trọng hơn nữa, là đem những lời chê bai mắng nhiếc đó hãy mau đưa nó vào chỗ tiêu dung không thể nghĩ bàn. Tiêu dung là nó tan chảy không còn gì phải bận tâm đến nữa.

Qua lời dạy này của người chứng đạo, mặc dù ta chưa có thể thật hành đúng theo những gì Ngài dạy, nhưng trên bước đường tu tập, ta hãy cố gắng làm theo được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu. Điều quan yếu là hằng ngày ta phải nỗ lực huân tu để tạo cho mình có một sức nhẫn nhục

mãnh liệt. Muốn thế, thì ta phải hằng trau dồi trí tuệ qua sự tư duy quán chiếu của ta. Ta vận dụng trí huệ Bát nhã quán chiếu sâu vào các pháp, để thấy cho được vạn pháp duyên sinh như huyễn. Nhờ đó ta mới có được một đạo lực uyên thâm hầu để ứng phó với mọi nghịch cảnh. Việc tu hành không phải chỉ có lý thuyết suông, mà quan trọng là ở chỗ khéo biết ứng dụng thật hành. Lời Phật dạy đây, tôi nghĩ, chúng ta nên lấy đó làm kim chỉ nam để ứng dụng đức nhẫn nhịn vào đời sống hiện thực. Người ta nói xấu hoặc mắng chửi sỉ nhục mình, mà mình vẫn bình tĩnh thản nhiên không nhận, thì tất nhiên là lời thô ác đó họ tự chuốc lấy đó thôi. Chẳng những mình không trách họ, mà mình còn tỏ ra thương xót họ. Vì người tỉnh táo sáng suốt lúc nào cũng thương kẻ mê muội tối tăm. Không ai trách móc người say mê u tối bao giờ. Đó là vì si mê nên họ mới có những lời lẽ thiếu suy nghĩ và vô ý thức như vậy. Họ gây nhân nào thì tự họ phải gặt lấy quả báo đó. Bởi luật nhân quả luôn bám sát theo hành động và lời nói của ta. Do đó mà tiếp theo Phật nêu ra thí dụ cụ thể:

Do hưởng ứng thinh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thận vật vi ác.
Cũng như vang theo tiếng, bóng theo hình, hẳn không hề rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác.

Phật nói, nhân quả như vang theo tiếng và như bóng theo hình. Ta nên nhớ nhân quả là một chân lý phổ biến, nó tiềm tàng phổ biến khắp cả vũ trụ, không dành riêng cho ai cả. Nhân quả là luật định, chi phối tất cả, không có một sự vật nào thoát khỏi nhân quả. Một hành động, một lời nói tốt hay xấu đều có nhân và quả cả.

Kết luận, Phật khuyên tất cả chúng ta hãy cẩn thận chớ có

Chương 26

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC (tiếp theo)

Kinh Văn:

Thiên thần hiến ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý. Phật ngôn: Cách nang xú uế, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng. Thiên thần du kỉnh, nhân vấn đạo ý; Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu đà hoàn quả.

Dịch Nghĩa:

QUÁN CHUNG VỀ NĂM THỨ DỤC LẠC (tiếp theo)

Thiên thần dâng Ngọc nữ cho Phật, toan phá ý niệm của Phật. Phật bảo rằng: Cái đãy da chứa đựng những thứ ô uế, người đến đây làm gì? Đi! Ta chẳng dùng đâu. Thiên thần thấy vậy càng thêm kính nể và nhơn đó mới hỏi về ý đạo; Phật vì ông giảng nói, liền chứng được đạo quả Tu đà hoàn.

Giảng Giải:

Thiên thần hiến Ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý.
Thiên thần dâng Ngọc nữ cho Phật, toan phá ý niệm của Phật.

Ngọc nữ là chỉ cho người con gái có nhan sắc tuyệt trần, trắng đẹp nõn nà, dáng vẻ mỹ miều tha thướt, khác nào như một hòn ngọc quý, ai thấy cũng sanh tâm yêu thích.

Việc hiến dâng Ngọc nữ cho Phật, với thâm ý là nhằm thức nhắc cảnh tỉnh người tu hành phải cẩn thận dè dặt bọn thiên ma. Vì thiên ma (tức sắc đẹp, tiền tài, danh vọng, của cải v.v...) có sức mạnh thu hút cám dỗ người ta

con người mới có sự truyền chủng cho nhau. Đó cũng là về mặt lợi ích cho con người sống trong thế giới nghiệp thức của loài người. Về mặt truyền chủng thì người ta cũng cần đến nó. Ở đây, Phật chỉ nói về mặt tai hại, nếu con người quá đam mê và sống một cách buông thả nặng về tình dục, thì con người sẽ chuốc lấy họa hại vào thân. Hơn nữa, đối với những ai muốn thoát ly sinh tử khổ đau, thì chỉ có một con đường duy nhất là phải xa lìa ái dục mà thôi. Ngoài ra, không còn có cách nào khác. Trong xã hội loài người, kẻ nào chỉ biết đam mê đắm chìm trong ái dục, thì Phật nói tai hại của kẻ đó không khác gì cầm đuốc đi ngược gió, đã thế thì không sao tránh khỏi cái nạn cháy tay! Xin đừng đùa giỡn với ái tình sẽ có ngày rước họa hại vào thân. Ông bà ta có câu nói: "Chơi dao có ngày đứt tay, hay đi đêm có ngày gặp ma". Có lắm người vì lòng ham muốn dâm ô quá nặng, nên phải mang họa hại vào thân. Thực trạng này thời nào cũng có. Nhất là, ở vào thời đại phong kiến, các ông vua chỉ biết một bề đắm mê sắc dục, không biết gì đến việc triều chính, kết quả, nước mất nhà tan và phải tán thân mất mạng. Điển hình như vua Lê Long Đỉnh ở nước ta vào thời đại nhà tiền Lê, ông có biệt danh là Lê Ngọa Triều, vì dâm dục quá độ đến đổi khi lâm triều, ông nằm dài để nghe quần thần tâu rỗi. Ngoài dâm dục vô độ ra, ông còn là một ông vua rất tàn bạo độc ác. Rất may, ông chỉ làm vua trong khoảng thời gian 4 năm (1005 – 1009), chớ nếu kéo dài thì không biết đất nước sẽ ra sao? Và chắc chắn dân chúng phải chịu cơ cực lầm than đau khổ! Dâm dục và bạo ác như thế, có phải là cầm đuốc đi ngược gió không? Làm sao tránh khỏi nạn cháy tay? Nhưng ở đời có lắm kẻ si mê họ chìm đắm trong ái dục mà không còn biết họa hại cháy tay là gì! Hạng người này thật là đáng thương xót biết bao!

làm ác. Sách Nho có câu: "Ác lai ác báo nhãn tiền". Hay câu: "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi diễn tẩu giả nan tàng, hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thùy, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì". Nghĩa là, làm lành, làm dữ cuối cùng cũng phải trả, không thể cao bay xa chạy mà trốn tránh thoát được, việc làm của mình thật hay dối, gian hay ngay, thì tự mình biết, việc họa hay phúc, mình cũng không cần phải hỏi ai, chẳng qua việc lành, dữ nó đến với mình có mau chậm đó thôi. Kinh Dịch cũng có nói: "Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương". Nghĩa là, nhà mà chứa điều lành, thì nhà đó sẽ có phúc dư, ngược lại nhà mà chứa điều bất thiện thì nhà đó sẽ có họa dư. Qua lời dạy này, ta nghiệm xét rất đúng. Ý nói nhà nào mà làm điều lành, thì nhà đó chắc chắn là hưởng phước. Ngược lại, nhà nào mà tạo những điều bất thiện thì nhà đó sẽ chuốc lấy họa hại. Nhà nói ở đây, có nghĩa là những thành viên trong gia đình. Nếu mọi người trong gia đình tạo những thiện nghiệp tốt, thì gia đình đó sẽ trở nên an ổn tốt đẹp. Đó là cộng nghiệp hay cộng biểu tốt. Ngược lại, thì cộng nghiệp xấu. Chỉ cần một người trong gia đình làm những điều phi pháp, như buôn bán nha phiến thì gia đình đó tất sẽ bị ảnh hưởng chung. Cá nhân là biệt nghiệp mà tác động ảnh hưởng chung là cộng nghiệp. Tục ngữ có câu: "Một người làm xấu cả bọn mang nhơ, một người làm tốt cả bọn được nhờ". Hay "một con sâu làm sầu nồi canh" là ý này vậy.

Chương 8

NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA (tiếp theo)

Kinh văn:

Phật ngôn: Ác nhơn hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên hoàn tùng kỷ đọa. Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỷ thân. Hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.

Dịch Nghĩa:

Phật dạy rằng: Kẻ ác hại người hiền chẳng khác nào như người ngước mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng đến trời mà trở lại rớt vào mình. Thí như ngược gió giê bụi, bụi chẳng đến người, trở lại dính vào thân. Người hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Ác nhơn hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên hoàn tùng kỷ đọa.
Phật dạy rằng: Kẻ ác hại người hiền chẳng khác nào như người ngước mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng đến trời mà trở lại rớt vào mình.

Ác nhơn là người ác. Thế nào là ác? Chữ ác trong nhà Phật nói là mình làm điều gì có tổn hại cho mình và người hiện tại và mai sau, đều gọi là ác. Ngược lại điều thiện cũng thế.

Hai chương mà chúng ta đã học vừa qua, đều là tiếp nối ý của chương trước, mục đích chính là đức Phật khuyên con

Chương 25

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Ái dục chi nhơn du như chấp cự nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn.

Dịch Nghĩa:

QUÁN CHUNG VỀ NĂM THỨ DỤC LẠC (tiếp theo)

Phật dạy: Người đam mê ái dục như kẻ cầm đuốc nghịch gió mà đi, tất không thể tránh khỏi cái nạn cháy tay.

Giảng Giải:

Có thể nói, con người sống trong bất cứ thời đại nào, văn minh hay lạc hậu, cổ đại hay tân thời, tất cả không ai thoát khỏi mảnh lưới ái tình. Ngoại trừ những bậc tu hành chơn chánh, vì các ngài đã đoạn dục khử ái, và luôn sống với bản tâm chơn thật của chính mình. Chỉ có thế, mới mong thoát khỏi lưới ái tình mà thôi. Bằng không được như vậy, thì ái dục luôn là mối nguy hại lớn nhứt cho con người. Bởi vì hễ có con người là có ái dục rồi. Nói chung các loài động vật không loài nào là không có ái dục. Kể cả loài thực vật vô tình còn có, nói chi đến loài động vật hữu tình. Vì ái và dục là con đẻ của mẹ vô minh. Chính vì thế, nên con người nếu không biết cách tu hành chuyển hóa nó, thì nó sẽ trở thành một họa hại lớn lao cho con người. Tuy nhiên, ở đây Phật nói về mặt tai hại của ái dục, chớ Phật không có bảo mọi người phải tuyệt dục. Vì có ái dục thì

danh là ông hoàng của tình yêu. Một trong những bài thơ tiêu biểu nói về tình yêu sôi nổi, nồng nàn, cuồng nhiệt nhứt như sau:

Như kẻ hành nhân quáng nắng thiêu
Ta cần uống ở suối thương yêu
Hãy tuôn âu yếm, lùa mơn trớn
Sóng mắt, lời môi, nhiều thật nhiều...
Trời cao trêu thử chén xanh êm
Biển đắng không nguôi nỗi khát thèm
Nên lúc môi ta kề miệng thắm
Trời ơi, ta muốn uống hồn em

Ta nên biết rằng, trong các thứ dục, chỉ có sắc dục là tai hại mãnh liệt hơn cả, nên Phật nói: *"Ngoài nó không gì lớn bằng"*. Ta hãy nghe Phật dạy tiếp về sự lớn mạnh có một không hai của nó.

Lại hữu nhứt hỷ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhơn vô năng vi đạo giả hỷ!
Cũng may, chỉ có một mình nó thôi, nếu có cái thứ hai bằng nó, thì người khắp trong thiên hạ không ai có thể hành đạo được vậy.

Thế mới biết, ái dục cái mà người ta luôn ôm ấp khát vọng nó quan trọng đến ngần nào. Phật nói: *"Cũng may, chỉ có một mình nó thôi, nếu có cái thứ hai bằng nó, thì người khắp trong thiên hạ không ai có thể hành đạo được vậy"*.

Giả như trong thiên hạ chỉ cần có thêm một cái thứ hai như là sắc dục, thì cả thiên hạ này không ai biết tu hành là gì cả. Chỉ có một cái sắc dục thôi, mà nó đã làm cho người ta bị thất điên bát đảo rồi! Nếu có thêm một cái nữa, chắc thiên hạ tranh giành nhau chém giết nhau kịch liệt. Chừng đó không biết xã hội loài người thác loạn đến mức độ nào!

Tiếp theo, Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ cụ thể để chúng ta thấy rõ sự tai hại của sắc dục.

người nên cố gắng làm lành tránh xa những điều ác. Đức Phật đặt nặng về vấn đề đạo làm người, tức đứng trên lập trường nhân bản mà nói. Mà nhân bản là lấy ngũ giới làm nền tảng. Người nào giữ tròn năm giới cấm của Phật dạy, thì chắc chắn bảo đảm người đó sẽ trở lại làm người và sẽ có một đời sống tốt đẹp hơn. Đây là đứng trên lập trường nhân quả mà Phật khuyên bảo mọi người nên ý thức cố gắng tạo những nghiệp nhân lành để được an lành tốt đẹp trong cuộc sống.

Giới luật của Phật chế ra là nhằm mang lại sự tự do cho con người. Giới tiếng Phạn gọi **Thi la.** Trung Hoa dịch *biệt biệt giải thoát*. Nghĩa là giữ được giới nào thì ta sẽ được giải thoát giới đó. Như ta không giết hại người hoặc cướp giựt của ai, thì ta đi đâu, ở đâu cũng không sợ người ta theo dõi sát hại trả thù. Ta cũng không lo sợ pháp luật thế gian trừng phạt ta. Có phải nhờ giữ giới mà ta có được đời sống tự do thoải mái không? Như vậy càng giữ đủ giới mà ta đã phát nguyện lãnh thọ vâng giữ làm theo, thì đời sống của ta rất được an lành hạnh phúc. Trong gia đình nếu ai cũng đều thọ và giữ giới thì gia đình đó thật là an lạc hạnh phúc biết bao! Tuy nhiên, giữ giới là điều căn bản tốt đẹp rồi, nhưng đó mới chỉ là tiêu cực không tạo ác thôi. Ta cần tiến lên thêm một bước nữa là ta phải tích cực tạo những nghiệp lành. Ta cần tạo thêm nhiều điều phúc thiện có lợi cho mình và người, rộng ra là cho khắp cả muôn loài vạn vật, thì phước báo của ta rất lớn. Khi hành thiện cứu đời giúp người, ta không cần ai biết đến. Ta làm với tâm nguyện là hành xả, tức làm đâu bỏ đó. Ta noi theo hạnh nguyện của Bồ tát, làm mà không dính kẹt vào những việc mình làm. Như thế là ta đã dẹp trừ dần cái ngã tướng của ta. Thế mới thật xứng đáng hành thiện bất vụ lợi. Tuy nhiên, nếu như mình làm việc thiện mà còn có ý mưu đồ vụ lợi riêng cho cá nhân mình, thì chỉ càng gây

thêm tội lỗi mà thôi. Điều này, ta thấy đã xảy ra gây xôn xao ồn ào trên cộng đồng mạng. Có người họ lợi dụng việc làm từ thiện hô hào kêu gọi mọi người đóng góp tiền bạc để cứu trợ các nạn nhân thiên tai, nhất là trong thời gian dịch bệnh Covid – 19, bề ngoài thấy họ dường như sốt sắn tỏ ra mình có đạo đức lắm, nhưng bên trong ai có ngờ đâu là họ lại bỏ túi riêng. Việc làm của họ không được rõ ràng, từ đó gây ra ồn ào lùm sùm trên cộng đồng mạng buộc họ phải sao kê minh bạch. Tất cả cũng đều do lòng tham lam của con người mà ra.

Trở lại vấn đề Phật dạy trên, cho ta một bài học về nhân quả hiện tiền. Thường người hiền lương tốt bụng hay dễ bị người xấu ác xuyên tạc hãm hại lắm. Lẽ ra, mình thấy người hiền hậu nhân từ đức hạnh thì mình thương không hết, có đâu mà nỡ ra tay hãm hại người ta. Nếu mình cũng là người nhân từ tốt bụng, thì dễ đồng cảm với nhau. Như thế thì đâu có gì phải nói. Nhưng ở đời đâu có ai cũng hiền lương nhân ái tốt bụng như mình. Người có tâm ác độc hại người thì nhiều, còn người có tâm lương thiện giúp người thì rất ít. Người ta hay nói, đời này muốn làm người tốt cũng rất khó. Câu nói này là biểu hiện cái tâm ác độc của con người ngày càng tăng trưởng lớn mạnh. Tuy nhiên, chúng ta cũng đừng quên rằng, còn có luật nhân quả không tha ai hết. Nếu có kẻ ác nhơn nào đó, tìm cách rắp tâm hại kẻ hiền lương, thì Phật nói, khác nào kẻ đó như ngước mặt lên trời mà phun nước bọt, nước bọt kia chẳng những không lên đến trời mà nó còn trở lại rớt vào mặt mình. Với ý này, Khổng Tử cũng nói: "Hàm huyết phún nhơn tiên ô tự khẩu". Nghĩa là ngậm máu phun người thì miệng mình dơ trước. Hại người trở lại hại mình là thế. Đây là Phật nêu ra một thí dụ và tiếp theo Phật lại nêu thêm một thí dụ nữa.

Chương 24

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Ái dục mạc thậm ư sắc, cố viết kỳ đại vô ngoại. Lại hữu nhứt hỷ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhơn vô năng vi đạo giả hỷ!

Dịch Nghĩa:

QUÁN CHUNG VỀ NĂM THỨ DỤC LẠC (tiếp theo)

Phật dạy: Sự thèm muốn không gì hơn sắc đẹp. Sự thèm muốn sắc đẹp, ngoài nó không gì lớn bằng. Cũng may, chỉ có một mình nó thôi, nếu có cái thứ hai bằng nó, thì người khắp trong thiên hạ không ai có thể hành đạo được vậy

Giảng Giải:

Phật ngôn: Ái dục mạc thậm ư sắc, cố viết kỳ đại vô ngoại.

Phật dạy: Sự thèm muốn không gì hơn sắc đẹp. Sự thèm muốn sắc đẹp, ngoài nó không gì lớn bằng.

Tại sao Phật lại lặp đi lặp lại vấn đề ái dục nhiều lần như thế? Xin thưa, vì nó quá quan trọng, chính nó là nguồn gốc của sinh tử khổ đau. Ai cũng biết, ái là yêu thích; dục là khao khát thèm muốn. Ái dục là sự khao khát thèm muốn nặng về phần sinh lý hơn là tâm lý. Dù rằng sự khao khát thèm muốn đó, phát xuất từ tư tưởng của con người, nhưng nó đòi hỏi một sự thỏa mãn nặng về phần xác thịt nhiều hơn.

Nói đến tình yêu, nặng về ái dục, ta phải nói đến nhà thơ lãng mạn tiêu biểu nhất đó là Xuân Diệu. Ông được mệnh

Đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu; thấu đắc thử môn, xuất trần La hán.

Vì tự đắm mình nơi lầy lội, gọi là phàm phu, nếu hiểu được lẽ ấy, chính là bực xuất trần La hán.

Tự đắm mình nơi lầy lội là dụ về cái khổ của sắc dục. Nhơn vì khi Phật thuyết pháp, có con voi điên tự nhảy vào bùn để trầm mình và càng vùng vẫy chừng nào thì nó lại càng bị lún sâu thêm chừng nấy. Do vậy, nên Phật lấy đó làm thí dụ. Chỉ có phàm phu ngu muội bất giác, nên mới tự mình đắm chìm trong dục lạc đó thôi. Ngược lại, các bậc thánh giả biết đó là tai hại, nên các ngài ý thức lánh xa. Nhân không gây thì quả không có. Câu nói: "Hiểu được lẽ ấy", có nghĩa là mãn quả vị A na hàm chứng được quả vị A la hán. Bởi vì hai quả vị trước (Tu đà hoàn và Tư đà hàm) chưa có xa lìa được Dục giới, vì thế mà các vị đó vẫn còn có sắc dục. Quả vị A na hàm, dù vẫn còn ở Dục giới, tuy chưa đoạn được sắc dục, nhưng lúc nào cũng có ý niệm xa lìa, và nỗ lực tiến tu, cho nên cuối cùng, họ sẽ chứng được quả vị A la hán.

Những người tại gia, giữ gìn năm giới cho đến khi chứng được quả xuất thế hoặc giữ gìn Tỳ kheo giới, tiến đến chỗ ly dục, gọi đó là Xuất trần A la hán.

Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỷ thân. Hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.

Thí như ngược gió giê bụi, bụi chẳng đến người, trở lại dính vào thân. Người hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

Cả hai thí dụ đều rất cụ thể. Đây là một thí dụ của người giê bụi. Nếu như chúng ta đứng ngược gió mà giê bụi, thì bụi đó sẽ không bay lên ngược gió mà nó bay trở lại dính vào thân mình. Đó là hành động của một kẻ ngu khờ dại dột. Tuy đây là một thí dụ, nhưng ở đời cũng có lắm kẻ ngu ngơ khờ khạo hành động không khác gì với thí dụ này. Đó là kẻ nào đem tâm ác độc mà hãm hại người hiền lương đức hạnh, thì kẻ đó sẽ lãnh lấy một hậu quả phản hồi vô cùng tai hại. Hại người đâu chưa thấy mà thấy trước mắt là mình đã mang họa hại vào thân rồi. Đây là bài học thực tế rất bổng nhắc nhở cho những ai mang tâm địa xấu xa nham hiểm độc ác manh tâm hại người, thì hãy coi chừng hại người chưa được mà lại rước họa vào thân. Ta hãy nhớ nhân quả có ra là từ trong tâm niệm của chúng ta, chớ không phải chỉ có hiển lộ bên ngoài thôi. Tất cả đều chính do mình tự định đoạt lấy sự khổ, vui, chớ không có ai đem lại sự khổ vui đó cho mình. Tổ Qui Sơn dạy: "Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhơn". Nghĩa là, đời này tự mình quyết định cho mình, không ai quyết định cho mình, đừng ỷ lại vào người khác. Nếu mình tạo nhân ác thì phải bị sa đọa. Dù Phật có tái thế cũng không thể cứu mình được. Đức Phật cứu mình bằng cách là Phật chỉ khuyến giáo dạy bảo cho chúng ta mà thôi. Nếu ta y theo lời Phật dạy mà nỗ lực tu hành gây nhân tốt, thì chắc chắn ta sẽ gặt hái quả báo tốt. Ngược lại, nếu người nào có ác tâm muốn hãm hại kẻ khác, thì người đó sẽ tự chuốc họa hại vào thân, vì luật nhân quả thưởng phạt rất phân minh công bằng.

Chương 9

ĐẠI THỪA BẤT CỘNG THẮNG HẠNH

Kinh Văn:

Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội; thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thâm đại.

Dịch Nghĩa:

- Thắng Hạnh không cùng Đại Thừa
- Xây dựng niềm tin

Phật dạy rằng: Những kẻ học rộng mến đạo, thì đạo ắt khó gặp, còn những kẻ thủ chí hành đạo, thì đạo kia rất lớn.

Giảng Giải:

Thủ chí có nghĩa là giữ vững lập trường chí nguyện, luôn luôn mong cầu quả Vô thượng Bồ đề, tức quả vị Phật. Sách có câu: "Hữu chí cánh thành", nghĩa là có chí thì nên. Những người học rộng mến đạo tức chỉ cho những vị bác học đa văn, thông suốt các môn học vấn trên đời. Họ bước chân vào con đường tìm đạo, nhưng đa số những người này, hoặc lòng mong muốn của họ mênh mông không chỗ quy hướng, hoặc do chỗ sở học mà có tâm mến đạo Vô thượng vi diệu, họ không thể đem sức tự thân ra hành đạo, nên đối với họ, đạo quả cố nhiên là khó đạt được. Vì họ còn cái "Sở tri chướng" quá nặng. Còn những người thủ chí nơi đạo mà gắng công nỗ lực hành đạo, mới

duyên đã đến rồi, thì không có gì ngăn cản ý chí mãnh liệt của họ được. Nhưng phải nói số này rất ít, nó thưa thớt như lá mùa thu trên cành.

Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì!
Một khi tâm thích về sắc đẹp, thì đâu còn sợ gì đến sự gian nguy.

Tâm lý này, hầu hết con người đều mắc phải. Một khi mà người ta đã yêu thích rồi khó có gì mà ngăn cản được. Cổ nhân có làm bài thi nói về vấn đề sắc đẹp này.

Vũ vô thiết tỏa năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân
Thiên cổ anh hùng giai tạ thử
Bá thiên đồng tác tự khanh trần

Nghĩa là:

Mưa không phải là khóa sắt mà có thể giữ khách làng chơi lại. Sắc đẹp không phải là sóng gió mà nó có thể nhận chìm con người một cách dễ dàng. Xưa nay, có biết bao anh hùng đều bỏ mạng chỉ vì sắc đẹp này. Hàng trăm ngàn người đều tự đào hố chôn mình trong nỗi khổ đau!

Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tồn cam phục!
Dẫu cho có sự hoạn họa nơi miệng hùm, lòng cũng đành chịu.

Đó là nói lên cái nguy hại của lòng đam mê sắc dục. Một khi con người đắm chìm trong sắc dục rồi, thì đối với họ thật không còn gì là phải lo sợ nữa. Dù có phải sa vào miệng hùm, họ cũng không sợ chết, miễn sao thỏa mãn được lòng háo sắc nhục dục của họ mà thôi.

Chương này, Phật riêng trách về sắc dục. trong chương 21, ta thấy đức Phật trách chung về sự ham mê ngũ dục. Riêng chương này đến chương 26, Phật chỉ quở trách riêng về tai hại của sắc dục mà thôi. Bởi sắc dục cũng là nhân tố làm cho con người say mê đắm đuối. Có người vì ham mê sắc dục mà phải chịu thân bại danh liệt. Đam mê say đắm sắc dục, tùy theo lòng ham muốn của con người mà cường độ của nó có nặng nhẹ khác nhau. Nặng thì nước mất nhà tan, thậm chí còn phải bị tán thân mất mạng. Nhẹ thì mang bệnh nặng vào thân, nhà tan cửa nát và lắm lúc phải bị sa vào vòng lao lý. Như trường hợp cưỡng hiếp phụ nữ hoặc vào lầu xanh hưởng thụ giải quyết sinh lý v.v... Đó là những tai hại không những cho bản thân mình, mà còn làm liên lụy đến gia đình vợ con nữa. Thế là, vì một phút mua vui hưởng thụ khoái lạc mà gây ra tai hại tan nát hạnh phúc gia đình. Trường hợp Phật nói ở đây, là những người tuy có gia đình, nhưng vì nặng tình thê tử thật khó thoát ly. Vì vợ con nhà cửa gia sản là những sợi dây luyến ái trói buộc thắt chặt con người. Phật so sánh giữa tình gia đình nó còn nặng hơn là bị nhốt trong lao ngục. Vì lao ngục còn có ngày được ân xá phóng thích hoặc đến kỳ hạn người ta cũng được ra tù, còn tình vợ con không biết ngày nào mới mong được thoát ly. Vì gốc của sắc dục quá sâu, nên đối với tình ái vợ con không có ý niệm muốn xa lìa. Tuy nhiên, không phải ai cũng nặng mang tình ái như thế, cũng có người nhờ gieo trồng hạt giống Phật pháp sâu dày, nên họ cũng có thể dứt tình ân ái để đi tu. Phần lớn là họ có quyết tâm và ý chí vững mạnh, và một ý nguyện cao xa, băng không cũng khó có đủ nhân duyên mà cắt đứt sợi dây ân ái ràng buộc. Bởi tình ái của con người rất sâu nặng. Nếu họ thiếu nghị lực cương quyết và thiếu nhân duyên Phật pháp, thì đừng hòng dứt khoát ra đi. Quan trọng là một khi nhân

có thể tựu thành đạo quả Vô thượng Bồ đề.

Trong giới tu học Phật, ta thấy có hai hạng người: học giả và hành giả. Người chuyên nghiên cứu đào sâu vào Phật học, và so sánh với các ngành triết học, khoa học khác, sự hiểu biết của họ rất sâu rộng. Có thể nói, họ là hạng người mà ta thường gọi là "Thế trí biện thông". Họ thông suốt các môn học đời và đạo. Quả thật, họ xứng danh là hàng học giả. Ngược lại, người vừa nghiên cứu vừa thật hành, thì ta gọi họ là hành giả. Hạng người này, tuy sức hiểu biết của họ không quảng bác như hàng học giả nói trên, nhưng sự thật hành của họ rất là sâu sắc. Họ là người học hiểu tới đâu thì thực tập thật hành tới đó. Họ có kích thước chiều sâu vào nội tâm hơn là nghiên cứu tìm hiểu về chiều rộng. Có thể nói, hạng người này được gọi là bậc "Tri và hành hợp nhất". Họ nặng về thật hành hơn là lý thuyết. Trái lại, hàng học giả thì nặng về lý thuyết hơn là thật hành. Họ rất giỏi về mặt lý thuyết, người hành giả không thể thuyết minh và hiểu rộng bằng họ, nhưng họ có kích thước chiều sâu mà người học giả không có. Bởi vì hành giả là người chuyên sâu về mặt tu chứng. Do đó mà họ không nặng về phần nghiên cứu rộng rãi như các nhà bác học. Nói tóm lại, mỗi người đều có một sở trường chuyên môn và nếu hợp cả hai lại để bổ túc cho nhau, thì thiết nghĩ rất là lợi ích cho việc truyền bá đạo pháp vậy.

Chương 10

TU LỤC ĐỘ

Kinh Văn:

Phật ngôn: Đổ nhơn thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước kỳ đại. Sa môn vấn viết: Thử phước tận hồ? Phật ngôn: Thí như nhứt cự chi hỏa, số thiên bá nhơn các dĩ cự lai phân thủ, thục thực trừ minh, thử cự như cố, phước diệc như chi.

Dịch Nghĩa:

TU HẠNH LỤC ĐỘ

Phật dạy rằng: Thấy người làm đạo bố thí vui vẻ giúp đỡ thì được phước rất lớn. Có thầy Sa môn hỏi rằng: Phước ấy có hết không?
Phật dạy: thí như lửa của một cây đuốc, vài trăm ngàn người đều dùng đuốc đến chia nhau mà lấy để nấu ăn hay thắp sáng, nhưng cây đuốc kia vẫn như cũ. Phước người bố thí cũng như thế.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Đổ nhơn thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước kỳ đại. Sa môn vấn viết: Thử phước tận hồ?
Phật dạy rằng: Thấy người làm đạo bố thí vui vẻ giúp đỡ thì được phước rất lớn. Có thầy Sa môn hỏi rằng: Phước ấy có hết không?

Chương 23

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn hệ ư thê tử xá trạch thậm ư lao ngục, lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì! Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tồn -cam phục! đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu; thấu đắc thử môn, xuất trần La hán.

Dịch nghĩa: Quán chung về năm thứ dục lạc

Phật dạy rằng: Người bị ràng buộc bởi vợ con, nhà cửa còn quá hơn lao ngục, lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không có một ý niệm xa lìa. Một khi tâm thích về sắc đẹp thì đâu còn sợ gì đến sự gian nguy. Dẫu cho có sự hoạn họa nơi miệng hùm, lòng cũng đành chịu. Vì tự đắm mình nơi lầy lội, gọi là phàm phu, nếu hiểu được lẽ ấy, chính là bực xuất trần La hán.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Nhơn hệ ư thê tử xá trạch thậm ư lao ngục, lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm.
Phật dạy rằng: Người bị ràng buộc bởi vợ con, nhà cửa còn quá hơn lao ngục, lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không có một ý niệm xa lìa.

hương trời. Đẹp đến nỗi như trong Cung Oán Ngâm Khúc mà Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều đã diễn tả:

"Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn
Lửng da trời nhạn ngẩn ngơ sa
Hương trời đắm nguyệt say hoa
Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình".

Đẹp đến thế là cùng. Đó là nêu ra tiêu biểu những người xưa, còn người nay, thì xin để mọi người suy gẫm lấy. Vì thế nên Phật dạy: **"*Tài sắc đối với người, người không bỏ được, chẳng khác nào trên lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, thế mà, đứa bé liếm vào quyết sẽ bị cái hại đứt lưỡi*".** Quả đúng như lời Phật dạy:

"*Phật dạy rằng, người theo tình dục*
Vọng mong cầu cho được thanh danh
Thanh danh vừa hiện đành rành
Thì thân đã chết tan tành xương khô
Sớm giác ngộ tìm phương học đạo
Đam mê danh thêm tạo nghiệp trần
Uổng công mệt xác nhọc thân
Lợi danh chưa hưởng tử thần kéo lôi
Nào khác thể hương kia vừa đốt
Nghe mùi hương chưa được bao lâu
Hương kia cháy hết hồi nào
Nhưng còn lửa dữ theo sau hại mình
Tài danh lợi sắc thinh cũng thế
Đuổi tham mê bất kể thân mình
Luân hồi nhiều kiếp tử sinh
Chỉ vì tham đắm vọng tình trôi lăn
Giống như thể dao kia dính mật
Một bữa ăn quả thật không ngon
Vì thèm một chút cỏn con
Liếm vào đứt lưỡi trẻ con ngu khờ.

Bố thí là hạnh đầu trong sáu món Ba la mật của Bồ tát. Trong giới học Phật, ai cũng hiểu thuật ngữ bố thí cả. Tuy nhiên, nghĩa của hai chữ bố thí có sâu, cạn khác nhau. Nghĩa của bố thí thông thường gồm có ba loại: Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Ba nghĩa này trong các kinh điển thường hay nói đến. Về tài thí có hai: Nội tài và ngoại tài. Nội tài là những tài sản trong cơ thể của mỗi người. Bố thí nội tài cũng không phải dễ. Như hiến máu hay cho một quả thận v.v... đó là bố thí nội tài. Còn bố thí ngoại tài, thì ai cũng có thể làm được. Nhưng với điều kiện là người đó phải có cái tâm rộng rãi một chút, chớ nếu quá keo kiết bỏn sẻn thì cũng khó giúp đỡ cho người khác. Pháp thí là ban cho giáo pháp của Phật Tổ đã dạy. Cách bố thí này đòi hỏi là người đó phải có tu học Phật pháp khá. Từ đó mới có thể giảng giải Phật pháp cho người khác hiểu. Tuy nhiên, nếu ta có những lời khuyên nhủ phù hợp với chân lý chánh pháp, thì cũng được gọi là bố thí pháp. Vô úy thí là ta cho người ta cái không sợ để họ được an tâm, mà không phải lo sợ bất cứ điều gì. Ta đem lại cho họ một niềm tin vững chắc vào ở nơi chánh pháp. Nhất là niềm tin Tam bảo và nhân quả. Khi họ đã có được niềm tin vững chắc vào nhân quả rồi, thì họ sẽ không còn lo lắng sợ hãi điều gì mang tính cách hù dọa mê tín dị đoan nữa cả.

Đó là chúng ta tìm hiểu đại khái một vài nét về nghĩa lý thông thường của hạnh bố thí. Tuy nhiên, nếu chúng ta tìm hiểu sâu hơn thì bố thí có nghĩa là buông xả. Buông xả ở đây, ta không nên hiểu về phần vật chất không thôi, mà ta cần phải hiểu về mặt nội tâm nhiều hơn. Vì trong tâm có buông xả, thì bên ngoài mới không bị dính mắc. Khi nào phiền não trong tâm ta không còn, thì mọi thứ đối với ta chỉ là vô nghĩa. Tâm không thì các pháp đều không. Ta

phải cố gắng thực tập hạnh buông xả. Buông xả càng nhiều thì tâm ta càng nhẹ nhàng thanh thoát hơn. Có thể thì mới xứng hợp với đạo lý giải thoát. Bằng ngược lại, ta mãi cố chấp không chịu buông bỏ thì cõi lòng ta lúc nào cũng nặng trĩu đau khổ chất chồng.

Buông xả tâm an vui
Buông xả miệng mỉm cười
Buông xả lòng tươi mát
Buông xả thấm tình người

Buông xả có gì hơn
Buông xả hết giận hờn
Buông xả niềm an thoát
Buông xả trở về nguồn.

Bài thơ này đã trở thành một bài hát mà đạo tràng Quang Minh thường hay hát ca trong những ngày thọ bát. Nội dung bài hát nhằm thức nhắc mọi người nên buông xả mọi thứ đừng có cố chấp mà phải chịu đau khổ. Có buông xả thì tâm ta mới an vui, miệng ta mới mỉm cười và lòng ta mới thật sự tươi mát. Người tu hạnh buông xả, thì sẽ không có giận hờn và thân tâm luôn được an thoát nhẹ nhàng. Có buông xả như thế, thì ta mới trở về cội nguồn bản tâm thanh tịnh sáng suốt của chúng ta.

Phật ngôn: Thí như nhứt cự chi hỏa, số thiên bá nhơn các dĩ cự lai phân thủ, thục thực trừ minh, thử cự như cố, phước diệc như chi.
Phật dạy: thí như lửa của một cây đuốc, vài trăm ngàn người đều dùng đuốc đến chia nhau mà lấy để nấu ăn hay thắp sáng, nhưng cây đuốc kia vẫn như cũ. Phước người bố thí cũng như thế.

Tiền bạc do con người tạo ra làm phương tiện trong việc giao dịch đổi chác với nhau trong cuộc sống, nhưng rồi con người vì quá nô lệ cho đồng tiền mà phải gây ra thảm họa giết hại lẫn nhau. Khác nào như sắt sanh ra sét, rồi chính chất sét đó lại làm tiêu hình bại hoại của sắt. Con người tạo ra đồng tiền để rồi cuối cùng con người cũng chết vì tiền.

Đó là nói về tai hại của đồng tiền. Thật ra người ta chế tạo ra đồng tiền với mục đích là để cho con người tiện bề trao đổi giao dịch với nhau trên thương trường cũng như trong đời sống, tại con người vì quá si mê tham lam nên mới gây ra cảnh tương tàn tương sát nồi da xáo thịt với nhau. Xét cho cùng, đồng tiền không có lỗi chi cả, nó chỉ có lợi mà không có hại, có hại là do lòng tham lam của con người vì muốn làm giàu nên bất chấp thủ đoạn tàn sát với nhau. Có người cam tâm làm nô lệ cho đồng tiền nên bị đồng tiền sai sử gây ra những điều họa hại đó thôi. Có người họ sáng suốt khéo biết sử dụng đồng tiền thì làm rất nhiều điều lợi ích cho xã hội. Nếu phải lên án và kết tội, thì chúng ta nên lên án kết tội những kẻ tham lam quá độ làm tay sai cho đồng tiền sai khiến nên bán rẻ lương tâm lương tri của mình. Chính họ là thủ phạm gây ra làm xáo trộn xã hội và giết chết biết bao mạng người, tất cả cũng chỉ vì **"TIỀN và TIỀN"**. Ngoài vấn đề tiền bạc ra, người ta còn đam mê sắc đẹp. Chính sự đam mê này mới thật là tai hại vô cùng. Sắc đẹp nói ở đây, dĩ nhiên là sắc đẹp của con người giữa nam và nữ. Nhất là sắc đẹp của phái nữ. Từ xưa tới nay, có không biết bao nhiêu người chết chỉ vì đắm mê sắc đẹp. Nước mất nhà tan cũng chỉ vì sắc đẹp. Vua Trụ mất nước vì say mê nàng Đắc Kỷ. Ngô Phù Sai mất nước chỉ vì say mê đắm đuối Tây Thi. Tề Tương Công bị giết chết chỉ vì say mê nàng Văn Khương v.v... Đây là những người đẹp đã được lịch sử ghi lại sắc nước

Hai câu thơ trên là kết tinh kinh nghiệm của một con người tràn đầy kinh nghiệm trong cuộc sống. Đó là nhắc nhở cảnh tỉnh cho những ai còn quá tự cao tự đại ỷ lại vào tài năng của mình mà phải rước họa hại vào thân. Xưa nay, sách sử đã ghi lại có rất nhiều người cậy vào tài giỏi của mình mà chuốc lấy tai họa khủng khiếp. Ngoài tai hại của tài năng ra, đến tiền bạc của cải cũng là một họa hại khôn lường. Người ta thanh toán chém giết với nhau cũng chỉ vì tiền của. Đúng là:

Tiền với bạc là nhân nạn khổ
Tiền xô người vào chỗ u minh
Tiền tài thay đổi tánh tình
Tiền gây nên cảnh đệ huynh tương tàn.

Trong gia đình người thân ruột thịt với nhau, chỉ vì tiền bạc của cải tài sản mà họ nỡ ra tay tàn sát với nhau. Từ tranh chấp hơn thua rồi đi đến giết hại lẫn nhau. Đúng là: "Tiền xô nhân nghĩa dẹp đôi bên" Chỉ vì tiền mà hãm hại nhau không còn nghĩ đến tình thân máu mủ ruột thịt nữa. Đó là tiền "xô người vào chỗ u minh". Vì tiền mà con người mất hết cả nhơn tính. Ta hãy nghe bài thơ nói về tai hại khốc liệt của đồng tiền:

Ác nghiệt chi mi lắm rứa tiền
Mi làm nhơn loại hóa ra điên
Mi tô mặt nạ đen thành trắng
Mi khiến nhơn tình thẳng hóa xuyên
Mi đạp luân thường vô một xó
Mi xô nhân nghĩa dẹp đôi bên
Mi xui thế giới đâm nhau mãi
Ác nghiệt chi mi lắm rứa tiền!

(*Xin lỗi cả hai bài thơ này, lâu quá, tôi không còn nhớ tên tác giả, kính mong tác giả hoan hỷ thông cảm cho)*

Đức Phật nêu ra hình ảnh lửa của một cây đuốc, khi cây đuốc được thắp cháy sáng lên, thì có hàng trăm hàng ngàn người xúm nhau đến mồi lửa của cây đuốc đó, nhưng lửa của cây đuốc đó có bị giảm sút hao hụt không? Cố nhiên là không. Vì lửa của cây đuốc đó vẫn giữ nguyên như cũ. Phật nói: Phước người bố thí cũng như thế. Nghĩa là tự mình ra làm việc bố thí được phước rất lớn mà vui vẻ giúp người làm việc bố thí cũng được phước rất lớn. Giúp người làm việc bố thí, chẳng khác nào tự mình có một cây đuốc đem phân ra vô số cây đuốc, mà cây đuốc của mình vẫn không bị suy giảm, không mất chút lửa nào, còn người bố thí được sự giúp đỡ, phước báo nơi bản thân của họ chẳng những không mất mà còn tăng thêm sự tốt đẹp hơn lên.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm về hạnh bố thí và hạnh tùy hỷ như trong kinh Phật cũng đã từng dạy, nhất là trong Kinh Pháp Hoa có nguyên một phẩm gọi là Phẩm *Tùy Hỷ Công Đức.*

Tùy hỷ có nghĩa là khi thấy ai làm việc bố thí, thì ta phải phát tâm tùy hỷ vui theo. Phật nói công đức của người bố thí và công đức của người phát tâm tùy hỷ cả hai đều ngang nhau. Lý do tại sao? Là vì người bố thí là họ mở rộng cõi lòng, tức bớt đi lòng tham. Còn người phát tâm tùy hỷ thật sự, là họ cũng đã dẹp được lòng ích kỷ ganh ghét đố kỵ. Thế là, một đàng dẹp lòng tham, một đàng dẹp bỏ lòng ganh ghét đố kỵ, Phật nói, phước đức ngang nhau là ở chỗ cả hai đều dẹp bỏ được lòng ích kỷ. Nói cách khác, cả hai đều đang thật hành hạnh bố thí cả. Bố thí lòng tham và bố thí lòng ganh tỵ. Cả hai đều có chung là dẹp được lòng ích kỷ, phước là ở chỗ đó.

Vì Phật rất hiểu rõ tâm lý của con người, mình không làm mà thấy người khác làm điều tốt thì hay sanh cái tâm ganh tỵ đố kỵ như ở phần trước ta có đề cập đến. Vì vậy, hạnh tùy hỷ tuy dễ nhưng cũng không phải ai cũng có thể thật hành được. Vì lòng đố kỵ ganh tỵ của con người quá lớn, cái gốc là từ ở nơi bản ngã mà ra. Mà bản ngã là con đẻ của vô minh. Lòng tham hay ganh ghét cũng từ cái gốc vô minh mà có. Khi vô minh hết thì tất cả mọi thứ phiền não không còn. Tu hành cái gốc là dẹp trừ ở nơi vô minh. Mây mù vô minh tan biến thì ánh sáng của mặt trời trí tuệ hiện ra.

Chương 22

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC (tiếp theo)

Kinh Văn:

Phật ngôn: Tài sắc ư nhơn, nhơn chi bất xả; thí như đao nhận hữu mật, bất túc nhứt xan chi mỹ, tiểu nhi thỉ chi, tắc hữu cát tiệt chi hoạn.

Dịch Nghĩa: Quán chung về năm thứ dục lạc

Phật dạy: Tài sắc đối với người, người không bỏ được, chẳng khác nào trên lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, thế mà, đứa bé liếm vào quyết sẽ bị cái hại đứt lưỡi.

Giảng Giải:

Chương này, đức Phật xoáy mạnh vào vấn đề tai hại của người đắm mê chạy theo tài sắc. Trên đời này, không ai lại không ham muốn tạo cho mình có thật nhiều tài sản. Tài nói ở đây ngoài tiền bạc của cải ra, còn có tài năng nữa. Nhờ vào tài năng mà người ta mới làm nên sự nghiệp. Nhưng có người ỷ lại vào tài năng của mình, mà múa may quay cuồng trong trường danh lợi. Cuối cùng phải rước lấy cái chết vào thân. Bởi thế, mà trong Truyện Kiều cụ Nguyễn Du đã khuyên chúng ta bằng hai câu thơ:

“Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần”.

cháy tàn rồi! Phật nói, ngũ dục cũng chẳng khác nào như lửa hại thân, không sao tránh khỏi. Những người bị bệnh ngứa ngáy nằm hơ trên than lửa, cảm thấy rất đả ngứa, nhưng khi lửa than kia đã nguội rồi, thì bệnh ngứa vẫn hoàn lại y nguyên như cũ. Người đắm mê ngũ dục cũng thế, chỉ hưởng thụ khoái cảm thỏa thích không lâu, thì tự mình sẽ chuốc lấy đau khổ, như người mang bệnh ngứa kia không khác. Khi lửa tắt rồi, thì bệnh ngứa vẫn hoàn lại như xưa.

Ta nên nhớ rằng: Thú vui chỉ mở đường cho đau khổ và trong hội ngộ đã nẩy mầm chia ly. Vui đó rồi khổ đó. Có người chỉ ham vui hưởng thụ khoái lạc trong chốc lát mà phải chịu đau khổ suốt cả cuộc đời. Đúng là, vui trong tham dục vui rồi khổ. Sao bằng khổ để tu hành khổ hóa vui. Chi có niềm vui trong sự tu hành chân thật thì mới thực sự mang lại hạnh phúc cho ta vậy.

Chương 11

BỐ THÍ ĐỘ

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phạn ác nhơn bá, bất như phạn nhứt thiện nhơn, phạn thiện nhơn thiên, bất như phạn nhứt trì ngũ giới giả, phạn ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhứt Tu đà hoàn, phạn bá vạn Tu đà hoàn bất như phạn nhứt Tư đà hàm, phạn thiên vạn Tư đà hàm bất như phạn nhứt A na hàm, phạn nhứt ức A na hàm bất như phạn nhứt A la hán, phạn thập ức A la hán bất như phạn nhứt Bích Chi Phật, phạn bá ức Bích Chi Phật bất như phạn nhứt Tam thế chư Phật, phạn thiên ức Tam thế chư Phật bất như phạn nhứt Vô niệm, Vô trụ, Vô tu chứng chi giả.

Dịch Nghĩa:

BỐ THÍ BA LA MẬT

Phật dạy rằng: cho một trăm người ác ăn, không bằng cho một người lành ăn; cho một ngàn người lành ăn, không bằng cho một người trì ngũ giới ăn, cho một muôn người trì ngũ giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu đà hoàn ăn, cúng dường cho một trăm muôn vị Tu đà hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư đà hàm ăn; cúng dường cho một ngàn muôn vị Tư đà hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A na hàm ăn, cúng dường cho một ức vị A na hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A la hán ăn, cúng dường mười ức vị A la hán ăn, không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn, cúng dường cho một trăm ức vị Bích Chi Phật

ăn, không bằng cúng dường cho một Tam thế chư Phật ăn, cúng dường cho một ngàn ức Tam thế chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Vô niệm Vô trụ, Vô tu, Vô chứng ăn.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Phạn ác nhơn bá, bất như phạn nhứt thiện nhơn.
Phật dạy rằng: cho một trăm người ác ăn, không bằng cho một người lành ăn.

Thật ra, nguyên văn bài này, theo mạch văn thì không có chia ra chấm câu từng đoạn. Nhưng vì muốn cho người học dễ theo dõi, nên chúng tôi tạm chia ra từng câu để giải thích cho dễ hiểu.

Chương này tiếp theo chương mười, nói về công đức hơn kém trong việc bố thí. Phật so sánh công đức hơn kém đối với nhân địa và quả vị của những bậc tu hành. Phật nói, bố thí cho một trăm người ác ăn, làm sao bằng cho một người hiền thiện ăn. Đã là người ác, dù chúng ta có cấp dưỡng vật chất cho họ bao nhiêu, thì vô tình chúng ta lại đồng lỏa tội ác với họ bấy nhiêu. Cho nên bố thí tài vật cho họ thọ dụng, chẳng khác nào ta lại xúi giục họ tạo thêm tội ác. Ngược lại, người hiền thiện, là họ làm những điều tốt lành có ích lợi cho bản thân, gia đình và xã hội. Chỉ cần cho cơm một người lành ăn mà có ích lợi hơn là cho một trăm người ác ăn.

Phạn thiện nhơn thiên, bất như phạn nhứt trì ngũ giới giả.
Cho một ngàn người lành ăn, không bằng cho một người trì ngũ giới ăn.

ta cần phải lánh xa chúng nó. Bởi vì xuất gia có nghĩa là buông bỏ hết. Ngày xưa, Thái tử Sĩ Đạt Ta ra đi bỏ lại tất cả: Ngai vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh, sơn hà, xã tắc v.v... Ngài chỉ ra đi một mình phát nguyện phải tìm ra chân lý. Một đời tu gian khổ, trải qua năm năm tìm thầy học đạo, sáu năm tu khổ hạnh, sống lang thang trong rừng sâu núi thẳm. Cuối cùng, Ngài đã tìm ra chân lý và sống trọn vẹn với chân lý, nên được người đời tôn xưng Ngài là bậc Giác Ngộ hoàn toàn. Nhờ từ bỏ tất cả, mà Ngài được lại tất cả. Cái được của Ngài không phải là những thứ danh lợi vật chất phù hoa hư ảo, mà cái được đó chính là sự giác ngộ một cách trọn vẹn. Ngày nay, nếu ai muốn đi theo con đường giác ngộ mà đức Phật đã đi qua, thì chỉ có một cách duy nhất là phải "Xả Ly" tất cả. Vì thế mà mở đầu kinh này đức Phật dạy chúng ta phải **"LY DỤC TỊCH TỊNH"** chỉ có điều đó thì người xuất gia chúng ta mới hy vọng đạt thành sở nguyện như đức Phật mà thôi. Bằng không, thì chúng ta sẽ đau khổ dài dài trầm luân mãi trong vòng sanh tử hệ lụy khổ đau!

Để hiểu rõ hơn trong vấn đề đam mê danh lợi, Phật lại nêu ra một thí dụ rất cụ thể về mùi hương.

Thí như thiêu hương, tuy nhơn văn hương, hương chi tẫn hỷ, nguy thân chi hỏa nhi tại kỳ hậu.

Thí như, đốt hương người ta vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã cháy hết, mà thứ lửa hại thân theo liền sau đó.

Người đam mê chạy theo ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thùy) rốt lại cũng chẳng được gì. Khác nào như người đốt hương khi vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã

yêu quý kính trọng. Bằng ngược lại, lợi dụng chức vụ quyền thế của mình mà có những hành động trái với lòng dân như tham nhũng, phản bội đất nước v.v... thì một là họ phải bị mất chức, còn nặng hơn là phải bị gông cùm xiềng xích tù tội. Việc này ta thường nghe thấy và đã xảy ra hằng ngày nhan nhãn trong xã hội. Có người cả đời vì đam mê đeo đuổi theo danh lợi, nhưng danh lợi chưa được nằm trong tay mình một cách trọn vẹn, thì than ôi! bỗng chốc, họ đã hóa ra người thiên cổ! Quả đúng với câu người xưa nói: "Danh mà chi, lợi lắm mà chi, của công danh như bọt nước có ra gì". Hay: "Công danh cái thể màng sương sớm, phú quí vinh hoa giấc mộng tràng" (Thiền Sư Minh Chánh).

Tham thế thường danh nhi bất học đạo, uổng công lao hình!
Nếu người tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học đạo, thì chỉ uổng công mệt xác mà thôi!

Đây là đức Phật nhắm đến người tu hành, nhất là đối với người xuất gia chúng ta. Danh lợi ở đời, tuy nó như là màng sương sớm hay như giấc mộng Nam Kha, nhưng nếu chúng ta không khéo bị vướng vào thì e rằng cũng khó thoát ra. Đúng là: "Cái vòng danh lợi cong cong, người mong ra khỏi, người trông bước vào". Có lắm người tu hành nhưng mãi chạy theo danh lợi, cuối cùng trở thành thân tàn ma dại, rước họa hại vào thân. Người nặng về danh lợi thì thật khó mà tu học. Danh và lợi thường đi đôi với nhau. Hễ có danh là có lợi. Danh càng cao thì lợi càng lớn. Đối với người xuất gia Phật khuyên chúng ta nên tránh xa danh lợi. Như đã nói, danh lợi và những thứ dục lạc khác làm cho con người phải vì nó mà điêu đứng đau khổ ngút ngàn! Cho nên tốt nhất, là chúng

Người hiền, là người chỉ biết ăn hiền ở lành, theo đạo làm người, chớ họ chưa có thọ Tam quy và ngũ giới. Nếu so với người đã thọ Tam quy và ngũ giới, thì họ không thể nào sánh bằng được. Bởi vì tuy họ là người hiền (chỉ trong phạm vi đối nhân xử thế ở đời), chớ luận về đạo đức thì họ làm sao sánh bằng được người chân thật giữ giới. Vì người chân thật giữ giới thì công đức của họ sẽ nhiều hơn gấp bội.

Phạn ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhứt Tu đà hoàn.
Cho một muôn người trì ngũ giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu đà hoàn ăn.

Một người thọ trì năm giới cấm, tuy phước có hơn người hiền thiện, nhưng so với quả vị Tu đà hoàn, thì họ vẫn còn cách xa. Vì người Phật tử tại gia chỉ hưởng phước báo ở cõi người, nếu tu thập thiện thì cũng chỉ hưởng được phước báo ở cõi trời. Còn Tu đà hoàn chẳng những chuyên tu giới hạnh mà còn chứng được Thánh quả. Do đó, mà phước đức của họ sẽ nhiều hơn so với người Phật tử tại gia thọ trì năm giới cấm.

Phạn bá vạn Tu đà hoàn bất như phạn nhứt Tư đà hàm.
Cúng dường cho một trăm muôn vị Tu đà hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư đà hàm ăn.

Tư đà hàm là quả vị thứ hai trong tứ quả Thanh văn. Quả chứng của vị này đương nhiên là cao hơn một bậc so với quả vị Tu đà hoàn. Tu đà hoàn mới chứng được sơ quả và đã được dự vào dòng thánh. Cho nên nếu so sánh về quả vị tu chứng cũng như phước đức thì Tu đà hoàn làm sao sánh bằng phước đức và quả vị tu chứng của Tư đà hàm. Nếu nói về đoạn hoặc chứng chơn, thì Tư đà hàm đã đoạn được chút ít tư hoặc nên cúng dường cho quả vị này ăn sẽ được công đức nhiều hơn.

Phạn thiên vạn Tư đà hàm bất như phạn nhứt A na hàm.
Cúng dường cho một ngàn muôn vị Tư đà hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A na hàm ăn.

A na hàm là quả vị thứ ba trong tứ quả Thanh văn. Về những quả vị tu chứng của những vị này, như trong chương một đã có nói rõ. Ở đây, chúng tôi xin miễn lặp lại dài dòng. Vì mục đích của chương này là nhằm so sánh việc cúng dường công đức hơn kém nhiều ít đó thôi. A na hàm đoạn được nhiều phần phiền não, nên cúng dường sẽ được phước hơn Tư đà hàm.

Phạn nhứt ức A na hàm bất như phạn nhứt A la hán.
Cúng dường cho một ức vị A na hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A la hán ăn.

A la hán là quả vị cuối cùng của tứ quả Thanh văn. Quả vị này đã đoạn trừ hết "Kiến hoặc" và "Tư hoặc" phiền não. Nên so với 3 quả vị trước thì quả vị này vượt trội hơn nhiều. Thế nên cúng dường cho một vị A la hán thì phước đức sẽ nhiều hơn gấp bội.

Phạn thập ức A la hán bất như phạn nhứt Bích Chi Phật.
Cúng dường mười ức vị A la hán ăn, không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn.

Bích Chi Phật còn gọi là Phật Độc Giác, có nghĩa là vị này tự mình giác ngộ không như hàng Thanh văn nghe lời Phật dạy mà tu chứng. Ngược lại, Bích Chi Phật vẫn được liễu thoát sanh tử trong ba cõi đồng với quả vị A la hán, nhưng A la hán phải đợi nghe Phật thuyết pháp mới được giác ngộ, còn Bích Chi Phật tự mình khám phá ra chân lý vô thường, quán hoa rơi lá rụng mà giác ngộ, nên trí huệ lại hơn A la hán.

Quả đúng như lời nhắc nhở cảnh tỉnh của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều:

"Mồi phú quý nhử làng xa mã
Bã vinh hoa lừa gã công khanh
Giấc "Nam Kha" khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không".

Tục ngữ ta cũng có câu: *"Càng cao danh vọng, càng dày gian nan"*. Hay *"trèo cao, té nặng"*. Trong xã hội hiện tại, đã có biết bao nhiêu người trèo cao té nặng. Nặng đến nỗi thân bại danh liệt. Quả đúng với câu người đời thường nói: "Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng". Khi người ta leo lên tột đỉnh của nấc thang danh vọng quyền lực, bấy giờ họ nắm quyền hành trong tay, cố nhiên, lòng tham vọng của họ rất lớn. Nếu người ở địa vị cao mà thiếu đức, thiếu tài, không có lòng yêu nước thương dân, làm tất cả những điều sai trái, đi ngược lại với lòng dân, thì trước sau gì họ cũng bị mất chức và nhân dân quần chúng sẽ trách cứ nguyền rủa họ. Đó là những con người mọt nước sâu dân. Họ chỉ biết lợi dụng quyền lực ăn trên đầu trên cổ của người dân, thì sớm muộn gì họ cũng phải trả quả báo. Đã có biết bao người quyền cao chức trọng bị sa vào vòng lao lý, phải đền tội trước dân chúng. Bởi lòng dân là ý trời. Dù có tài cán thủ đoạn khéo léo gian xảo đến đâu, họ cũng không thể lấy bàn tay che cả bầu trời được. Các nhà cầm quyền phải nhớ rằng: "Ý dân là ý trời". Nước có thể chuyên chở cả thuyền tàu, nhưng đừng quên rằng, nước cũng có thể làm cho thuyền tàu bị chìm đắm. Ngược lại, cũng có người danh vọng quyền lực cao, nhưng họ trải rộng tấm lòng thương dân yêu nước. Họ là người chỉ vì quốc gia dân tộc, họ đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi cá nhân, thế là, người đó sẽ được toàn dân

năm món dục lạc mà bỏ bê sự tu học Phật pháp. Vì năm món dục lạc này nó có sức hấp dẫn rất lớn và sẽ gây ra tác hại lớn lao cho người tu hành. Vì thế, người tu hành phải hết sức cẩn trọng, khéo biết kềm chế dục vọng, không nên để năm thứ này tung hoành lôi kéo chúng ta đi về hướng trầm luân sa đọa.

Chương này xoáy mạnh về "Tình Dục". Ta nên ý thức rằng, tình dục là mối nguy hại rất lớn, do lòng dục vọng ham muốn cao độ của con người mà ra. Tình dục nói chung gồm có: "Thất tình và Lục dục". Thất tình là bảy thứ tình cảm mà con người luôn luôn cảm nhận. Đó là: ***"Mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muốn***". Còn Lục dục là sáu thứ luôn khêu gợi cho con người phải đắm đuối mê say. Sáu thứ đó là: ***"Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp***". Pháp nói ở đây, chính là pháp trần phiền não. Pháp trần này, chỉ có ý thức (thức thứ 6) duyên với nó mà thôi. Khi chúng ta tiếp xúc những cảnh đã qua, mà những cảnh đó còn lưu lại trong tâm thức, bấy giờ ta niệm Phật hay ngồi thiền, thì những thứ pháp trần này, chúng nó dấy khởi lên rồi ý thức duyên vào. Thế là, nó làm cho tâm ta luôn bị khuấy động tán loạn bất an, đó gọi là pháp trần phiền não. Có khi ngồi niệm Phật hay tham thiền cả buổi, mà chẳng được lợi lạc gì, đều do lũ pháp trần này khuấy rối cả. Vì thế, nên chúng ta cần phải tỉnh táo vận dụng trí huệ để nhận ra lũ pháp trần dấy khởi. Khi chúng nó dấy lên, ta liền nhận diện rõ. Thế là chúng tan biến ngay. Có thế, thì tâm ta mới có thể an ổn được.

Ngoài tình dục ra, con người còn ham muốn cho mình được nổi danh tiếng, tức phải có địa vị cao sang trong xã hội, để mọi người biết đến. Đây là những thứ cám dỗ con người và đại đa số người ta đều vướng mắc và chết vì nó.

Phạn bá ức Bích Chi Phật bất như phạn nhứt Tam thế chư Phật.
Cúng dường cho một trăm ức vị Bích Chi Phật ăn, không bằng cúng dường cho một Tam thế chư Phật ăn.

Kinh nói: Bích Chi Phật chỉ có thể Độc giác mà không có thể Giác tha, còn Tam Thế Chư Phật mới thật có thể đem tâm đại bi, bình đẳng độ khắp chúng sanh, nên cúng dường chư Phật sẽ được phước đức lớn hơn cả.

Phạn thiên ức Tam thế chư Phật bất như phạn nhứt Vô niệm, Vô trụ, Vô tu chứng chi giả.
Cúng dường cho một ngàn ức Tam thế chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Vô niệm Vô trụ, Vô tu, Vô chứng ăn.

Bậc Vô niệm, Vô trụ, Vô tu, Vô chứng hơn chư Phật là vì Tam Thế Chư Phật ứng hóa trong chúng sanh giới, cũng chỉ từ nơi pháp thân chân thật tức là "Vô vi chơn như tánh". Vô vi chơn thật pháp tánh là căn bản của chư Phật. Tất cả chư Phật đều dùng vô phân biệt trí mà chứng pháp Vô vi bình đẳng. Pháp thân Vô vi không thể dùng trí suy nghĩ luận bàn đến được, nó không trụ chỗ nào, không cần công phu tu tập mới có, cũng không cần chứng ngộ mới được. Trí vô lậu vô phân biệt lại cũng không bị sanh diệt, không dời đổi. Ấy là chơn thân của Phật tự tha bình đẳng, tức Vô niệm, Vô trụ, Vô tu, Vô chứng, chính là vô phân biệt trí, thân chứng chơn như tánh rốt ráo thành Phật. Cúng dường như thế mới gọi là cứu cánh. Do đây, chúng ta có thể biết trong Phật pháp bất cứ pháp nào cũng đều phải đạt đến chỗ cứu cánh vậy.

Chương 12

BỐ THÍ ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Nhơn hữu nhị thập nan: bần cùng bố thí nan, hào quí học đạo nan, khí mạng tất tử nan, đắc đổ Phật kinh nan, sanh trị Phật thế nan, nhẫn sắc nhẫn dục nan, kiến hảo bất cầu nan, bị nhục bất sân nan, hữu thế bất lâm nan, xúc sự vô tâm nan, quảng học bác cứu nan, trừ diệt ngã mạn nan, bất khinh vị học nan, tâm hành bình đẳng nan, bất thuyết thị phi nan, hội thiện tri thức nan, kiến tánh học đạo nan, tùy hóa độ nhơn nan, thiện giải phương tiện nan.

Dịch Nghĩa: Bố thí Ba la mật (tiếp theo)

Phật dạy rằng: Con người có hai mươi điều khó: Nghèo cùng bố thí là khó; giàu sang học đạo là khó; bỏ thân này quyết chết là khó; thấy được kinh Phật là khó; sanh ra gặp Phật ở đời là khó;

Nhịn sắc nhịn dục là khó; thấy tốt không mong cầu là khó; bị nhục không sân là khó; có thế lực không ỷ là khó; gặp việc vô tâm là khó;

Học rộng nghiên cứu sâu là khó; trừ diệt tâm ngã mạn là khó; không khinh những người chưa học là khó; tâm hành bình đẳng là khó; không nói việc phải quấy là khó;

Gặp được thiện tri thức là khó; thấy tánh học đạo là khó;

Chương 21

THÔNG QUÁN NGŨ DỤC

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn tùy "tình dục" cầu ư thanh danh, thanh danh hiển trứ, thân dĩ cố hỷ! Tham thế thường danh nhi bất học đạo, uổng công lao hình! Thí như thiêu hương, tuy nhơn văn hương, hương chi tẫn hỷ, nguy thân chi hỏa nhi tại kỳ hậu.

Dịch Nghĩa: Quán chung về năm thứ dục lạc

Phật dạy: Người theo tình dục cầu được thanh danh, khi thanh danh vừa hiển lộ thì thân đã chết rồi! Nếu người tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học đạo, thì chỉ uổng công mệt xác. Thí như, đốt hương người ta vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã cháy hết, mà thứ lửa hại thân theo liền sau đó.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Nhơn tùy "tình dục" cầu ư thanh danh, thanh danh hiển trứ, thân dĩ cố hỷ!
Phật dạy: Người theo tình dục cầu được thanh danh, khi thanh danh vừa hiển lộ thì thân đã chết rồi!

Chương này và chương 20 nó có liên hệ quán thông với nhau trong vấn đề Ngũ dục lạc thế gian. Nếu xét ý chung, thì đức Phật đều khuyên chúng ta không nên theo đuổi

tượng trên thế gian này không có cái gì thật cả, tất cả đều là vô thường, vô ngã huyễn hóa mà thôi.

Thân như bọt nước hợp rồi tan
Chìm nổi lênh đênh khóc khổ than
Mấy kẻ nhận ra mình bọt nước?
Bao người biết rõ cảnh hoa tàn?
Hơn thua phải trái tranh nhau mãi
Cấu xé bon chen lệ ướt tràn!
Này hỡi ai ơi! mau tỉnh giác
Chóng lo niệm Phật vãng Tây phang

Tóm lại, trong hai chương này, Phật dạy phải Quán "Vô Thường và Vô Ngã". Quán vô thường để thấy cái Chơn thường; Quán vô ngã để thấy cái Chơn ngã. "Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh", đó là Tứ đức Niết bàn, mà trong Kinh Đại Bát Niết Bàn đã nói rõ.

tùy cơ hóa độ người là khó; thấy cảnh không động tâm là khó; khéo giải phương tiện là khó.

Giảng Giải:

Qua hai mươi điều khó này, chúng ta thử kiểm qua, xem mình có thể vượt qua được điều khó nào không. Có những điều khó mà chúng ta đành phải chấp nhận đầu hàng bó tay, không cách nào làm được. Có những điều khó, tuy khó, nhưng chúng ta cố gắng cũng có thể vượt qua. Bây giờ chúng ta sẽ lần lượt kiểm định từng cái khó một.

Khó thứ nhứt, nghèo bố thí là khó: Vấn đề này, tôi nghĩ, chúng ta có thể vượt qua được. Dù nghèo đến đâu người ta cũng có thể giúp chút đỉnh tài vật cho những người trong lúc gặp hoạn nạn, túng thiếu, đói khát. Họ có gì giúp nấy. Thậm chí, họ cũng có thể bố thí bằng những lời nói khuyên lơn an ủi. Nhưng cái khó thứ nhứt Phật nói ở đây là phần vật chất. Cái khó này không đến đổi người ta không làm được.

Khó thứ hai, giàu sang học đạo là khó. Cái khó này, nếu nói chung thì rất khó. Bởi người giàu sang họ rất là bận rộn, toan tính đủ thứ. Giao tiếp xã hội, nhất là, họ rất bận rộn trong sự giao tiếp thù tạc với bạn bè trong công việc kinh doanh làm ăn v.v... Cho nên việc học đạo đối với họ rất là khó. Đây chỉ là xét chung, nếu xét riêng thì cũng chưa hẳn là thế. Cũng có người rất giàu có sang trọng, nhưng họ vẫn đến chùa tìm thầy học đạo. Họ là người rất có tâm ủng hộ phụng sự đạo pháp. Nhưng phải nói số người này rất hiếm hoi. Tuy khó, nhưng họ cũng có thể vượt qua.

Khó thứ ba, bỏ thân mạng quyết chết là khó. Cái khó này mới thật là khó. Tuy nhiên, cũng có người vượt qua,

không đến nổi hoàn toàn không có. Như trường hợp của Bồ tát Quảng Đức và các vị thiêu thân trong thời gian pháp nạn năm 1963. Người Phật tử vì lý tưởng đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, họ quyết bỏ thân mạng để cảnh tỉnh những tham vọng lớn lao của con người. Nhất là đối với những người đang nắm quyền hành trong tay cai trị. Đó là đức hy sinh cao cả dám bỏ thân mạng vì đại cuộc. Cái khó này cũng có người vượt qua. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể làm được.

Khó thứ tư, thấy được kinh Phật là khó. Cái khó này, ai cũng có thể vượt qua được. Tuy nhiên, cũng có người cả đời của họ chưa bao giờ thấy được quyển kinh Phật. Nhất là những người không có nhân duyên với Phật pháp. Dù kinh điển để trước mặt họ, nhưng họ không bao giờ để mắt nhìn tới. Điều này là một sự thật không phải nói ngoa. Chính tôi đã chứng kiến điều này. Vì họ không tin vào Phật pháp. Cũng như có người cả đời họ không biết đi chùa, mặc dù ngôi chùa sờ sờ trước mắt họ. Đối với những ai có nhân duyên với Phật pháp, nhất là người Phật tử, thì điều này không có khó lắm, chúng ta cũng có thể vượt qua được. Đối với chúng ta chẳng những thấy kinh Phật không thôi, mà chúng ta còn nghiên cứu tìm hiểu học hỏi nữa. Thế thì, chúng ta vượt qua cái khó này.

Khó thứ năm, sanh ra gặp Phật ở đời là khó. Cái khó này mới thật là khó. Đối với thời đại của chúng ta, nói chung là cả nhơn loại không một ai gặp được ông Phật ứng thân ra đời ở Ấn Độ cả. Cái khó này, không phải riêng ai, mà cả nhơn loại đều phải chấp nhận bó tay. Tuy không gặp được đức Phật ứng thân ra đời như Phật Thích Ca, nhưng chúng ta cũng còn có diễm phúc là thấy được các tôn tượng Phật mà các nghệ nhân đã tác tạo. Điều này cũng là một duyên lành và một nguồn an ủi lớn cho chúng

Chương 20

QUÁN VÔ NGÃ NHƯ HUYỄN

Phật ngôn: Đương niệm thân trung tứ đại các tự hữu danh, đô vô ngã giả; ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ.

Dịch Nghĩa: Quán vô ngã như huyễn

Phật dạy: Phải quán bốn đại trong thân, mỗi đại tự nó có tên riêng, đều không có cái gì là thật ngã cả, ngã đã không có thì chúng chỉ như huyễn mà thôi.

Giảng Giải:

Chương này, Phật dạy chúng ta phải quán bốn đại trong thân, phân tích từng bộ phận, mỗi thứ có tên riêng, vậy thì cái nào là ngã của ta? Chẳng qua nó chỉ là tướng duyên hợp giả có, kỳ thật không có cái nào là thật ngã cả. Thân này giống như chiếc xe. Xe chỉ là một tên gọi tổng hợp của các bộ phận, kỳ thật trong đó không có gì là xe cả. Tuy nhiên, xe chỉ là phần vật chất, còn thân thể của chúng ta ngoài phần tứ đại ra, nó còn có tâm thức. Cho nên nói cho đúng là phải nói thân này là một hợp thể Ngũ uẩn. Vì trong năm uẩn Sắc thuộc về phần vật chất là tứ đại, còn lại 4 thứ kia: "Thọ, Tưởng, Hành, Thức" thuộc về phần tinh thần. Phân tích cho cùng thì thân này quả thật là vô ngã. Thân đã vô ngã, thì ngã sở cũng vô ngã. Nói cách khác các pháp cũng vô ngã. Mở đầu của Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, Bồ tát Thế Thân đã nói rõ: "Như Thế Tôn ngôn: Nhứt thế pháp vô ngã". Nghĩa là mọi hiện

thường. Nhưng quán vô thường có thô và tế. Tế là sát na sinh diệt. Thô là trời đất cũng là vật biến hoại. Lại Tế là quán thân người biến đổi từng giây phút. Nó thay đổi liên miên không dừng cho đến lúc hoại diệt tan rã.

Tuy nhiên, khi quán sâu vào lý vô thường ta thấy có cái chân thường trong đó. Hẳn chúng ta còn nhớ bài kệ của Thiền Sư Mãn Giác đời nhà Lý.

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền hóa
Lão tùng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhứt chi mai

Dịch:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Hoa mai tuy rụng hết, nhưng cành mai vẫn còn. Thiền Sư Mãn Giác nhắc nhở cho chúng ta biết rằng, trong thế giới hiện tượng vô thường vẫn còn có cái "Chân thường" trong đó. Tu là để nhận lại cái Chân thường này. Cái thể tánh chân thường này không bị vô thường hủy diệt, mà nó luôn tồn tại vượt ngoài phạm trù thời và không gian vậy.

ta. Mặc dù đó không phải là ông Phật thiệt, nhưng nhờ ông Phật giả mà ta mới tìm ra ông Phật thiệt của chính mình. Khó là không gặp được ông Phật ứng thân, còn ông Phật pháp thân, thì cũng có người tu hành chứng nghiệm được.

Khó thứ sáu, nhịn sắc nhịn dục là khó. Cái khó này quả thật là khó. Tuy nhiên, cũng không phải tất cả đều khó hết. Đối với người đời thì họ cảm thấy rất khó. Nhưng đối với người thật sự tu hành, họ không còn màng gì đến sắc dục của thân thể, thì đối với các bậc chân tu này, hẳn đâu có khó lắm. Nghĩa là người chân tu cũng có thể vượt qua được.

Khó thứ bảy, thấy tốt không mong cầu là khó. Cái khó này nói chung cũng rất khó. Tuy nhiên, đối với các bậc chân chánh tu hành, vấn đề vật chất tốt đẹp hào nhoáng bên ngoài, họ cũng không quan tâm đến để mong cầu. Bởi vì hễ còn có mong cầu là vẫn còn có khổ lụy. Mà tu là phải vượt qua cái khổ lụy này. Mong cầu mà được thì vui, không được thì buồn khổ. Thế là vẫn còn có cái đối đãi tốt xấu, chính đó là nguyên nhân của sự đau khổ. Cho nên người thật tu mong cầu giải thoát là phải vượt qua cái khó này.

Khó thứ tám, bị nhục không sân là khó. Cái khó này là chạm đến ba món độc Tham, Sân, Si, tức thuộc loại căn bản phiền não. Cho nên, muốn vượt qua cái khó này, hành giả phải nỗ lực chuyên cần huân tu đạo lực cho thật vững vàng, "đối cảnh vô tâm", thì mới có thể khắc phục vượt qua. Cho nên đòi hỏi người tu hành hằng chuyên sâu thiền quán phải thấy cho được "Ngũ uẩn giai không, duyên sinh như huyễn", thì mới có thể hy vọng vượt qua cái khó này. Bằng không, thì khó mà vượt qua khi bị sỉ nhục trước công chúng. Đây gọi là "công xúc tu sỉ", nếu như tu hành

lôi thôi đạo lực chưa thật vững vàng, thì khó mà vượt qua cửa ải của cái khó này.

Khó thứ chín, có thế lực không ỷ là khó. Cái khó này đối với những người có quyền thế, muốn vượt qua không phải là chuyện dễ dàng. Bởi vì đại đa số khi nắm quyền hành trong tay thì hay cậy quyền ỷ thế mà hiếp đáp dân lành. Việc này xảy ra hằng ngày trong xã hội xưa cũng như nay đều có. Tuy nhiên, cái khó này, không chỉ có ở ngoài đời không thôi, mà trong đạo những vị tu hành có chức vụ cao (tạm gọi là có uy quyền thế lực), cũng hay làm khó dễ bắt nạt kẻ dưới tay mình. Cho nên, chúng ta cũng cần phải hết sức cẩn trọng ý thức cái bản ngã của chính mình. Chính vì cái bản ngã mà gây ra cái tệ hại tạo thành thế lực phe nhóm mà triệt hạ lẫn nhau. Hy vọng người tu hành của chúng ta sẽ vượt qua cái tai hại tệ nạn này.

Khó thứ mười, gặp việc vô tâm là khó. Cái khó này hầu hết chúng ta đều gặp phải. Khi gặp những việc bất như ý, mà tâm chúng ta không động, thì thật là rất khó. Vô tâm là tâm không động. Nếu gặp cảnh thuận, nghịch gì mà chúng ta đều giữ tâm an nhiên điềm tỉnh bất động, thì quả thật khó khăn vô cùng. Phải nỗ lực chuyên tu đạt đạo như sơ tổ Trúc Lâm, mới "đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền". Tu hành đạt đến trình độ đó đâu phải là chuyện dễ làm. Tuy nhiên, cũng không phải là cái khó hoàn toàn không ai làm được, bằng chứng như chư Tổ Sư của chúng ta có vị cũng xúc cảnh vô tâm kia mà!

Khó thứ mười một, học rộng nghiên cứu sâu là khó. Cái khó này đa số đều có thể vượt qua. Vì có rất nhiều người trong đạo hay ngoài đời, họ đều có những sở học

của chúng ta càng sâu dày thêm. Chúng ta cố gắng học hỏi trau dồi thêm trí huệ Bát nhã. Quá trình Văn, Tư, Tu, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng nỗ lực hành trì liên tục. Gia hạnh là y nơi lời Phật dạy mà gia tăng phần thật hành. Nghĩa là phải làm sáng tỏ ở nơi "Lý", vì Lý có tỏ thì "Hạnh" mới sâu. Từ nghe mà học hỏi mới hiểu được Lý; từ lý mà quán chiếu suy nghiệm, rồi từ quán chiếu suy ngiệm mà khởi hạnh. Đó là trải qua một quá trình công phu tu tập của chúng ta.

Linh giác là giác tánh linh diệu, tức chỉ cho bản tâm thanh tịnh sáng suốt mà hầu hết chúng ta đều sẵn có. Quán linh giác tức Bồ đề, vì Bồ đề cũng là tên khác của Linh giác. Thiết nghĩ, ta cũng cần hiểu rõ chữ Bồ đề. Bồ đề tiếng Phạn là Bodhi, cựu dịch là Đạo; tân dịch là Giác đạo có nghĩa là thông suốt. Giác nói đủ là giác ngộ. Cảnh sở thông, sở giác có hai phần: Sự và Lý. Lý tức Niết bàn nghĩa là dùng Nhứt thiết trí mà đoạn trừ phiền não chướng chứng được Niết bàn. Đây là Bồ đề thông cả Tam thừa. Sự tức là các pháp hữu vi do dùng Nhứt thiết chủng trí đoạn "Sở tri chướng" mà chứng quả Bồ đề. Đây là Đại bồ đề tức quả vị Phật. Cho nên nói: Quán linh giác tức Bồ đề là vậy.

Chữ trời đất (thiên địa) trong đây nói, thông thường chúng ta hay gọi là thế giới. Câu chẳng phải thường có hai nghĩa: Biến hoại và đoạn diệt. Chẳng phải thường không phải theo cái nghĩa đoạn diệt mà là theo cái nghĩa biến hoại. Nói cách khác là dời đổi chuyển biến, có nghĩa là thành hoại. Ý nói, quán chiếu cái rộng lớn lâu xa như trời đất mà còn có lúc biến hoại, thì tất cả các thứ khác cũng đều chịu chung một định luật vô thường. Đã quán trời đất là vô thường, thì thế giới đương nhiên cũng là vô

Chương 19

GIA HẠNH TRÍ
Quán vô thường tức thường

Kinh Văn:

Phật ngôn: Quán thiên địa niệm phi thường, quán thế giới niệm phi thường, quán linh giác tức Bồ đề, như thị tri thức đắc đạo tật hỷ

Dịch Nghĩa:

TRÍ GIA HẠNH
Quán vô thường tức thường

Phật dạy: Quán trời đất, nghĩ là chẳng phải thường, quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường, quán linh giác tức Bồ đề, hiểu biết như thế được mau đắc đạo.

Giảng Giải:

Chương này Phật dạy quán vô thường là thường, vì trong cái vô thường sẵn có cái Chơn thường. Quán thân tứ đại này giả dối như huyễn, không nên mê luyến. Từ chương này đến chương thứ 26 là nói về "Gia hạnh bát nhã". Gia hạnh là khi chưa được Căn bản trí (cái trí sẵn có, tên khác của Phật tánh v.v...) về trước gia công tấn hạnh.

Các hạnh lành mà chúng ta thật hành hằng ngày chứa thành các thứ thiện căn. Càng làm lành nhiều thì căn lành

kiến thức uyên thâm về nội điển cũng như ngoại điển rất là sâu sắc. Đó là cả một quá trình nghiên cứu tìm hiểu học hỏi của họ.

Khó thứ mười hai, trừ diệt tâm ngã mạn là khó. Cái khó này đối với người tu chúng ta thật cũng không phải dễ trừ. Vì ngã mạn là một trong sáu món căn bản phiền não. Chính vì nó có gốc rễ sâu dày từ vô lượng kiếp trong quá khứ, nên khó trừ khó đoạn. Người tu mà không đoạn trừ cái tâm ngã mạn cống cao này thì thật khó tiến bộ trên đường tu tập lắm. Cho nên mỗi người chúng ta cần phải cố gắng diệt trừ.

Khó thứ mười ba, không khinh những người chưa học là khó. Cái khó này thật ra, hầu hết người tu của chúng ta ít nhiều gì cũng đều có học qua. Chẳng qua là học trước hay học sau đó thôi. Tuy nhiên, cũng có người xuất gia trình độ học vấn của họ rất kém. Cũng có thể là do họ mới xuất gia, cho nên những người xuất gia tu học lâu năm, cũng chớ vội khinh chê họ. Điều này tuy khó, nhưng chúng ta cũng có thể vượt qua.

Khó thứ mười bốn, tâm hành bình đẳng là khó. Tâm mình đối với mọi người cố gắng thực tập phải có cái nhìn bình đẳng. Tuy khó, nhưng chúng ta cần nỗ lực công phu tu tập để có cái nhìn không sai biệt, như thế mới thật sự là người tu theo đạo lý giác ngộ giải thoát.

Khó thứ mười lăm, không nói việc phải quấy là khó. Mới nhìn qua cái khó này ta thấy dường như không khó lắm, bởi vì việc thị phi là chuyện của thiên hạ đâu phải là chuyện của mình mà xen vô làm gì? Thế thì tại sao Phật nói là khó? Bởi vì Phật thừa biết con người ít ai chịu làm

thinh, mà thích xen vô chuyện của người khác. Thích làm cảnh sát quốc tế. Chuyện của mình thì tối om, còn chuyện của người thì rất sáng. Nhà mình dơ dáy rác rến đầy khắp không chịu quét, mà thích cầm chổi quét nhà thiên hạ. Thói quen của con người là thích bàn chuyện thị phi, những chuyện tạp nhạp bù khú ở thế gian. Đối với người chân chánh tu hành thì họ quyết tâm thực tập bỏ cái thói quen hư tệ xấu xa này, vì nó là thứ tập khí do chúng ta huân tập mà có.

Khó thứ mười sáu, gặp được thiện tri thức là khó. Cái khó này, theo tôi nghĩ, cũng không khó lắm. Vì trong đời tu của chúng ta ít nhiều gì cũng gặp được thầy hiền bạn tốt. Họ là thiện tri thức của ta. Nhờ họ mà ta mới có thể vượt qua những cái khó khăn hoạn nạn trong khi tu tập, hành đạo...

Khó thứ mười bảy, thấy tánh học đạo là khó. Cái khó này phải thành thật mà nói ít có ai làm được. Bởi vì "kiến tánh" không phải là chuyện dễ dàng. Nhiều khi tu cả đời mà vẫn chưa thấy tánh. Nếu chỉ học đạo không thôi thì đâu có khó khăn lắm, nhưng ngặt vì thấy tánh rồi mới học đạo mới thật là khó. Cái khó này đối với chúng ta chắc là phải bó tay đầu hàng rồi! Thưa, có phải vậy không?! Tuy nhiên, đối với chư Tổ, thì việc thấy tánh khởi tu không khó với các Ngài. Bằng chứng như đức Lục Tổ Huệ Năng chẳng hạn.

Khó thứ mười tám, tùy cơ hóa độ người là khó. Cái khó này, đối với các bậc tu hành chứng đạo thì không khó lắm, bởi vì các ngài có thể thấy được căn cơ của chúng sanh. Ngược lại, người tu của chúng ta hiện nay, chưa có ai chứng đạo thực sự thì làm sao thấu suốt căn cơ của

mắc với nhau, ngay đó là giải thoát. Người ra làm Phật sự được như đây thì mới thực sự là giải thoát. Đạo lý "Vô Hành" dạy chúng ta phải làm như thế!

Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở cầu, sai chi hào ly, thất chi tu du.
Bặt dứt ngôn ngữ, chẳng bị vật gì ràng buộc, sai đi hào ly, mất trong giây lát.

Ngoài hành động ra còn có lời nói. Mà mọi ngôn từ đều phải bặt dứt. Vì đến chỗ cùng tột của chân lý, thì còn gì nữa mà phải nói năng luận bàn. Ta nên ý thức, mọi ngôn từ chỉ là giả lập, ngay cả những danh từ Chân như, Phật tánh, Niết bàn v.v... tất cả đều là giả danh rỗng tuếch mà thôi. Ngôn từ có ra cũng từ nơi ý nghĩ, mà ý nghĩ phát xuất từ vọng tưởng, vọng tưởng thì không có thật, thế thì cái gốc đã không thật thì cái ngọn làm gì có thật mà bám chấp? Thế là ta đã giải thoát ngay cả hành động và lời nói.

Tóm lại, lời Phật dạy trên nhằm mục đích là để phá chấp. Phá cho đến tận cùng không còn gì để phá nữa, chính đó mới thực sự là hoàn toàn giải thoát vậy.

Hành xả có nghĩa là làm đâu bỏ đó, cố nhiên là không bị dính kẹt vào ngã và ngã sở hữu. Mà không dính kẹt vào ngã chấp và pháp chấp, thì làm gì có phiền não phát sanh? Đó là ta diệt được cái bản ngã đáng ghét của ta. Ngã và pháp không còn thì đó mới thực sự là giải thoát. Ta thấy các vị Bồ tát khi dấn thân thật hành Bồ tát đạo, thì các Ngài đều trang bị cho mình một pháp tu vô hành. Đi trong lòng cuộc đời làm tất cả mọi công việc Phật sự, cứu người giúp đời, mà tuyệt nhiên không thấy có cái "Ta" trong đó. Đây là một bài học quý giá cho chúng ta khi ra làm những công việc gọi là Phật sự. Làm thế mới đúng nghĩa là Phật sự, nghĩa là làm trong sự tỉnh thức, giác ngộ, không có mê lầm chấp trước như đã nói. Thế thì làm đâu đều có vô hành ở đó, chính đó mới thật là giáo hóa chúng sanh. Ngoài ra, không khéo chúng ta dễ bị rơi vào ma sự chớ không phải là Phật sự. Chúng ta nên lưu ý cẩn thận về vấn đề này.
Hẳn chúng ta còn nhớ bài kệ của ngài Hương Hải Thiền Sư đời Hậu Lê, ngài nói:

"Nhạn quá trường giang
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô vi tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm".

Nghĩa là:

Chim nhạn bay qua con sông dài, bóng chìm dưới dòng nước lạnh. Chim nhạn không có ý để lại dấu vết, và nước cũng không có cái tâm lưu lại bóng hình của con chim nhạn làm gì. Thật là một hình ảnh gợi cảm siêu thoát làm sao! Cả hai chim nhạn và dòng nước không có liên hệ gì với nhau. Cảnh là cảnh, tâm là tâm, tâm cảnh không dính

chúng sanh? Tuy nhiên, trong khi ra giáo hóa hành đạo, thì chúng ta cũng có chút ít kinh nghiệm, nên cần phải khéo léo tùy cơ cảm mà linh động uyển chuyển cho phù hợp đó thôi.

Khó thứ mười chín, thấy cảnh không động tâm là khó. Cái khó này mới thật là khó. Làm sao thấy cảnh không động tâm? Nếu tâm mình chưa thanh tịnh, chưa an, thì khi xúc cảnh, xúc duyên liền sanh khởi tâm thương ghét v.v... như thấy sắc đẹp thì khởi tâm yêu thích; thấy xấu xa thì tâm ta liền động không muốn nhìn. Nói tóm lại, khi tâm mình chưa an tịnh, thì khi đối cảnh xúc duyên khó mà không động tâm lắm. Điều này, nếu ai huân tu khá và có một đạo lực công phu thiền định sâu sắc vững vàng, thì tương đối không bị ngoại cảnh dẫn dắt lừa gạt. Vì cảnh tùy tâm khởi. Tâm bình thì thế giới bình, tâm an thì mọi cảnh vật đều an. Điều khó này, chỉ còn có cách là chúng ta phải cố gắng nỗ lực huân tu khá, nhất là phải có sức thiền định thâm hậu, thì mới mong vượt qua chút ít mà thôi.

Khó thứ hai mươi, khéo giải phương tiện là khó. Cái khó này, tuy khó, nhưng nếu chúng ta khéo biết sử dụng phương tiện tùy cảnh tùy duyên, tùy thời, tùy cơ, nghĩa là tạo phương tiện trong việc giáo hóa giúp đỡ người khác, thì tôi nghĩ, chúng ta cũng có thể làm được.
Qua hai mươi điều khó Phật nói, tuy có những điều khó mà ta không thể làm được, như trường hợp gặp Phật ra đời, còn lại những điều khó khác, buộc ta phải cố gắng tu tập vượt qua được điều khó nào thì tốt cho điều khó đó. Nếu không vượt qua hết thì ít ra, chúng ta cũng phải cố gắng vượt qua một số nào đó. Không phải thấy khó mà chúng ta lại nản chí anh hùng không chịu khó khắc phục vượt qua.

Chương 13

TRÌ GIỚI ĐỘ

Kinh Văn:

Sa môn vấn Phật: Vĩ hà nhân duyên đắc tri túc mệnh? Hội kỳ chí đạo? Phật ngôn: Trừng tâm thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma cảnh, cấu khứ minh tồn. Đoạn dục vô cầu, đương đắc túc mệnh

Dịch Nghĩa: Hành trì giới luật Ba La Mật

Có vị Sa môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì biết được túc mệnh? Đến được chỗ chí đạo?Phật dạy rằng: "Lóng sạch tâm mình, giữ vững ý chí" đến được chí đạo. Thí như lau gương, trừ bụi còn lại ánh sáng. Dứt lòng tham dục không sự mong cầu sẽ được túc mệnh

Giảng Giải:

Sa môn vấn Phật: Vĩ hà nhân duyên đắc tri túc mệnh? Hội kỳ chí đạo?
Có vị Sa môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì biết được túc mệnh? Đến được chỗ chí đạo?

Túc mệnh có nghĩa là mệnh sống trải qua nhiều kiếp về trước. Biết được mạng ấy từ vô thỉ đến giờ theo nghiệp lưu chuyển gọi là tri túc mệnh. Tri túc mệnh này, chỗ khác gọi là Túc mạng minh, tức là một trong Tam minh và Lục thông. Chí đạo là chỉ cho Phật quả. Do trí huệ vô lậu chứng chân thật pháp tánh mà được.

tượng niệm, làm mà không còn làm và đối tượng làm, nói mà không còn nói và đối tượng nói, tu mà không còn tu và đối tượng tu, kẻ biết rất gần, người mê rất xa.

Chương này đối với chúng ta phải nói rất là khó hiểu. Vì chúng ta chưa quen cách nói như thế. Vừa xác định mà cũng vừa phủ định rồi lại xác định. Tuy nhiên, nếu chúng ta chịu khó nghiền ngẫm cho kỹ, thì cách nói này mới rất là thật và logic. Ta hãy tìm hiểu và phân tích từng câu Phật nói. Phật nói: "Pháp của ta niệm mà không có gì để niệm chính đó mới thật là niệm". Mới nghe qua thật khó hiểu, nhưng nghĩ kỹ thì đây là một cách phá chấp. Triệt tiêu mọi ý niệm mà lâu nay ta hay bị dính kẹt vào những ý niệm của ngôn từ. Ý niệm về chủ thể và khách thể, nói cách khác là ý niệm về kiến phần và tướng phần hay năng và sở. Nhưng ở đây, Phật không muốn cho chúng ta bị dính kẹt vào chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Thí dụ: khi niệm Phật thấy mình là người hay niệm và danh hiệu Phật là đối tượng để mình niệm, như thế thì mình bị kẹt vào năng sở. Mà còn dính kẹt vào năng và sở thì vẫn còn ngã chấp và pháp chấp. Pháp chấp thuộc về ngã sở, mà ngã và ngã sở còn thì đó là gốc của sanh tử luân hồi.

Đến ý niệm về hành cũng vậy. Làm mà mình còn thấy có mình làm và việc để làm là vẫn còn trong ý niệm chấp trước ngã và ngã sở. Cho nên trong đạo Phật thường hay nói đến sự hiện diện vô hành của đạo đức. Vô hành không có nghĩa là không làm gì hết, đó là lười biếng chớ không phải vô hành. Vô hành là làm tất cả mọi việc lợi mình lợi người mà tuyệt nhiên, không dính mắc vào việc mình làm. Trong Duy Biểu học có nói đến từ ngữ hành xả. **Hành xả** là một từ ngữ đặc sản của Duy Biểu học.

Chương 18

BÁT NHÃ ĐỘ
Hậu đắc trí

Kinh Văn:

Phật ngôn: Ngô pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu, hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ!
Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở cầu, sai chi hào ly, thất chi tu du.

Dịch Nghĩa:

TRÍ HUỆ BA LA MẬT
Trí hậu đắc

Phật dạy: Pháp của ta, niệm mà không còn niệm và đối tượng niệm, làm mà không còn làm và đối tượng làm, nói mà không còn nói và đối tượng nói, tu mà không còn tu và đối tượng tu, kẻ biết rất gần, người mê rất xa. Bặt dứt ngôn ngữ, chẳng bị vật gì ràng buộc, sai đi hào ly, mất trong giây lát.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Ngô pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu, hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ!

Phật dạy: Pháp của ta, niệm mà không còn niệm và đối

Phật ngôn: Trừng tâm thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma cảnh, cấu khứ minh tồn. Đoạn dục vô cầu, đương đắc túc mệnh.
Phật dạy rằng: "Lóng sạch tâm mình, giữ vững ý chí" đến được chí đạo. Thí như lau gương, trừ bụi còn lại ánh sáng. Dứt lòng tham dục không sự mong cầu sẽ được túc mệnh

Chương này và chương 14, đức Phật nói về trì giới độ là một độ trong sáu độ *(bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ),* gồm có hai phần:

1. Người cố gắng trì giới pháp sẽ được đến chỗ "Chí đạo", tức đạt được Phật quả và biết được Túc mệnh (những mạng sống trải qua nhiều đời).

2. Người trì giới sẽ được gọi là "Thiện" và hiệp với "Đại Đạo". Trì có hai nghĩa:

1. Chỉ trì: Người trì giới phải ngăn dứt tất cả các việc ác.

2. Tác trì: Chẳng những dứt các điều ác mà còn cần phải nỗ lực làm các điều lành.

Giới là tín điều của tất cả đức hạnh, nếu ai có thể giữ tín điều này, làm những việc nên làm, dứt những việc nên dứt, gọi đó là trì giới.

Giới pháp của Đại thừa có chia làm ba thứ gọi là Tam tụ tịnh giới:

1. Nhiếp luật nghi giới: Ngăn dứt các ác nghiệp.
2. Nhiếp thiện pháp giới: Tinh tấn tu hành tất cả thiện pháp.

3. Nhiêu ích hữu tình giới: Làm lợi ích cho chúng sanh trong mọi trường hợp, gọi đó là "Giới". Vì bổn ý của giới Bồ tát là ở chỗ y cứ Đồng thể đại bi lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

Nói "**lóng sạch tâm mình**", tức là do trì giới để dứt nghiệp "Thất chi" nơi thân và khẩu (thân có 3: sát sanh, trộm cắp, tà dâm và khẩu có 4: vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu), thuần là do dứt ác làm lành mà tâm lóng sạch. Nhưng người đời có làm lành mà không dứt ác, nên điều lành kia trở thành bất tịnh, vì các nghiệp thất chi đều do tâm phát khởi, Bồ tát ra làm những công việc Phật sự cứu giúp chúng sanh là phải y cứ nơi tâm mà làm. Phàm phu ra làm theo thứ lớp có ba giai đoạn: Suy nghĩ tính toán, quyết định thực hiện và phát động. Vì thế mà phàm phu ra làm đều có ý phát sanh, còn Bồ tát ra làm đều do tâm làm chủ. Nên bề ngoài hình như là phạm giới, nhưng bên trong tâm vẫn trì giới. Trái lại, tâm chẳng trì giới tuy bề ngoài trì giới cũng không phải là trì giới. Giới của Đại thừa lấy tâm làm chủ nên gọi là "Tâm địa giới". Thuận theo đây mà hành đạo có thể đến được chỗ "Chí đạo". Đức Phật nêu ra một hình ảnh thí dụ rất cụ thể là lau gương trừ bụi. Gương là dụ cho bản tâm, bụi là dụ cho phiền não, lau là dụ cho trì giới. Do trì giới nghiêm tịnh mà tẩy trừ được bụi phiền não, sạch được bản tâm, mới biết tâm này bản lai sáng suốt, chẳng qua khi chưa khử trừ được trần cấu nên bị che lấp không phát hiện, khi trần cấu được khử trừ thì tánh thể sáng suốt hiện ra. Đây là dụ cho trí vô lậu, tức vô phân biệt trí của Bồ tát hiện tiền. Cái thể trong sạch của gương tức dụ cho bản tâm hiển hiện.

Câu nói: "**Dứt lòng tham dục không sự mong cầu".** Tham dục là con đẻ của vô minh. Dứt tham dục cũng có

thấy chúng sanh đều không. Ngược lại, Kiến đạo của Đại thừa thì chứng được Nhị không (sanh không và pháp không).

Tối là dụ cho vô minh, sáng là dụ cho Vô lậu thánh trí, còn cầm đuốc vào nhà tối là dụ cho đem ánh sáng Vô lậu trí phá trừ vô minh mờ ám. Khi tối hết sáng còn, hai việc đó không có trước sau.

Học đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỷ.
Người học đạo thấy được chân lý, thì vô minh liền dứt mà ánh sáng trí huệ thường còn.

Vô minh là dụ cho bóng tối, vì vô minh không có thực thể, như bóng tối không có thực thể. Cho nên khi có ánh sáng thì bóng tối không còn. Cũng vậy khi trí huệ phát sáng thì vô minh không còn. Nhưng vô minh và trí huệ, bóng tối và ánh sáng, không phải là có hai thực thể riêng biệt. Cũng như sóng với nước không thể ly khai ra mà có. Mà toàn sóng cũng chính là nước, mà toàn nước cũng chính là sóng. Vô minh và Phật tánh cũng như thế.

Trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói: "Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyễn hóa không thân tức pháp thân". Nghĩa là thật tánh của vô minh là Phật tánh, cái thân huyễn hóa cũng chính là pháp thân. Nghĩa là giữa bản giác và bất giác không rời nhau mà có. Như nước trong không rời nước đục mà có. Ngay trong nước đục ta có thể thấy được nước trong, chỉ cần lóng hết cặn cáu thì nước trong hiện ra. Cũng thế, khi vô minh không còn thì toàn thể tánh giác hiện bày.

cho nên người ta dịch là trí huệ Bát nhã. Dịch trí huệ được rồi sao còn phải kèm theo Bát nhã? Bởi vì Bát nhã, tiếng Phạn là Prajna phiên âm là Bát nhã, nó có nhiều nghĩa. Thường nói đến Bát nhã, người ta chia Bát nhã ra làm ba loại: Văn tự Bát nhã, Quán chiếu Bát nhã và Thật tướng Bát nhã. Văn tự Bát nhã cũng gọi là phương tiện Bát nhã. Vì "Lý" không hình tướng lại dứt cả ngôn tự, nên quyết phải nhờ đến văn tự để giải nghĩa. Do nghĩa mà rõ được Lý. Tuy nhiên, ta nên nhớ văn tự chữ nghĩa cũng chỉ là tướng duyên hợp, bản thân của nó là "không". Nhưng nếu không có nó thì làm sao ta có thể quán chiếu và chứng được thật tướng? Cho nên bước đầu là ta phải nương vào văn tự. Hãy coi nó như là ngón tay, nương ngón tay người chỉ mà thấy được mặt trăng. Ta không nên chấp vào ngón tay. Ngón tay chỉ là biểu trưng cho văn tự chữ nghĩa. Khi học ta phải khéo léo cẩn thận về văn tự chữ nghĩa. Nhất là đừng chấp chặt vào văn tự.

Quán chiếu Bát nhã, dùng tâm trí huệ chiếu rõ lý thật tướng, vì trí tỏ thì lý bày, phá trừ mê hoặc mà hiển Tam đức (Pháp thân đức, Bát nhã đức và Giải thoát đức) diệu tâm nên gọi là quán chiếu.

Thật tướng Bát nhã, nghĩa là tướng không của vạn pháp. Vì là tướng không nên mới là tướng chân thật. Còn phàm cái gì có tướng đều là hư vọng giả dối không thật (phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng – Kinh Kim Cang Bát Nhã).

Chữ Kiến đạo như đã nói là người thấy được chơn lý. Nhưng ta nên phân biệt rõ về Kiến đạo của Tiểu thừa, khác với Kiến đạo của Đại thừa. Vì hàng Tiểu thừa chỉ mới thấy được cái Chân lý tương đối, chớ chưa phải thấy được cái Chân lý tuyệt đối. Nói rõ hơn là những vị này

nghĩa là dứt vô minh. Còn mong cầu là vẫn còn lòng ham muốn. Mong cầu không toại nguyện là phiền não phát sanh. Không mong tức là vô nguyện giải thoát, là một trong ba món giải thoát: "Không, Vô tướng và Giải thoát". Không là tánh không của Bát nhã. Nghĩa là vạn pháp do nhân duyên sinh, nên thể tánh của nó là "không tánh". Vô tướng, là các pháp không có tướng chân thật. Tất cả chỉ là giả tướng như bóng trong gương hay như trăng dưới nước. Nếu chúng ta nhìn các pháp bằng tuệ nhãn vô tướng, thì đó là giải thoát. Thường cái nhìn nhận thức của chúng ta bị dính kẹt vào hữu tướng, cho nên chúng ta rất đau khổ. Nhìn vào đám mây mà không thấy được những thứ không phải là mây để tạo thành đám mây. Nước ở các sông, hồ, biển cả... và sức nóng của mặt trời, không khí v.v... những thứ này không phải là đám mây. Tuy nhiên, nếu không có những thứ này hợp lại thì đám mây kia không có. Vậy thì, ta có thể nói, đám mây là do các thứ không phải là mây, đủ duyên hợp lại tạo thành đám mây. Thế là đám mây kia không có thật thể. Nhìn như thế, thì ta không bị kẹt vào đám mây. Thế là ta được giải thoát.

Túc mạng minh là một trong Tam minh mà đức Phật đã chứng đắc (tạm nói như thế). Theo sử liệu ghi lại là đêm thứ 49, lúc sao mai vừa mọc, thì đức Phật đã lần lượt chứng được Tam minh. Điều mà ta cũng cần nên lưu ý, ở A la hán thì gọi là Tam minh, ở Phật thì gọi Tam đạt trí (ba đức thông đạt). Tam đạt, tức Thiên nhãn, Túc mệnh và Lậu tận. Thiên nhãn biết được nhân quả sinh tử của thời vị lai. Túc mệnh biết được nhân quả sinh tử của thời quá khứ. Lậu tận biết rõ phiền não hiện tại và đoạn trừ hết được. Biết rất tỏ rõ thì gọi là Minh. Biết đến mức cùng tận thì gọi là Đạt (Đại thừa Nghĩa Chương q.20)

Chương 14

TRÌ GIỚI ĐỘ (tiếp theo)

Kinh Văn:

Sa môn vấn Phật: Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại? Phật ngôn: Hành đạo thủ chơn giả thiện; chí dữ đạo hiệp giả đại.

Có vị Sa môn hỏi Phật: Điều gì lành? Thứ gì rất lớn? Phật dạy rằng: Thật hành theo đạo, giữ điều chân thật là "Lành", chí hiệp với đạo là "Lớn".

Giảng Giải:

Nói "Lớn" là tên khác của "Đạo", cũng là tên khác của "Pháp tánh". Thực thể này có rất nhiều tên, vì chính tự thân nó không có tên gì, nên người ta tạm đặt ra cho nó có nhiều tên. Có khi người ta gọi nó là chân như, như trong Khởi Tín Luận gọi là Chân như môn và Sanh diệt môn. Nói cách khác chân như là bản thể hay bản giác, còn sanh diệt là hiện tượng của các pháp. Như nước là bản thể của sóng và sóng là hiện tượng của nước. Mà hiện tượng thì sanh diệt, vô thường, vô ngã khi có khi không. Còn bản thể thì bất sanh bất diệt. Bởi chân như là bản thể của các pháp nên ở đây gọi là Lớn. Lớn đây có nghĩa là dứt các sự đối đãi, vì thực thể này nó rộng lớn trùm khắp pháp giới.

Câu: **"Thật hành theo đạo, giữ điều chân thật**", tức là chỉ cho sự hành trì Định cộng giới. Nghĩa là làm cho định

Chương 17

BÁT NHÃ ĐỘ
Căn bản trí

Kinh Văn:

Phật ngôn: Phù kiến đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung, kỳ minh tức diệt nhi minh độc tồn. Học đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỷ.

Dịch Nghĩa:

TRÍ HUỆ BA LA MẬT
Trí căn bản

Phật dạy: Luận đến bực kiến đạo, thí như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối kia liền hết mà chỉ còn lại ánh sáng. Người học đạo thấy được chân lý, thì vô minh liền dứt mà ánh sáng trí huệ thường còn.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Phù kiến đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung, kỳ minh tức diệt nhi minh độc tồn.
Phật dạy: Luận đến bực kiến đạo, thí như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối kia liền hết mà chỉ còn lại ánh sáng.

Chương này và chương kế tiếp Phật chỉ bày rõ về Bát nhã độ. Bát nhã dịch cho đúng tránh sự lầm lẫn là phải dịch Chơn trí diệu huệ. Dịch như thế thành một cụm từ hơi dài,

cho người tu chúng ta. Ái nhiễm càng sâu thì dục vọng càng lớn. Mà cội gốc phát sinh có ra ái dục là từ căn bản vô minh mà ra. Vậy vô minh từ đâu mà có? Phải chăng cũng từ nơi tâm vọng của chúng ta. Mà tâm vọng có ra cũng từ nơi chơn tâm mà có. Như sóng từ nước mà có. Rời nước ra làm gì có sóng? Nhưng sóng không phải là nước. Vẫn biết vọng có ra từ chơn, nhưng vọng không phải là chơn. Chơn và vọng không phải có hai thực thể riêng biệt. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Muốn chấm dứt ái dục, thì phải đừng theo vọng. Vọng dừng lại thì ái dục không có. Bởi ái dục có ra là do tư tưởng sanh, nếu tư tưởng không sanh thì ái dục không có. Vậy thì, chúng ta phải đi thẳng vào gốc mà đoạn trừ. Gốc của nó chính là vọng tưởng. Vọng tưởng không còn thì ái dục cũng chấm dứt. Muốn vọng tưởng không còn là phải nỗ lực huân tu công phu thiền định. Phải hằng tư duy thiền quán đi sâu vào chánh pháp. Phải thấy rõ ngũ uẩn giai không. Có thấy năm uẩn đều không, thì làm gì có ái dục? Thế thì, mọi khổ ách do ái dục sanh ra đều không còn tác dụng nữa. Đến đây, mới thật là người thấy được chân lý, tức thấy được đạo vậy.

lực tăng trưởng lớn mạnh. Định tăng thượng chính là Định cộng giới. Huệ tăng thượng chính là Đạo cộng giới. Định và huệ không rời nhau. Khi năng lực của giới chưa đầy đủ, theo lời Phật dạy, thì sức hành trì chỉ là miễn cưỡng, vẫn chưa phải là "Chân thiện", khi được đến chỗ định lực kiên cố không thối chuyển, ấy tức Định cộng giới, gọi đó là Thật hành theo đạo giữ điều chân thật.

Câu: **"Chí hiệp với đạo"**, ý nói tuy có "Chí" rồi, nhưng vẫn chưa có Đại đức, Đại trí và Đại lực, giờ cần phải tương ưng với Vô lậu thánh đạo, nên gọi là "Rất Lớn". Ấy tức là Đạo cộng giới vậy.

Chương 15

NHẪN NHỤC ĐỘ

Kinh Văn:

Sa môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh? Phật ngôn: Nhẫn nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện; nhẫn giả vô ác, tất vi nhơn tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa, đãi ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc nhứt thiết trí khả vị minh hỷ.

Dịch Nghĩa: Nhẫn nhục Ba La Mật

Sa môn hỏi Phật: Những gì rất mạnh? Những gì rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục rất mạnh, vì chẳng ôm lòng ác, lại thêm an kiện; kẻ nhẫn nhục không làm ác, tất được người tôn quý. Tâm cấu diệt hết, sạch không còn vết nhơ, ấy là rất sáng. Bao nhiêu sự vật trong mười phương, từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay: không có vật nào là không thấy, không có điều gì không biết, không có việc gì là không nghe, được nhất thế trí có thể gọi là rất sáng vậy.

Giảng Giải:

Sa môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh? Phật ngôn: Nhẫn nhục đa lực, bất hoại ác cố, kiêm gia an kiện; nhẫn giả vô ác, tất vi nhơn tôn.
Sa môn hỏi Phật: Những gì rất mạnh? Những gì rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục rất mạnh, vì chẳng ôm lòng ác, lại thêm an kiện; kẻ nhẫn nhục không làm ác, tất được người tôn quý.

khi con người gặp hoạn nạn khổ đau thì người ta hay khóc than nước mắt tuôn trào! Và lòng ái dục của con người nó cũng ngập tràn dậy sóng. Nếu muốn hết khổ thì tâm phải lắng dừng lại. Tâm càng phan duyên theo trần cảnh thì chỉ càng chuốc thêm khổ lụy mà thôi. Do đó, nên Phật mới nêu ra một thí dụ:

Thí như trừng thủy trí thủ giao chi, chúng nhơn cộng lâm vô hữu đồ kỳ ảnh giả.
Thí như nước được lóng trong lại lấy tay quấy nó, mọi người cùng đến xem không thấy được bóng mình.

"Nước" là dụ cho tâm thể chẳng động, như nước được lóng lặng, dùng tay phiền não quấy lên, làm bùn nhơ nổi dậy thì ánh sáng trong trẻo mất đi, nếu người đến nhìn xuống nước đục, không thấy được bóng mình. Cũng thế, tâm ta chưa hoàn toàn thanh tịnh, mà cứ khởi vọng niệm phan duyên rong ruỗi theo trần cảnh, thì tâm vọng động liên miên. Muốn tâm an thì đừng khởi niệm vọng động, giống như nước đã lóng trong rồi thì soi thấy muôn hình vạn tượng, và người đến nhìn vào cũng thấy rõ bóng hình. Được thế, là phải do công phu tu tập thiền định miên mật. Nghĩa là phải hằng tư duy quán chiếu sâu vào nội tâm, đồng thời cũng lấy cảnh ngoài làm đối tượng để thiền quán. Nhờ công phu thiền định sâu dày, thì tâm của chúng ta mới có thể được an tịnh, bất động.

Nhơn dĩ ái dục giao thố, tâm trung trược hưng, cố bất kiến đạo.
Người vì ái dục thay nhau không dứt, mà cấu trược trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy đạo.

Phải nói, ái và dục hai loại phiền não này rất quan trọng

ngờ gì nữa cả. Chữ "Đạo" nói ở đây, ta có thể hiểu đó là chỉ cho "Chân lý tuyệt đối". Ái dục là con đẻ của mẹ vô minh. Ái dục là nhân tố hiện tại của chuỗi xích 12 nhân duyên. Ái là yêu thương, dục là ham muốn. Người đời thường nói sông mê bể ái. Lòng ham muốn của con người không có giới hạn. Họ ham muốn theo cấp số nhân. Có một muốn mười, mười muốn trăm, trăm muốn ngàn v.v...Lòng ham muốn cứ nhân lên không biết đến bao giờ cùng. Nhưng chúng ta đừng quên rằng, càng ham muốn nhiều thì càng khổ lụy nhiều. Bởi thế mới có bài kệ tụng rằng:

"Ái hà thiên xích lãng
Khổ hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Tảo cấp niệm Di Đà".

Nghĩa là:

Sông ái ngàn thước sóng
Bể khổ sóng muôn trùng
Muốn thoát khổ luân hồi
Mau gấp niệm Di Đà

Xuyên qua bài kệ đó, ta thấy nỗi khổ lớn của con người cũng do Ái và Dục mà ra. Cho nên người ta diễn tả cụ thể hóa lòng ái dục của con người như nước sông ngàn thước sóng dâng cao. Chính nó là nguyên nhân gây ra không biết bao nhiêu những nỗi khổ niềm đau của con người. Cho nên lấy biển mà dụ cho nỗi thống khổ. Biển thì rộng lớn bao la để diễn tả nỗi đau khổ của con người nó cũng rộng lớn như bể cả. Tại sao người ta dùng sông biển để dụ cho ái dục và đau khổ? Từ ái dục mà có ra đau khổ. Bởi vì

Chương này nói về hạnh nhẫn nhục. Nhẫn nhục là một trong sáu pháp tu của Bồ tát, thường gọi là Lục độ vạn hạnh. Một thầy Sa môn hỏi Phật: Những gì là rất mạnh? Phật trả lời dứt khoát thẳng thừng: Nhẫn nhục là rất mạnh. Nói thế, Phật minh định nhẫn nhục không phải là hèn yếu. Nói rất mạnh, có nghĩa là đức nhẫn nhục có thể làm lay chuyển ngoại cảnh, mà ngoại cảnh không thể làm mình lay chuyển được. Nói thế, lấy gì để chứng minh. Cố nhiên, là lấy đức Phật ra để chứng minh. Đức Phật là người rất mạnh đủ mười lực tôn quý. Người nào trong tâm không còn ôm lòng ác để hại người khác, Phật nói đó là sức mạnh của hạnh nhẫn nhục, người đó, cố nhiên sẽ được mọi người tôn kính quý trọng.

Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh.
Tâm cấu diệt hết, sạch không còn vết nhơ, ấy là rất sáng.

Tâm cấu dứt hết, có nghĩa là phiền não không còn. Dù đó là vi tế phiền não cũng sạch hết không còn một vết nhơ nào cả. Phật nói bấy giờ tâm người đó rất sáng. Nói rất sáng, chính là chỉ cho Tam minh, tức tâm đạt trí (ở quả vị Phật thì gọi là Tam đạt, còn quả vị A la hán thì gọi là Tam minh). Tam minh: 1. Túc mạng minh. 2. Thiên nhãn minh. 3. Lậu tận minh. Người nhẫn nhục đối với việc trái ngược không đem lòng giận tức, mà trái lại, còn phải dùng tâm từ bi cảm hóa mọi người.

Hẳn chúng ta còn nhớ, tiền thân của Phật, xưa kia, khi Ngài còn tu Bồ tát hạnh, lúc bấy giờ Ngài bị vua Ca Lợi chặt tan thân thể của Ngài, thế mà vì lòng từ mẫn, Ngài vẫn vui vẻ, lại còn phát nguyện độ cho nhà vua và đồng bọn trước nhất. Ấy chính là năm anh em Kiều Trần Như sau này vậy.

Nếu ai giữ vững được tâm nhẫn nhục, cố nhiên sẽ không còn bị mọi vật xâm phạm. Bình thường, tâm tham dục cùng với ngoại cảnh hiệp nhau, vì có tâm tham dục mà giận hờn tranh chấp nổi lên, rồi xúc phạm tiêu diệt lẫn nhau. Chẳng khác nào người vẫn sẵn có sức lực làm nên đại sự, nhưng vì mắc lo đối địch với nghịch đảng, mỗi ngày mỗi tận dụng nên lần lần tiêu hao, rốt cuộc, hai bên chẳng làm được điều gì. Người nhẫn nhục khí lực của mình sẽ được ngày một tăng trưởng có thể làm cho tâm cảnh dung nhau bình đẳng .

Vị hữu thiên địa, đãi ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc nhứt thiết trí khả vị minh hỷ.
Bao nhiêu sự vật trong mười phương, từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay: "không có vật nào là không thấy, không có điều gì không biết, không có việc gì là không nghe, được nhất thế trí có thể gọi là rất sáng vậy.

Khi tâm hành giả được trong sáng rồi, có khác nào như tấm gương sáng sạch, như nước đã lóng trong, như trăng thanh có thể chiếu soi tất cả muôn vật. Nên nói: "Không có vật nào là không thấy, không có điều gì là không biết..."

Câu: **"Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay:",** thông thường trong kinh gọi là ba đời. Nhưng vì ban sơ Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, theo văn pháp của Trung Quốc, không nói là "ba đời" mà lại nói là "Từ khi chưa có trời đất".

Khi được nhất thế trí, thì đối với tất cả pháp đều thấy biết rõ ràng, có thể chứng đến quả vị Phật tức là được Vô thượng nhất thế trí vậy.

Chương 16

THIỀN ĐỊNH ĐỘ

Kinh Văn:

Phật ngôn: Nhơn hoài ái dục bất kiến đạo giả. Thí như trừng thủy trí thủ giao chi, chúng nhơn cộng lâm vô hữu đổ kỳ ảnh giả. Nhơn dĩ ái dục giao thố, tâm trung trược hưng, cố bất kiến đạo. Nhữ đẳng Sa môn đương xả ái dục, ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỷ.

Dịch Nghĩa: Thiền định Ba La Mật

Phật dạy: Người ôm giữ lòng ái dục chẳng thấy được đạo. Thí như nước được lóng trong lại lấy tay quấy nó, mọi người cùng đến xem không thấy được bóng mình. Người vì ái dục thay nhau không dứt mà cấu trược trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy đạo. Sa môn! Các ông phải dứt bỏ ái dục, cấu trược ái dục hết rồi mới thấy được đạo.

Giảng Giải:

Phật ngôn: Nhơn hoài ái dục bất kiến đạo giả.
Phật dạy: Người ôm giữ lòng ái dục chẳng thấy được đạo.

Chương này nói về Thiền định độ trong sáu độ. Nói rõ là sáu pháp Ba la mật của Bồ tát hạnh. Phật nói: Người nào còn nặng lòng ái dục thì người đó quyết không thể thấy được đạo. Lời dạy này như là một chân lý không còn nghi